



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Quan điểm:

Đảng cộng sản và tham nhũng

Đầu năm 1997 đã diễn ra hai vụ án tham nhũng lớn với sáu người bị án tử hình. Trong vụ thứ nhất, vụ công ty phân bón Quyết Thắng, hai người. Trong vụ thứ hai, vụ công ty xuất nhập cảng TAMEXCO, bốn người khác. Ngoài ra gần 20 cán phạm bị xử tử 2 năm tới chung thân. Chính quyền cộng sản muốn chúng tỏ họ chống tham nhũng và mọi người sẵn sàng tin, bởi vì ai không ghét tham nhũng? Bản chất con người luôn luôn hướng thiện. Kẻ tham nhũng nhất cũng không thể ưa tham nhũng, những tên sát nhân dù tợn nhất vẫn thích người hiền lành, những kẻ dối trá nhất vẫn ưa người chân thật. Vấn đề đặt ra không phải là ghét hay không ghét tham nhũng mà là làm thế nào để chấm dứt tham nhũng, và về điểm này đảng cộng sản không thuyết phục được ai.

Hai vụ án được quảng cáo rầm rộ này đã chỉ bộc lộ bản chất ngang ngược và hung bạo của chế độ.

Trước hết, án tử hình không có cái hiệu lực mà sự dã man của nó có thể làm người ta tưởng. Chiều hướng chung của thế giới là tiến tới bỏ hẳn án tử hình. Hầu hết các nước văn minh đều đã bỏ án này, xã hội của họ không vì vậy mà hỗn loạn và thối nát hơn trước. Các quốc gia còn giữ án tử hình chỉ dành nó cho tội giết người trong trường hợp gia trọng. Tuyên án trong vòng hai tuần lễ sáu bản án tử hình, chế độ cộng sản Việt Nam đã chỉ chứng tỏ bản chất hung bạo của nó. Hung bạo để làm gì? Luật pháp cần nghiêm minh chứ không cần phải dữ tợn.

Tệ hơn nữa, những người bị xử tử chỉ là những con vật tế thần chứ chưa chắc đã là những chính phạm. Phó thống đốc ngân hàng trung ương đã chỉ ra hầu tòa với tư cách nhân chứng, trong khi chính ông ta đã cho phép ngân hàng VIETCOMBANK cho Phạm Huy Phước vay phần lớn số tiền bị thất thoát. Không có sự phê chuẩn của ngân hàng nhà nước, Phạm Huy Phước đã không thể vay tiền để hối lộ và tiêu xài lãng phí. Trước đây Viện Kiểm Sát cho biết có tới 200 cán bộ cao cấp đồng lõa với Phạm Huy Phước, nhưng trước tòa đã chỉ có 20 bị cáo. Ngay cả các báo của Đảng và Nhà Nước cũng đã phải nhìn nhận vụ án TAMEXCO chỉ là phần nổi của một băng đảng. Những người có chức phận lớn đã không bị truy tố.

Vụ án TAMEXCO còn là một sự khinh thường pháp luật. TAMEXCO là một công ty kinh tài của đảng cộng sản chứ không phải là một công ty của nhà nước. Đúng về mặt luật pháp, đây chỉ là một công ty tư. Đảng cộng sản là chủ nhân TAMEXCO, nếu tuyển chọn một giám đốc bất lương và không phát hiện kịp thời thì chính mình phải chịu thiệt hại. Cùng lắm đảng cộng sản chỉ có thể đứng tên dân sự nguyên cáo kiện Phạm Huy Phước. Trong những vụ án về tiền bạc giữa chủ nhân và công nhân chỉ có thể có phạt vạ và bồi thường thiệt hại chứ không thể có án tử hình. Xử tử Phạm Huy Phước và tòng phạm về tội cướp đoạt tài sản nhà nước, đảng cộng sản một lần nữa xác xược tự đồng hóa mình với nhà nước, bất chấp hiến pháp của chế độ.

Sau cùng, một câu hỏi then chốt: các

công ty của đảng cộng sản do đâu mà có? Quý đảng không bỏ ra, đảng viên không hùn vốn, các công ty này thuần túy là tài sản mà đảng cộng sản cướp đoạt của nhà nước, nghĩa là của nhân dân Việt Nam. Nếu hiểu tham nhũng là tội chiếm đoạt của công làm của riêng và muốn xử tội cướp đoạt của công thì phải xử đảng cộng sản trước tiên. Đảng cộng sản hiện đang làm chủ một số công ty rất lớn, với tích sản tổng cộng trên 20 tỷ USD, chưa kể vô số nhà đất được dùng làm trường đảng, trụ sở đảng, v.v... Những tài sản đó sẽ phải trả lại cho quốc gia.

Đảng cộng sản đã nhận ra là nếu để tham nhũng phát triển đất nước sẽ bế tắc và chế độ sẽ sụp đổ, đó là một yếu tố tích cực. Điều họ cần sớm hiểu và rút kết luận phải có, là chính chế độ độc tài toàn trị, bất chấp đạo lý và luật pháp của họ là nguyên nhân trầm trọng nhất của tham nhũng, và chính họ là tội phạm tham nhũng đáng lên án nhất. Nếu tiền đề là phải chống tham nhũng thì kết luận là phải chấm dứt chế độ đảng trị.

Nhân dân Việt Nam đã rất kiên nhẫn với đảng cộng sản trong 21 năm qua, sự kiên nhẫn ấy nếu cứ bị lạm dụng mãi sẽ có thể nhường chỗ cho một sự nổ bùng của thịnh nộ khi chế độ cộng sản, phân hóa trong nội bộ, không còn chống đỡ nổi những áp lực ngày càng mạnh hơn từ một xã hội đang tự cởi trói và từ một thế giới đang chuyển hóa nhanh chóng về dân chủ.

Thông Luận

Hai lợi khí của Trung Quốc trên trường chính trị quốc tế

Gần đây các nhà bình luận chính trị quốc tế thường nói đến các tham vọng bành trướng bá quyền của Trung Quốc qua các cuộc tranh chấp tại biển Nam Hải, các cuộc thao diễn quân sự tại eo biển Đài Loan. Nhưng thật ra, các tranh chấp này không lấy gì làm quan trọng vì đó chỉ là những cuộc bạo hành cơ hội, lợi dụng sự rút lui của Hoa Kỳ tại Đông Thái Bình Dương và sự sụp đổ của đế quốc Xô Viết. Về lâu về dài, Trung Quốc có hai lợi khí cho phép họ không cần dùng những cuộc bạo hành cơ hội này. Đó là lợi khí kinh tế và sức mạnh của cộng đồng người Hoa tại ngoại quốc (Hoa kiều).

Từ ngày họ Đặng nắm quyền, Trung Quốc dần dần trở nên một nước đáng kể trên thương trường quốc tế. Trong cuộc trao đổi mậu dịch với Hoa Kỳ, Nhật Bản đang bị Trung Quốc chiếm chỗ. Số thâm hụt cán cân thương mại của Hoa Kỳ đối với Nhật càng ngày càng giảm, và vào năm 1996 chỉ còn 47,4 tỉ USD. Trong khi đó số thâm hụt cán cân thương mại của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc càng ngày càng tăng từ 11 năm qua, và đạt đến con số 39,5 tỉ vào năm 1996. Dự trữ ngoại tệ Trung Quốc đạt con số 100 tỉ USD, gần một nửa số dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới là Nhật Bản, nhưng 5 lần lớn hơn nước Pháp, cho phép Trung Quốc có một số áp lực tài chính tuy kín đáo nhưng không kém phần hiệu lực. Một phần ngoại tệ này được đầu tư vào công khố phiếu của Hoa Kỳ. Năm này, Trung Quốc đã mua 12 tỉ USD công khố phiếu của Hoa Kỳ, nghĩa là Trung Quốc nắm 1/10 công khố của nước dân chủ nhất và giàu mạnh nhất thế giới. Đó là lý do giải thích tại sao Trung Quốc tuy có một chính trị phi nhân quyền, nhưng vẫn được các cường quốc thương mại vượt ve.

Sức mạnh thứ hai là lực lượng Hoa kiều trên thế giới, nhất là tại Bắc Mỹ và Châu Á. Lực lượng này có cả phẩm lẫn lượng. Khó mà biết một cách chính xác số Hoa kiều trên thế giới, nhưng người ta có

thể ước lượng vào khoảng 55 triệu, nếu kể cả 21 triệu người tại Đài Loan, 6 triệu tại Hồng Kông và 300.000 tại Macao. Tại Bắc Mỹ có khoảng 2 triệu rưỡi người, trong đó 2 triệu tập trung tại tiểu bang California và nửa triệu tại Canada, đặc biệt là tại Vancouver. Nhất là từ 10 năm nay, khi có tin Hồng Kông sẽ được trao trả cho Trung Quốc thì số dân gốc Hoa tại đây càng ngày càng tăng, đến nỗi thành phố này có biệt danh là Hongcouver. Tại Thái Lan, có khoảng 5 triệu dân gốc Hoa, chiếm 10% dân số, Indonesia với 6 triệu chiếm 4%; Malaysia 4 triệu, 33%; Singapore, 2 triệu, 77%; Phi Luật Tân 1 triệu, 2%; Việt Nam 700.000, 1,2%; Cambodge 200.000, 2%; Australia 125.000, 1%; Brunei 55000, 20%...

Đại đa số Hoa kiều làm nghề lao động, nhưng một số khác nắm các đồn bẫy kinh tế tài chính tại các xứ họ cư ngụ. Những nhà kinh doanh này quy tụ chung quanh một tổ chức có tên là Hội Nghị thế giới doanh gia Trung Hoa, hai năm họp một lần. Chủ tịch là ông Li Ka Shing, biệt danh tại Hồng Kông là "superman Li", được xem là người Hoa giàu nhất thế giới, với một tài sản được đánh giá vào khoảng 3 tỉ USD. Quy tụ chung quanh là những nhân vật như Henry Fok, một chủ tàu buôn tại Hồng Kông với gia tài 1,5 tỉ USD, Mochtar Riady, 2 tỉ USD, chủ tịch công ty Lippo tại Indonesia, người đã dính vào vụ xi-căng-đan tài trợ cuộc tranh cử của tổng thống Bill Clinton. Ngoài ra còn phải kể đến Liem Sioe Liong, chủ tịch công ty Siam với gần 8 tỉ USD doanh vụ, tương đương với 5% tổng sản lượng nội địa của Indonesia. Lucio Tan, chủ tịch các công ty sản xuất bia, thuốc lá, xây cất khách sạn, địa ốc và quản trị những nông trại rộng lớn tại Phi Luật Tân, đã làm một cú ngoạn mục vào năm 1995 là mua lại công ty hàng không quốc gia Phi Luật Tân Philippines Airlines. Robert Kuok, quốc tịch Malaysia, sinh sống tại Hồng Kông, có biệt danh là "vua đường", đã mua lại

các cơ quan truyền thông tại Hồng Kông như báo South Morning Post và đài truyền hình TVB. Nói chung, tại các nước vùng Đông Nam Á, Hoa kiều nắm tất các đồn bẫy kinh tế. Tại Phi Luật Tân, Hoa kiều kiểm soát 12 trên 26 ngân hàng quốc gia và 6 trên 10 tờ nhật báo. Tại Malaysia, họ chiếm 60% sản xuất cá thể. Tại Indonesia, 80% các xí nghiệp công ty kỹ nghệ; tại Thái Lan 90% và Phi Luật Tân 40%. Tại Việt Nam, Chợ Lớn bắt đầu bị tràn ngập bởi Hoa kiều. Một nửa dân số là Hoa kiều (500.000), đầu tư của họ (gần 10 tỉ USD) tại đây chiếm 40% đầu tư ngoại quốc. Các đường dây kiểm soát thu mua lúa đồng bằng sông Cửu Long đang dần dần vào tay Hoa kiều.

Hoa kiều tại Mỹ, nhất là tại San Francisco, không những có ảnh hưởng trên lãnh vực kinh tế và giáo dục (60% nhà của nằm trong tay người Mỹ gốc Hoa, 40% sinh viên đại học nổi tiếng Berkeley là Hoa kiều), họ lại bắt đầu có ảnh hưởng chính trị qua các tổ chức Cử Tri Hoa kỳ gốc Hoa (Chinese American Voter). Dân chúng tại đây sẽ không ngạc nhiên nếu trong tương lai sẽ có một vị tổng thống gốc Hoa.

Một điểm đặc sắc là dân Hoa kiều rải rác trên năm châu, bốn biển là một xã hội không quốc gia, không biên giới, không cờ quạt (cờ 5 ngôi sao vàng hay cờ mặt trời trắng), kết hợp bởi lòng yêu quê hương và các giá trị cổ truyền. Theo François Godement, chuyên gia về các vấn đề Trung Quốc, các Hoa kiều có một lòng yêu nước và một tinh thần tôn trọng giá trị cổ truyền mạnh hơn cả dân Trung Hoa nội địa.

Trong tương lai, cộng đồng Hoa kiều là một sức mạnh vô địch không một cường quốc nào chống nổi, vì con cháu của chiến lược gia đại danh Tôn Tử, nếu muốn, họ có thể chiến thắng mà không cần giao tranh.

Huỳnh Hùng

Trung Hoa sau vị hoàng đế cuối cùng

Nguyễn Gia Kiểng

Các nhà bình luận đã quan tâm đến thân thế và sự nghiệp của Đặng Tiểu Bình hơn là tới ý nghĩa của cái chết của ông đối với Trung Quốc. Điều đáng lưu ý là trong khi thế giới bàn luận sôi nổi về cái chết của Đặng Tiểu Bình thì chính quyền Trung Quốc lại cố tình giảm thiểu tầm quan trọng của biến cố này. Hình như họ sợ nói tới những hậu quả của nó.

Đặng Tiểu Bình là vị hoàng đế cuối cùng của Trung Hoa; cùng với cái chết của ông Trung Quốc đã vĩnh viễn ra khỏi kỷ nguyên quân chủ. Cho tới nay, về bản chất, Trung Quốc vẫn còn là một chế độ quân chủ. Các định chế chính thức và không chính thức khác như chủ tịch nước, thủ tướng, quốc hội, bộ chính trị, ban chấp hành trung ương, quân ủy trung ương, kể cả tổng bí thư đảng cộng sản đều chỉ là những quân thần dưới trướng của một vị hoàng đế có quyền định đoạt tất cả và không chịu trách nhiệm trước bất cứ ai, kể cả trước lương tâm của chính mình.

Không ý thức được điều đó người ta sẽ không thể hiểu tại sao trước đây ba thập niên Mao Trạch Đông có thể phát động cuộc Cách Mạng Văn Hóa, đem các sinh viên học sinh xông vào dinh chủ tịch bắt giam và hành hạ tới chết Lưu Thiếu Kỳ (cho tới lúc chết trong ngục, Lưu Thiếu Kỳ vẫn không bị truất phế khỏi chức vụ chủ tịch nước); các thống chế tư lệnh các lộ quân hùng hậu cũng đành ngoan ngoãn để cho một đám thanh thiếu niên mặc tình xỉ vả, đánh đập. Lý do là vì hoàng đế Mao Trạch Đông quyết định như vậy. Cũng cái ngôi vị hoàng đế đó đã cho phép Đặng Tiểu Bình bỏ nhiệm và cách chức tùy tiện những nhân vật cao nhất trong guồng máy đảng và nhà nước cộng sản Trung Quốc.

Cũng như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình không những chỉ là hoàng đế mà còn là một trong những hoàng đế nhiều quyền lực nhất và được nể sợ nhất. Theo truyền thống Trung Hoa, các vị hoàng đế có uy quyền nhất là những người tự mình giành được ngai vàng, những Lưu Bang, Lý Thế Dân, Triệu Khuông Dã, Chu Nguyên Chương trước đây. Mao

Trạch Đông đã không nhận ngai vàng từ tay người khác mà đã chinh phục Trung Quốc để lên ngôi. Đặng Tiểu Bình đã không kế vị Mao Trạch Đông mà đã đánh bại vây cánh của Mao Trạch Đông để nắm lấy quyền lực. Uy thế của Đặng Tiểu Bình lớn vì lý do đó. Nhưng quyền lực của ông còn lớn hơn các vị hoàng đế trước ông vì Trung Quốc ngày nay đã giàu mạnh hơn hẳn ngày xưa.

Vẫn trong truyền thống chính trị Trung Quốc, nếu không tự dựng lấy nghiệp đế vị hoàng đế muốn có nền tảng chính đáng và uy quyền phải thuộc huyết thống của vị hoàng đế vừa qua đời. Giang Trạch Dân không thể là hoàng đế, ông chỉ là một bầy tôi không hơn các bầy tôi khác được Đặng Tiểu Bình chỉ định một cách tùy tiện, như Đặng đã từng tùy tiện bỏ nhiệm và cách chức Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương.

Và lại ngôi vị hoàng đế cuối cùng không còn nữa tại Trung Quốc. Ba năm qua ngai vàng đã bị bỏ trống. Đặng Tiểu Bình già yếu đã rút vào hậu trường, đóng vai trò của một thứ Thái Thượng Hoàng.

Cái chết của Đặng Tiểu Bình đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với Trung Quốc: chế độ quân quyền đã chấm dứt. Tương lai của Trung Quốc sẽ ra sao còn là một dấu hỏi lớn.

Cho đến nay lịch sử của Trung Quốc, và của các nước thuộc văn hóa Trung Hoa như Việt Nam, vẫn diễn ra theo một chu kỳ quen thuộc. Khởi đầu là một thời kỳ loạn lạc và cùng cực, một vị minh chúa xuất hiện khuất phục tất cả và thu về một mối, kế tiếp là một giai đoạn thái bình thịnh trị. Sau đó loạn lạc lại bắt đầu và gia tăng, dần dần đưa xã hội trở lại tình trạng cùng cực. Và một chu kỳ mới bắt đầu. Những chu kỳ ấy đã diễn lại nhiều lần đến nỗi người Trung Hoa và các dân tộc thuộc văn minh Trung Hoa đã xây dựng thành một triết lý, một chân lý, một thứ kinh: Kinh Dịch. Vũ trụ âm dương tuần hoàn nên có trị thì phải có loạn, có thịnh thì phải có suy, có hưng tất phải có phế, hợp rồi tan, tan rồi lại hợp, v.v...

Nhưng số dĩ chu kỳ thịnh-suy, trị-loạn

được chấp nhận như một định mệnh là vì trí tuệ của người Trung Hoa, tê liệt bởi khuôn mẫu Khổng Mạnh cứng nhắc, không đủ khả năng tìm hiểu chứ không phải nó không thể giải thích. Ở đầu chu kỳ xã hội đã loạn lạc và đói khổ đến cùng cực, nguyện ước của mọi người chỉ là được sống bình yên, vị "minh chúa" xuất hiện như một đấng cứu tinh, ông ta được hậu thuẫn của mọi người. Lên ngôi, ông ta cũng không thể thất bại vì xã hội đã xuống đến mức không thể xuống thấp hơn được nữa và chỉ có thể đi lên, ông chỉ có thể thành công; các con cháu kế tiếp ông cùng thế. Đó là giai đoạn cần thiết để xã hội lấy lại sức. Giai đoạn này được coi là thời kỳ hưng thịnh của triều đại. Nó dài hay ngắn tùy ở bản lãnh của các vị vua và tùy ở mức độ tàn phá của thời kỳ loạn lạc trước khi triều đại được thành lập và hòa bình được văn hồi. Xã hội càng tang tóc và cơ cực bao nhiêu thì thời kỳ thịnh trị của triều đại được thiết lập sau đó càng dài bấy nhiêu.

Nhưng dần dần thì sau cùng xã hội cũng lấy lại được sức lực, tới một mức nào đó những nhu cầu cơ bản đã được thỏa mãn, xã hội dân sự được tái tạo và những đòi hỏi phức tạp hơn xuất hiện. Chế độ chính trị không còn thích hợp nữa và trở thành mâu thuẫn với một xã hội đã thay đổi và đã phát triển tới mức tối đa mà chế độ chính trị cho phép. Mỗi thể chế chính trị đều quyết định một mức phát triển tối đa. Khi xã hội đã phát triển tới mức tối đa này nó trở thành xung đột với chế độ chính trị và chỉ có hai giải pháp: một là chế độ chính trị phải thay đổi để mở ra một không gian phát triển mới rộng rãi hơn cho phép xã hội tiếp tục tiến lên, hai là xã hội phải trở lại tình trạng cơ cực để có thể tiếp tục chấp nhận chế độ chính trị hiện có. Nhưng muốn thay đổi chế độ cần có tư tưởng chính trị mới, điều mà các xã hội thuộc văn hóa Trung Hoa trước đây không có. Các xã hội này chỉ có một tư tưởng duy nhất là tư tưởng Khổng Mạnh, một tư tưởng tự coi là hoàn chỉnh không thể thay đổi, một thứ khuôn vàng thước ngọc không ai được đụng chạm tới. Chính sự thiếu vắng về tư tưởng của Trung Hoa đã khiến cho chu kỳ thịnh-suy, trị-loạn lặp đi lặp lại trong hơn hai ngàn năm.

Chu kỳ này ngày nay không thể diễn lại nữa. Thế giới đã thay đổi và Châu Á cũng đã thay đổi. Những tiếp xúc và trao đổi với Phương Tây, bắt đầu từ thế kỷ 17, mạnh lên trong thế kỷ 18, dồn dập từ thế kỷ 20, nhất là từ một nửa thế kỷ nay và đạt

tới cao điểm trong 20 năm qua đã phá vỡ khuôn thước Khổng Giáo và tạo ra một tình thế mới. Ý thức dân chủ đã xâm nhập Trung Quốc. Tư tưởng của Trung Quốc đã được khai thông. Trung Quốc phải tiến về dân chủ dù những người lãnh đạo muốn hay không muốn.

Từ hai mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, quốc gia này đã phát triển không có trí tuệ và viễn kiến, để mặc cho các mâu thuẫn gia tăng và tích lũy. Tham nhũng, ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ, trộm cướp đã trở thành những thực tại xã hội áp đảo đảng sau tỷ lệ tăng trưởng hào nhoáng 10% mỗi năm. Chênh lệch giàu nghèo lộ liễu và thách đố như chưa bao giờ thấy. Người bóc lột người, vùng bóc lột vùng, tỉnh bóc lột tỉnh. Trên 150 triệu người, đủ để thành lập một quốc gia đứng hàng thứ sáu trên thế giới về dân số, đang lang thang trên các nẻo đường tìm công ăn việc làm. Quân đội lao vào kinh doanh. Nhiều sư đoàn thực chất đã trở thành những công ty thầu xây cất, hay sản xuất và buôn bán nông phẩm. Có cả một sư đoàn tại Mãn Châu trước đây được coi là tinh nhuệ giờ đây chỉ tập trung sản xuất quần áo lót của phụ nữ. Cửa đồng công lính, một quân đội làm kinh tế chỉ có thể làm kinh tế dở nhưng chắc chắn là mất khả năng chiến đấu và cũng trở thành hung hăng với các thành phần kinh tế khác trong xã hội và tạo ra nguy cơ quân phiệt.

Cho đến nay sự ổn vững của Trung Quốc dựa trên một thể liên minh không chính thức giữa Bắc Kinh và các tỉnh duyên hải, chủ yếu là Quảng Đông và Giang Tô, trong đó Bắc Kinh có thể chính thống, trong khi các tỉnh duyên hải có sức mạnh kinh tế. Sự giàu có của các tỉnh bờ biển chủ yếu nhờ khai thác các tỉnh trong nội địa. Công thức này đang càng ngày càng gặp chống đối. Nhiều tỉnh không còn nộp đủ thuế cho trung ương nữa, có những tỉnh từ chối nộp thuế. Ba năm qua trong cơn hấp hối kéo dài của Đặng Tiểu Bình, chính quyền trung ương không còn bổ nhiệm và cách chức được những người cầm đầu các chính quyền tỉnh nữa. Trung Quốc đang đứng trước nguy cơ hỗn loạn do các tệ đoan xã hội chồng chất và các mâu thuẫn quyền lợi, nhưng chính sự thống nhất - thực ra chỉ còn trên giấy tờ - của nó cũng đang bị đe dọa trầm trọng. Chế độ Trung Quốc duy trì được nhờ uy thế của Đặng Tiểu Bình; mất Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc sẽ phải đương đầu với

một tương lai đầy bất trắc.

Những con người mà Đặng Tiểu Bình cất đặt để cai trị Trung Quốc sau ông không có uy thế của ông để cai trị một cách tập trung và độc đoán một quốc gia 1.200 triệu người đầy nguy cơ và hiểm họa. Các vấn đề không có giải đáp cũng sẽ là nguyên nhân chia rẽ giữa những người cầm quyền. Giang Trạch Dân có thể sẽ giữ được các chức vụ chủ tịch nước, chủ tịch quân ủy trung ương và tổng bí thư đảng. Nhưng giữ được chức là một chuyện, giữ được quyền là một chuyện khác. Tranh chấp quyền lực sau Đặng Tiểu Bình là điều chắc chắn. Sự tranh chấp này không những chỉ đe dọa Trung Quốc mà còn là một mối lo âu cho hòa bình tại Đông Á. Mọi đấu thủ sẽ đều phải cố gắng chứng tỏ mình là người hùng vô địch trong quyết tâm bảo vệ uy danh và quyền lợi của Trung Quốc; cách gián dị nhất để chứng tỏ quyết tâm ấy là lấy một thái độ trịch thượng và lấn áp đối với các nước trong vùng, đặc biệt là Việt Nam, nước láng giềng vừa có vô số tranh tụng về biên giới, hải phận, hải đảo với Trung Quốc, vừa suy yếu về mặt quân sự vì vũ khí đã lỗi thời và vì quân đội cũng đã mất phần lớn khả năng chiến đấu sau khi đã lao vào kinh doanh như quân đội Trung Quốc. Những cuộc thăm viếng Việt Nam gần đây của tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, của thứ trưởng quốc phòng Nhật cũng như việc một phái đoàn quân sự Việt Nam sang Mỹ trong tháng trước cho thấy Hà Nội cũng đã ý thức được những nguy cơ có thể nảy sinh từ phương Bắc.

Trung Quốc sẽ chỉ có hy vọng vượt qua được những thử thách trầm trọng trước mắt nếu những người lãnh đạo ý thức được hai điều. Một là Trung Quốc sẽ không thể tồn tại như một quốc gia thống nhất. Bắc Kinh sẽ phải nhìn nhận chủ quyền của các tỉnh và kết hợp các tỉnh theo một công thức tương tự như Liên Hiệp Châu Âu nếu không muốn Trung Quốc tan vỡ trong máu lửa. Hai là từ nay không còn một hoàng đế nữa, họ phải thỏa hiệp với nhau trong một thể cộng tồn tương đối bình đẳng; trong tình huống đó, dân chủ là phương thức sinh hoạt chính trị cho phép họ cạnh tranh với nhau mà không cần giết nhau.

Thật là lạ lùng khi hầu như cả thế giới ca tụng Đặng Tiểu Bình đã có công mở cửa Trung Quốc ra thế giới bên ngoài,

khởi đầu một kỷ nguyên hiện đại hóa và phát triển chưa từng có. Nhưng Đặng Tiểu Bình đã chỉ làm một việc mà Tưởng Giới Thạch, nếu không bị đánh bại, cũng đã làm và chắc chắn là làm hay hơn. Như thế thì gần một trăm triệu người Trung Hoa đã chết cho cái gì trong cuộc chiến tranh Quốc-Cộng, trong chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất, trong kế hoạch Bước Nhảy Vọt và trong cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa? Đặng Tiểu Bình cuối cùng đã chỉ chứng tỏ cuộc cách mạng cộng sản chỉ thuần túy là một đại họa đối với Trung Quốc.

Đừng nên quên rằng chính Đặng Tiểu Bình đã đòi tiêu diệt phong trào Trăm Hoa Dua Nở và bàn tay ông đã dẫm máu hàng ngàn trí thức hưởng ứng lời kêu gọi phê phán chính sách của đảng. Chính Đặng Tiểu Bình là người cầm đầu chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất giết hại gần 10 triệu người vô tội, chiến dịch này đã được xuất cảng sang Việt Nam, tàn sát hàng trăm ngàn người và tạo ra hàng trăm ngàn nạn nhân khác. Đặng Tiểu Bình cũng đã là một trong những tác nhân chính của kế hoạch Bước Nhảy Vọt làm gần 50 triệu người chết đói. Và cũng cần nhắc lại là Đặng Tiểu Bình đã tận tình đỡ đầu cho tập đoàn diệt chủng Pol Pot tại Kampuchea. Trong lịch sử thế giới khó kiếm được người nào mà bàn tay dẫm máu như Đặng Tiểu Bình. Công lao của Đặng Tiểu Bình đã chỉ là nhận ra sự ngu xuẩn của chính mình. Nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn chưa nhận ra được cái ngu xuẩn lớn nhất, đó là phủ nhận dân chủ. Đặng Tiểu Bình đã ra lệnh tàn sát sinh viên đòi dân chủ tại quảng trường Thiên An Môn, và cho tới lúc trút hơi thở cuối cùng Đặng Tiểu Bình vẫn chỉ coi dân chủ là hỗn loạn.

Vô số người lương thiện, sáng suốt và dùng cảm đã chết trong quên lãng do bàn tay của một người được tôn vinh chỉ vì đã ngừng một phần tội ác. Nhưng người Trung Quốc nói chung đã chấp nhận số phận của họ. Họ đã nờ nức ủng hộ đảng cộng sản, đã tôn thờ Mao Trạch Đông và bây giờ hình như họ biết ơn Đặng Tiểu Bình. Tư tưởng và tâm lý quyết định tất cả. Nghi cho cùng quốc gia nào cũng đều được xây dựng trên những cuốn sách. Trung Quốc, cũng như Việt Nam, có ít sách nhưng lại hay đốt sách. Điều đó giải thích tại sao lịch sử của hai nước đầy thảm kịch.

Nguyễn Gia Kiểng

Đặng Tiểu Bình: hoàng đế cuối cùng

Nguyễn Phi Phụng

Lịch sử cận đại Trung Quốc chắc chắn sẽ thường nhắc đến hai nhân vật đã làm đảo lộn cục diện chính trị và kinh tế của Trung Quốc. Đó là Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình, hai người mà một tác giả người Mỹ Harrison E. Salisbury đã cho là "hai hoàng đế mới của Trung Quốc". Mao mất năm 1976, hưởng thọ được 83 tuổi, Đặng Tiểu Bình vừa từ trần vào lúc 92 tuổi. Mao đã thắng Tưởng sau 28 năm tranh đấu và đã ngự trị hơn 27 năm trên toàn quốc. Lịch sử Trung Quốc sẽ phán xét công tội của Mao; điều chắc chắn là lúc Mao đương sinh thời, trên dưới 100 triệu người Trung Quốc đã ngã gục vì chính sách đấu tranh giai cấp và đường lối sai lầm.

Ông Đặng Tiểu Bình, từ ngày thành lập đảng năm 1921 cho đến khi bị thất sủng năm 1966, là một trong những người lãnh đạo của đảng. Ông đã giữ nhiều chức vụ then chốt sau năm 1949 như phó thủ tướng, bộ trưởng tài chính, tổng bí thư đảng, v.v... và cũng đã ủng hộ Mao trong đường lối nói trên. Tuy nhiên, vào lúc cuối đời, khi trở lại chính quyền năm 1977, ông đã chuyển sang thực hiện bốn hiện đại hóa của cố thủ tướng Chu Ân Lai. Từ đó trở đi, Trung Quốc từ một nước lạc hậu bước sang một nước có mức độ tăng trưởng hai số trong thập niên gần đây. Nhưng ông Đặng cũng là người đàn áp tự do dân chủ qua biến cố Thiên An Môn năm 1989. Người Trung Quốc sẽ phán xét hai nhân vật Mao và Đặng một cách khác nhau. Điều nghịch thường là nếu Mao thành tâm muốn đưa xã hội Trung Quốc đến "thiên đàng XHCN" thì đường lối sau này của ông Đặng hoàn toàn trái ngược.

Khẩu hiệu của Mác "các người vô sản, hãy đoàn kết lại", được Mao áp dụng triệt để, đã được ông Đặng đổi thành "các người Trung quốc hãy trở nên giàu có". Châm ngôn của ông Đặng "bất chấp mèo trắng hay vàng, mèo tốt là mèo bắt được chuột" đã trở thành mẫu mực cho xã hội Trung Quốc ngày nay. Người ta lại hỏi ông Đặng có còn tin tưởng ở XHCN không? Người viết không dám khẳng định rằng câu trả lời là "không", chỉ nhận thấy danh từ XHCN nay được ông Đặng

thay bằng "đường lối theo màu sắc Trung Quốc". Đó là một cách nói khéo là đường lối XHCN bị vứt vào thùng rác vì thực chất hoàn toàn biến thể.

Thuở thiếu thời của họ Đặng

Cuộc đời Đặng Tiểu Bình có nhiều bất ngờ và cũng đầy dẫy nghịch cảnh. Ông sinh ngày 12-7-1904 làng Bài Phường huyện Quảng An (Tứ Xuyên) vào thời kỳ Thanh triều mặt vận năm thứ 29 vua Quang Tự. Ông là con của bà Đạm người vợ thứ hai của Đặng Văn Minh, còn có tên là Đặng Siêu Xương. Lúc sinh ra, ông được đặt tên là Đặng Tiên Thánh nhưng bị thầy chế giễu nên phải đổi ra là Đặng Hy Hiền. Gia tổ của họ Đặng gốc người Hakka (phần lớn sống ở ba tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông và Quảng Tây). Người Hakka cũng sinh sản nhiều lãnh tụ như Tôn Dật Tiên, Lý Đăng Huy (tổng thống Đài Loan), cựu thủ tướng Lý Quang Diệu (Singapore), các cựu nguyên soái Chu Đức, Trần Nghị v.v... Gia tổ họ Đặng vào Tứ Xuyên sống vào đời vua Minh thánh tổ Hồng Vũ Chu Nguyên Chương (1368-1398). Cha ông Đặng là người có chút ít học vấn, nên được làm cai tổng làng vừa cho dân làng mượn tiền ăn lời. Ông ta thuộc loại người cổ hủ, có bốn vợ bảy con, nghiện thuốc phiện và thuộc vào loại địa chủ. Ở xã hội cộng sản, ông chắc chắn bị liệt vào thành phần địa chủ bóc lột. Ông Minh bị thổ phỉ, danh từ gọi cộng sản lúc đó, giết năm 1936. Ông lại là một trong những người trong hội kín Bào Ca, một hội gần Quốc Dân Đảng chống đối nhà Thanh. Cái may của ông Đặng là cha ông đã cùng hai người anh em hội kín Bào Ca tên Dương Sâm lúc này là lãnh chúa ở đây và ông Ngô Ngọc Chương, một trí thức bị đày sang Pháp trong bốn năm, hỗ trợ. Ông Chương ở Pháp về năm 1915 đã sáng lập một "Hiệp hội Nghiên cứu Pháp Trung" với ý định gửi 20.000 sinh viên học sinh sang Pháp trong chương trình "vừa học, vừa làm". Dương Sâm và Ngô Ngọc Chương đứng ra bảo trợ chương trình này và được tổng lãnh sự Pháp ở Thành Đô (thủ phủ Tứ Xuyên) ông Robert Bodard (cha của nhà văn Lucien Bodard) giúp đỡ. Thế là Đặng Hy Hiền lúc này 16 tuổi

(1920) cùng 85 học sinh Tứ Xuyên đi tàu sang Pháp. Lúc đó ở Pháp có độ 2000 sinh viên học sinh người Hoa trong đó có 1600 thuộc chương trình "vừa học vừa làm". Thực ra trong 5 năm ở Pháp, Đặng Hy Hiền học thì ít mà làm việc và tham dự chống đối thì nhiều. Công việc đầu tiên của ông Hiền là một công nhân ở xưởng thép Schneider ở Creusot, mỗi ngày làm việc tới 13 giờ, lương bổng chỉ bằng phân nửa lương bổng công nhân người Pháp.

Ở đây ông Hiền gặp 150 người cố hương trong đó có nhiều người sau này trở thành lãnh tụ như Lý Lập Tam, Trần Nghị, Nhiếp Vinh Trăn, Lý Phú Xuân v.v...

Năm 1921, ông Hiền gia nhập Hội người cứu trợ sinh viên đi làm do Thái Hòa Sâm, tay mặt của Chu Ân Lai lúc này đang ở phố Godefroy quận 13 Paris (ngày nay còn có bảng ghi) trước khi gia nhập chính thức đảng năm 1924. Chu Ân Lai thuộc gia đình khá giả không phải đi làm như các đồng hương mà được Quốc tế Cộng sản (Komintern) tài trợ. Chu Ân Lai trước đây có học ở Đại học Thiên Tân, sau sang học ở Đại học Waseda bên Nhật trước khi sang Pháp hoạt động cách mạng. Có lẽ ở thời điểm này, ông Hồ Chí Minh, ông Chu và ông Hiền có gặp nhau? Có người bảo ông Hiền có đọc tờ Le Paria (Người cùng khổ) của ông Hồ Chí Minh dịch ra hoa ngữ.

Đầu năm 1923, ông Hiền tới Montargis (Loiret) làm việc trong xưởng giày của hãng Hutchinson, nhưng được một tháng thì bị đuổi. Quyền sách của bà Đặng Dung, người con gái thứ ba của ông Đặng xuất bản năm 1994 ở Bắc Kinh với đề tài "Người phụ thân của tôi" có chụp lại thư bị đuổi vì lý do "từ chối làm việc, không nên nhận lại". Từ đó trở đi, ông Hiền có lần làm việc ở hãng Renault nhưng chủ yếu theo Chu Ân Lai hoạt động và bị phòng nhì Pháp theo dõi. Ông ta bắt buộc phải rời Pháp đi Moskva đầu năm 1926, vào đại học Sun Yat Sen (Tôn Dật Tiên).

Ở thủ đô Liên Xô được sáu tháng, ông Hiền được Komintern giao sứ mạng thuyết phục và "canh chừng" tướng Phùng Ngọc Tường vì Staline muốn ông này phải hợp tác với Tưởng Giới Thạch trong chiến dịch Bắc Phạt các lãnh chúa quân sự vào thời đó. Ông Tường là một hoạt đầu chính trị, lúc này đang bị "người anh em" lãnh chúa Trương Tác Lâm ở Mãn Châu cho đi lưu đày ngoài nước và đang ghé thăm con gái ở Moskva (Kinh Quốc, con trai Tưởng Giới Thạch cũng đương học ở đây).

Thời kỳ hoạt động chính trị trong nước

Thế là ông Đặng cùng Phùng Ngọc Tường rời Liên Xô giữa tháng 8-1926 về Tam Nguyên, một thị trấn nhỏ ở phía bắc Tây An lập trại quân sự. Ông Đặng được phong làm chính ủy. Ngày 12-4-1927, Tưởng Giới Thạch cho mở chiến dịch sát hại các người cộng sản. Ông phải lẩn trốn, đổi tên là Đặng Tiểu Bình và chạy về Vũ Hán vì ở đây có một chính phủ "tả" do Ông Tinh Vệ đứng đầu chống lại chính phủ Nam Kinh của Tưởng (Ông sau này làm thủ tướng chính phủ do Nhật dựng lên). Đầu tháng 8-1927, ông Đặng đi Cửu Giang (Giang Tây) tham dự hội nghị khẩn cấp của Đảng Cộng sản. Lần đầu tiên, ông Đặng gặp Mao.

Hội nghị này cách chức tổng bí thư Trần Độc Tú vì đã theo đường hợp tác thân thiết với Tưởng. Cù Thu Bạch được cử lên thay. Một tháng sau, ông Đặng đi Thượng Hải công tác bí mật dưới sự chỉ đạo của Chu Ân Lai. Ở đây, ông Đặng lần đầu tiên lấy vợ, một người bạn chiến đấu tên Trương Tích Viên.

Cũng vào thời điểm này, Mao cho mở chiến dịch nổi dậy "Vụ gặt mùa thu" ở Hồ Nam nhưng bất thành phải trốn ở Tỉnh Cương Sơn (Giang Tây). Tháng 7-1928, Đại hội lần thứ 6 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc được họp ở Moskva rút tĩa bài học thất bại trong năm 1927. Một bộ chính trị mới được thành lập trong đó có Cù Thu Bạch, Chu Ân Lai, Trương Quốc Đào, Lý Lập Tam, Thái Hòa Sâm, Hạng Anh, Hướng Trung Phát. Mao được bầu vắng mặt vào ban chấp hành. Hướng Trung Phát, một công nhân ít kinh nghiệm được bầu Tổng Bí thư nhưng thực quyền do Lý Lập Tam nắm giữ.

Đầu năm 1929, ông Đặng được Chu Ân Lai, lúc này phụ trách quân sự Đảng gửi đi Quảng Tây với sứ mạng lập "cơ sở đỏ" cùng với người bạn đồng hành Trương Văn Dật. Lần đầu tiên, ông Đặng, lúc này lấy tên Đặng Bân, đi về miền biên giới Việt-Trung, cũng là nơi gia tổ của ông ta. Vùng này thực sự do quân Pháp lúc đó kiểm soát các nhà cách mạng Việt Nam qua lại (thời kỳ Yên Bái). Ông Đặng cho tấn công thị trấn Bạch Sắc thành công và sau đó cho chiếm quận Long Châu nhưng bị không quân Pháp oanh tạc phải chạy về Thượng Hải vào đầu tháng 3-1930. Lý Lập Tam lúc này theo đường lối Moskva cho quân tấn công vào các thành phố lớn thay vì cho đặt cơ sở ở thôn quê như đường lối của Mao. Quân Cộng sản bị quân Bạch Sung Hy đánh đại bại.

Đầu tháng 1-1931, một ban chấp hành

mới được thành lập chủ yếu do Vương Minh (Trần Thiệu Vũ), Bác Cổ (Tần Bang Hiến) và Lạc Phủ (Trương Văn Thiên) nắm giữ. Lý Lập Tam bị cách chức và bị loại ra khỏi ban chấp hành. Vương Minh sau đó được cử đi Moskva làm cho Quốc tế Cộng sản. Bác Cổ lên giữ quyền Tổng bí thư nhưng vì vấn đề an ninh phải dời ban chấp hành về Thụy Kim. Ông Đặng chán nản vì thất bại liên tục cũng đi Tỉnh Cương Sơn nơi Mao cư trú vào tháng 7-1931. Lúc này, Mao đã cho thành lập một "Cộng Hòa Xô Viết" lấy Thụy Kim làm "thủ đô" và được bầu làm chủ tịch. Mao cũng được nhiều kiện tướng các nơi về trợ giúp như Chu Đức, Trần Nghị, Lâm Bưu, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Từ Hường Tiền. Các tướng này trở thành nguyên soái khi có chế độ quân hàm. Ông Đặng lúc này là bí thư đảng và giữ chức vụ tổng biên tập báo "Ngôi Sao hồng".

Ông lại kết hôn với người vợ mới tên Kim Duy Anh còn có tên là A Kim (vợ trước chết). Ông Đặng lại gặp thời vận mạt vì vụ này. Số là Lý Duy Hán, trưởng Ban Tổ chức Đảng cũng yêu bà A Kim và dùng mưu chước đem ông Đặng ra "tố" với lý do hàm hồ là ông ta đã theo "đường lối đầu hàng của La Minh" và "đường lối phú nông của Mao".

Mao lúc này cũng gặp vận đen. Nhóm thân Nga Vương Minh cùng người đại diện Quốc Tế Cộng Sản Otto Braun, gốc người Đức đã loại Mao ra ngoài ban lãnh đạo trong hè 1932.

Vì liên quan mật thiết với Mao và em Mao là Mao Trạch Dân, ông Đặng bị cho đi học tập cải tạo trong một thời gian. Đây là lần đầu trong đời ông Đặng bị thất sủng.

Ở Thụy Kim cho đến tháng 10-1934, "chính phủ" Mao bị quân Tưởng bao vây ngặt, phải bỏ chạy. Đó là cuộc vận lý trường chinh hơn 10.000 cây số từ Giang Tây về Diên An (Thiểm Tây). Trên đường chạy chết, Mao cho chiếm Tuân Nghĩa tỉnh Quý Châu và tổ chức hội nghị đầu tháng giêng 1935 để tổ chức lại Ban chấp hành trong đó Mao trở thành người then chốt. Nhóm thân Nga bị loại. Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức đóng vai chánh trong ban chấp hành mới với Trương Văn Thiên là tổng bí thư.

Vào tháng 10-1935, số quân trên trăm ngàn lúc đi chỉ còn độ 10.000 khi về tới Bảo An, một huyện nhỏ gần Diên An. Đầu năm 1936, Mao cho lập trại định cư ở Diên An. Ông Đặng trở thành chính ủy của quân đoàn thứ nhất và sau đó là chính ủy của sư đoàn 129 của Bát Lộ Quân do Lưu Bá Thừa thống lãnh. Đây cũng là

thời kỳ củng cố và nghỉ ngơi của các nhà lãnh đạo đảng. Phong trào "đi khu" cũng khá thịnh hành vào lúc này. Không những trí thức, công nông dân tham gia mà còn có các tài tử điện ảnh và nữ sinh viên các trường đại học. Do đó, có những cặp tình duyên nổi tiếng trong hàng lãnh đạo của đảng. Mao lấy cô tài tử điện ảnh Lý Văn Hạc (Giang Thanh), Lưu Thiệu Kỳ lấy cô nữ sinh viên trẻ đẹp trường đại học Thanh Hoa Vương Quang Mỹ, Lâm Bưu kết hôn với cô xướng ngôn viên đài phát thanh Nam kinh Diệp Tuyên Kính (Diệp Quần), Đặng Tiểu Bình với cô nữ sinh viên khá giả trường Đại học Bắc Kinh Phố Quỳnh Anh (Trác Lâm). Ông Đặng lần lượt có 5 người con là bà Đặng Lâm, Đặng Phác Phương, bà Đặng Nam, bà Đặng Dung và Đặng Chất Phương.

Đầu tháng 4-1945, Đại hội lần thứ 7 của Đảng Cộng sản ở Diên An bầu Mao chủ tịch đảng với năm ủy viên thường vụ bộ chính trị: Mao, Chu Ân Lai, Lưu Thiệu Kỳ, Chu Đức và Nhiệm Bất Thời. Đặng Tiểu Bình cũng được vào bộ chính trị ở ban dự khuyết và ban bí thư.

Cuối năm 1948 và đầu năm 1949, sư đoàn 129 của Lưu-Đặng thắng trận quyết định ở Hoài Hải, trận này đã loại 300 ngàn quân Tưởng Giới Thạch mà sau này ông Đặng thường hay nhắc nhở chiến công của mình.

Sau khi Hồng quân của Mao chiếm toàn quốc, ông Đặng trở thành bí thư đảng vùng Hoa Đông (vùng Thượng Hải) và Hoa Nam (vùng Tứ Xuyên) và sau đó về Trung Nam Hải tham gia chính phủ với chức vụ Phó Thủ tướng. Ông Đặng trực tiếp tham dự các chiến dịch sát nhập Tây Tạng, chiến dịch "ba phần, năm chống" và đứng ra đấu tố hai bạn đồng hành là Cao Cương (Phó Thủ tướng chủ nhiệm Ban Kế hoạch) và Nhiêu Thấu Thạch. Nhờ có công trạng với Mao, ông Đặng trở thành ủy viên chính thức bộ chính trị trong năm 1955 trước khi trở thành nhân vật số ba của chế độ sau Đại hội lần thứ 8 được tổ chức vào tháng 9-1956. Ông Đặng được Đại hội đề cử Tổng bí thư đảng. Từ 1956 đến năm 1966 trước khi bị thất sủng lần thứ hai, ông Đặng dốc lực hỗ trợ Mao trong các chiến dịch "Trăm hoa đua nở", "Đại nhảy vọt" mà kết quả là cả trăm triệu người bị đói trong ba năm 1959-1962.

Tuy nhiên trước tình trạng khủng hoảng kinh tế trầm trọng, ông Đặng chuyển hướng qua đường lối thực tiễn bằng cách cho giải thể tập thể hóa nông nghiệp. Từ đó, ông dần dần xa đường lối của Mao và

đi gần với đường lối của Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Trần Vân. Mao bắt buộc nhường chức Chủ tịch nước cho Lưu Thiếu Kỳ năm 1959 nhưng cũng loại được Bành Đức Hoài, bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước đó.

Thời kỳ thất sủng

Thời kỳ thất sủng của họ Đặng ở đúng vào thời kỳ "Đại cách mạng văn hóa".

Vào giữa tháng 4-1964, Mao đã có ý đồ đánh ngã Lưu Thiếu Kỳ vì trong một nước không thể có hai vua. Với kịch "Hải Thụy bài quan" do Ngô Hàm, nhà sử học kiêm phó thị trưởng Bắc Kinh viết lấy từ sử liệu đời vua Gia Tĩnh nhà Minh (1522-1566) miễn chức oan một công thần chính trực Hải Thụy là nguyên nhân cuộc mở đầu Cách mạng văn hóa. Không cần phải đồ Trạng nguyên hay Phó bảng, người đọc đoán được Ngô Hàm chỉ đích danh Mao đã kết án oan nguyên soái Bành Đức Hoài. Đúng sau Ngô Hàm là Bành Chân, bí thư thành ủy kiêm thị trưởng Bắc Kinh, người của ông Lưu. Ông Đặng biết không ổn, chuyển sang đứng về phía Mao nhưng sau đó không lâu cũng bị lên án. Gia đình ông Đặng cũng bị phân tán đưa đi lao động. Riêng ông Đặng và bà Trác Lâm cũng bị đưa về huyện Vọng Thành trong tháng 10-1969 gần Nam Xương (thủ phủ Giang Tây) lao động để chuộc tội. Ông Đặng lúc này đã 65 tuổi trở thành thợ nguội với lương hàng tháng 120 nhân dân tệ, vợ Trác Lâm với 60 nhân dân tệ. Thu nhập chỉ bằng 1/3 trước đây cho nên ông Đặng phải tiện tặn mới có thể giúp đỡ các con. Nhưng cuộc tình duyên giữa Mao và Lâm Bưu kéo dài không lâu. Đầu tháng 9-1971, Lâm Bưu, vợ Diệp Quần và con Lâm Lập Quả bị tử nạn ở Ngoại Mông sau khi đảo chính thất bại. Mao bắt buộc trở lại khuynh hướng ôn hòa của Chu Ân Lai. Ông Đặng được gọi về Bắc Kinh trong tháng 2-1973 để phụ tá cho Chu Ân Lai.

Thời kỳ trở lại chính quyền

Ở đại hội lần thứ 10 (tháng 8-1973), ông Đặng được vào trở lại ban chấp hành trung ương tuy chưa được vào bộ chính trị vì vây cánh của "tứ nhân bang" còn mạnh. Bệnh tình của Chu Ân Lai ngày càng trầm trọng, ông Đặng, đầu tháng 2-1974, được trở lại bộ chính trị kiêm phó chủ tịch đảng và tổng tham mưu trưởng quân đội và đồng thời đệ nhất phó thủ tướng. Mao tuy biết Đặng Tiểu Bình sẽ không theo đường lối của mình nhưng cũng không muốn vợ mình soán quyền. Do đó Mao đã cho "người con rơi" Hoa Quốc Phong, bí thư

tỉnh ủy Hồ Nam vào bộ chính trị ở đại hội 10 và đem về Bắc Kinh giữ chức vụ bộ trưởng an ninh từ tháng 1-1975 nhằm giao phó chức vụ thủ tướng khi Chu Ân Lai từ trần. Hy vọng trở thành thủ tướng của ông Đặng tan theo mây khói. Thảm hại hơn nữa ông bị truất hết tất cả quyền bính vào đầu tháng 4-1976 với lý do hàm hồ là "phản cách mạng". Nguyên nhân là vào dịp lễ thanh minh, dân chúng Bắc Kinh đến quảng trường Thiên An Môn để tưởng niệm cố thủ tướng Chu Ân Lai, một vài phần tử lên tiếng hô "đả đảo thứ phi hoàng thái hậu Từ Hi", khẩu hiệu ám chỉ Giang Thanh. Tiếp theo đó, xảy ra một cuộc xô sát giữa cảnh sát và người biểu tình. Thế là ông Đặng bị thất sủng lần thứ 3. Nhưng lần này ông Đặng không để đánh ngã một cách dễ dàng vì có nhiều hậu thuẫn trong quân đội nhất là của hai tướng Hứa Thế Hữu và Vi Quốc Thanh ở Quảng Châu cũng như được các nguyên soái Diệp Kiếm Anh, Lưu Bá Thừa, Hạ Long, Nhiếp Vinh Trăn trợ giúp.

Thời kỳ thất sủng này chỉ ngoài một năm vì sau đó, dưới áp lực của quân đội, ông Đặng được phục chức ở đại hội 11 (tháng 8-1977). Ông trở thành nhân vật số 3 sau Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh trước Lý Tiên Niệm và Uông Đông Hưng. Lúc này ông Mao đã mất và nhóm "tứ nhân bang" bị tù. Ở hội nghị lần thứ 3 khóa 11 (tháng 12-1978), ông cho những người thân cận vào bộ chính trị (Hồ Diệu Bang) và những người trước đây bị thất sủng trở lại giữ chức vụ then chốt như Trần Vân, Vương Chấn, Triệu Tử Dương. Đầu tháng 2-1980, các nhân vật có dính líu đến "sự kiện tháng 4-1976" bị loại ra khỏi bộ chính trị như Uông Đông Hưng, Ngô Đức, Trần Tích Liên, Kỳ Đăng Khuê. Hoa Quốc Phong hoàn toàn bị cô lập bắt buộc phải từ chức vào cuối năm 1980. Ông Đặng đưa hai người của mình giữ chức vụ chủ tịch đảng (Hồ Diệu Bang) và thủ tướng chính phủ (Triệu Tử Dương) chỉ giữ cho mình chức vụ chủ tịch quân ủy trung ương. Ông Đặng hoàn toàn thắng lợi vì đã loại được các địch thủ chống đối. Nhưng sau đó nhóm của ông và nhóm bảo thủ Trần Vân tranh giành quyền lực trong nhiều năm nhất là về mức độ mở rộng kinh tế thị trường. Điều ông Đặng không dự trù là Hồ Diệu Bang lại muốn mở rộng chính trị cùng lúc. Kết quả là ông Hồ bị cách chức sau đó để rồi sinh viên và học sinh có dịp xuống đường đòi tự do dân chủ khi ông này từ trần trong tháng 4-1989. Sự kiện Thiên An Môn lại xảy ra hai tháng sau đó với kết quả là Triệu Tử Dương cũng

bị ông Đặng cách chức. Giang Trạch Dân, cựu bí thư thành ủy Thượng Hải được gọi về Bắc Kinh để giữ chức vụ tổng thư ký đảng. Ông Đặng chính thức về hưu nhưng thực tế vẫn giữ quyền lực của người lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc.

Thành quả của Đặng Tiểu Bình và tương lai của Trung Quốc

Đánh giá thành quả của ông Đặng không đơn giản. Từ 1978 cho đến nay, ông Đặng để lại một gia tài khá lớn. Trung Quốc đã biến đổi từ nông thôn đến thành thị. Tổng sản lượng quốc gia tăng 4 lần để đạt tới 670 tỉ USD trong năm 1996, dự trữ ngoại tệ hơn 100 lần (100 tỉ USD), mậu dịch đối ngoại hơn 30 lần (290 tỉ USD). Số xí nghiệp ngoại quốc lên đến 280.000 với vốn đầu tư ngoài 160 tỉ USD trong năm 1996. Sản xuất nông nghiệp tuy không xuất sắc cũng tăng 18% (480 triệu tấn so với 407 trong năm 1980). Bình quân số tăng trưởng về kinh tế trong 18 năm vượt ngoài hai số. Trên thế giới ít có nước nào có sự tăng trưởng như vậy. Nhưng mặt khác, vô số hiện tượng tiêu cực lại phát hiện trong nhiều lãnh vực. Trước hết, 80 triệu dân số còn sống dưới mức nghèo đói. Sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng duyên hải và các vùng bên trong, giữa người sống ở thành thị và thôn quê, giữa ngay những người sống trong cùng tỉnh ngày càng sâu rộng.

Các vùng duyên hải chỉ chiếm 40% dân số nhưng sản xuất 65% tài nguyên và xuất khẩu 75% hàng hóa. Chỉ số của sự chênh lệch thu nhập giữa người thành thị và thôn quê lên đến 2,9 trong năm 1996 so với 1,85 trong năm 1978. Thu nhập của người dân vùng châu thổ sông Chu Giang, nơi tập trung hai đặc khu Thẩm Quyến và Chu Hải lên đến 18.000 nhân dân tệ (2000 USD) so với 7.900 nhân dân tệ của tỉnh Quảng Đông. Đó chỉ là những con số trung bình. Số người trở thành triệu phú bằng mỹ kim ngày nay không hiếm ở Trung Quốc. Đó cũng là kết quả của sự phát triển theo nhiều vận tốc. Nạn tham nhũng đã trở thành có hệ thống và nhiều khi do chính những người có quyền lực tổ chức. Trường hợp điển hình là vụ biến thủ lên đến hai tỉ USD của cựu ủy viên bộ chính trị hàng thứ 12 kiêm bí thư thành ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng. Ông bị loại khỏi ban chấp hành trung ương đảng và đi tù. Nạn thất nghiệp trở thành gần như nạn giải. Người ta ước lượng sẽ có 153 triệu người thất nghiệp từ đây tới cuối thế kỷ. Không kể 200 triệu nông dân vẫn còn lang thang ở các thành phố lớn so với 120 triệu

hiện nay. Xí nghiệp nhà nước còn dùng hơn 100 triệu công nhân nhưng phân nửa bị phá sản còn phân nửa kia được nhà nước phụ cấp. Lý do là xí nghiệp nhà nước bị xí nghiệp ngoại quốc cạnh tranh. Đây cũng là điều điển hình của chế độ "nửa nạc nửa mỡ" của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Xí nghiệp với vốn nước ngoài được quản lý theo quy luật thị trường trong khi xí nghiệp nhà nước vẫn tiếp tục quản lý theo thể chế điều khiển do các cán bộ bắt tài lại lạm dụng quyền thế để ăn cắp của nhà nước. Tuy vậy, phó thủ tướng Chu Dung Cơ, người đặc trách về kinh tế lại tuyên bố phải thận trọng không nên để các xí nghiệp nhà nước phá sản bừa bãi có thể đưa đến nạn thất nghiệp trầm trọng. Tệ nạn mãi dâm và phạm tội ác mỗi ngày gia tăng ở các thành phố lớn nhất là ở các đặc khu. Cuối cùng là các chính quyền địa phương trừ phú không ngần ngại từ chối đóng góp thêm thuế khóa cho chính quyền trung ương. Cụ thể họ đòi chia quyền lực vì Trung Quốc ngày nay đã đi vào kinh tế thị trường.

Trên bình diện tự do dân chủ và nhân quyền, ông Đặng để lại cho người thừa kế một xã hội đầy vết thương khó hàn gắn. Ông Đặng cho thế giới một ấn tượng là người đàn áp tự do dân chủ và nhân quyền qua sự kiện Thiên An Môn mà chính người con gái ông, bà Đặng Dung phải công nhận là một thảm kịch của người Trung Quốc. Hiện đại hóa thứ năm do người tù nổi tiếng Ngụy Kinh Sinh đề xướng vẫn chưa được các nhà lãnh đạo Bắc Kinh chú ý. Tất cả các hiện tượng tiêu cực nói trên sẽ hợp thành một núi lửa có thể phun ra bất cứ lúc nào.

Trên bình diện quốc tế người ta phải công nhận ngoại giao Bắc Kinh đã đạt nhiều kết quả đáng kể. Vị thế Trung Quốc càng lên cao ở chính trường thế giới sau khi khối Đông Âu, đứng đầu là Liên Xô, bị sụp đổ. Bắc Kinh vừa trở thành người đối thủ chính thức về ý thức hệ, vừa là người đối tác về thương mại của Hoa Kỳ. Giang Trạch Dân đã nhiều lần chính thức gặp tổng thống Clinton ở các hội nghị thượng đỉnh APEC và ở các diễn đàn Liên Hiệp Quốc. Bắc Kinh còn được hưởng quy chế tối huệ quốc về thương mại mà không chút nhượng bộ về nhân quyền. Các nước hiệp hội Âu Châu lại tranh đua để có dòng án đầu tư vào Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đã lần lượt viếng thăm nhiều nước ở năm châu. Các nước lân bang trước đây chống đối hoặc nghi kỵ đã tái lập quan hệ bình thường như Nhật

Bản, Nam Hàn, Ấn Độ, Việt Nam...

Hương Cảng sắp được giao trả lại cho Trung quốc nhưng đây cũng là một thử thách cho chính quyền Bắc Kinh vì họ đã không tôn trọng một hiệp định quốc tế mà họ đã ký (không công nhận hội đồng lập pháp do dân cử và dự trừ giới hạn tự do dân chủ người Hương Cảng). Ông Ngô Hoảng Đạt (Harry Wu) lại cho Hương Cảng là một mầm độc "tốt" cho tự do dân chủ ở lục địa.

Ngoài ra ba nơi khác cũng sẽ là một vấn đề lớn để người thừa kế của ông Đặng phải giải quyết. Ý định thống nhất với Đài Loan theo thuyết "một nước, hai thể chế" do ông Đặng sáng chế hoàn toàn thất bại. Đài Loan còn thách thức cho tổ chức bầu trực tiếp tổng thống do dân cử lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa. Đây cũng là ngòi lửa chiến tranh đáng lo ngại vì Đài Loan đã chạm đến lòng tự ái của các nhà lãnh đạo Bắc Kinh.

Trong nước, tình hình của hai vùng tự trị Tây Tạng và Tân Cương ngày càng sôi động. Hai vùng này phản đối sự đàn áp tự do tín ngưỡng và chính sách cưỡng bức đồng hóa bằng cách dạt đưa dân của Bắc Kinh. Ở Tân Cương có nhiều cuộc đụng độ vũ trang giữa quân đội cảnh sát nhà nước và người Ouigour (Hồi giáo) đã làm 80 người của chính quyền bị thiệt mạng trong đầu năm. Ở các nước lân bang mặc dù quan hệ bình thường được tái lập, nhưng tranh chấp ở các quần đảo Thái Bình Dương vẫn tiếp tục với nhiều nước trong đó có Việt Nam.

Về cục diện chính trị nội bộ, vấn đề thừa kế của ông Đặng lại trở thành nóng bỏng. Các chế độ thiếu tự do dân chủ không do dân bầu trực tiếp thường vấp phải vấn đề này. Lịch sử cận đại Trung quốc đã nhiều lần chứng minh người thừa kế do sự chỉ định thường hay thất bại hoặc ngắn ngủi. So với tình hình chính trị sau ngày chết của Mao Trạch Đông cách đây 20 năm, tình hình chính trị ngày nay sau ngày chết của Đặng Tiểu Bình tương đối ổn định hơn nhiều. Lý do là cách mạng văn hóa đã làm xã hội Trung Quốc lúc đó hoàn toàn bị phân hóa. Ngày nay số người trở nên giàu có lên đến trăm triệu, và người dân có thể đi khắp nơi dễ dàng hơn trước. Do đó người dân rất sợ hỗn loạn như đã nhiều lần xảy ra trong lịch sử cận đại từ phong trào Thái Bình thiên quốc của Hồng Tú Toàn ở thế kỷ thứ 19, thời kỳ nạn đói sau khi nhà Thanh sụp đổ, cuộc nội chiến quốc cộng và gần đây ở thời kỳ đại cách mạng văn hóa. Nói như thế

không có nghĩa là sẽ không có cuộc tranh chấp chính quyền ở thượng đỉnh. Một vài chi tiết cho thấy bắt đầu có sự tranh chấp. Trước hết chính quyền đã cấm sinh viên học sinh lợi dụng có "tường niệm" Đặng Tiểu Bình để xuống đường đòi tự do dân chủ như khi Hồ Diệu Bang từ trần năm 1989. Sau khi Đặng Tiểu Bình chết, một ủy ban tang lễ gồm có 459 người được thành lập. Ngoài gần như toàn bộ ban chấp hành trung ương đảng, người ta nhận thấy còn có tên của nhiều người lãnh đạo lão thành phần đông bảo thủ như Bàn Chân, Tống Bình, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn, Tống Nhiệm Cùng... Trái lại tên của cựu tổng bí thư đảng Triệu Tử Dương không có. Ông cũng không có mặt trong số 10.000 người được tuyển chọn để dự đám táng mặc dù có sự đồng tình của bà Trác Lâm, góa phụ Đặng Tiểu Bình. Ngoài ra người ta lại nghi ngờ tính xác thực của thư bà Trác Lâm theo đó ông Đặng "không muốn" các nhà lãnh đạo và cán bộ cao cấp nghiêng mình trước di hài thay vì trước bình di cốt. Các sự kiện nhỏ này cho thấy Giang Trạch Dân không mấy "mặn mề" với gia sản của ông Đặng để lại. Ông đã tuyên bố một cách gay gắt trong đầu năm 1997: "Để một số nhỏ người làm giàu và bỏ rơi một phần lớn dân chúng trong khốn cùng không phải là chủ nghĩa xã hội". Cùng chính Giang Trạch Dân đã đưa ra trước pháp luật những người thân gần và cách chức họ hàng của ông Đặng trong năm qua (xem các trường hợp Châu Bắc Phương, Trần Hy Đồng, bà em gái Đặng Tiên Quân, người con rể Hạ Bình).

Bây giờ, hãy thử trung thực phân tích cương vị của Giang Trạch Dân trong những ngày sắp tới ra sao. Nhiều người cho số phận của Giang Trạch Dân cũng không hơn số phận của Hoa Quốc Phong trước đây. Hai người đã nắm ba địa vị cao nhất của đảng, nhà nước và quân đội. Nhưng họ lại quên là Giang Trạch Dân được chỉ định qua một sự thỏa thuận của nhiều nhóm phái, chủ yếu là Đặng Tiểu Bình, Trần Vân, và quân đội sau sự kiện Thiên An Môn. Hoa Quốc Phong trái lại chỉ được Mao chỉ định, không có sự đồng tình của các nhân vật đã từng tham gia cuộc vận lý trường chinh và nội chiến. Họ Giang đã chính thức cầm quyền sau đại hội lần thứ 14 (1992) trong khi họ Hoa chỉ ở tại chỗ có hai năm.

Giang Trạch Dân lần lượt củng cố địa vị người gốc Thượng Hải hoặc có trách nhiệm ở Thượng Hải trước đây vào các

chức vụ quan trọng. Ngày nay ở bộ chính trị, có 8 người xa gần Thượng Hải trên 22 người trong đó có 4 người theo ông.

Trong quân đội, với cương vị chủ tịch ban quân ủy, họ Giang cũng đã bổ nhiệm nhiều tướng lĩnh vào các chức vụ trọng yếu. Gần đây, ông ta lại đề nghị sẽ tái lập chức chủ tịch đảng vào đại hội thứ 15 trong tháng 10 sắp tới. Dĩ nhiên, chức này sẽ do ông ta đảm nhận. Ở ban thường vụ bộ chính trị hiện nay, có 7 người có khả năng tranh chấp với Giang Trạch Dân trong trường hợp có tranh quyền ở thượng đỉnh.

Ngoài họ Giang, theo thứ tự còn có Lý Bằng, thủ tướng chính phủ, Kiều Thạch, chủ tịch quốc hội, Lý Thụy Hoàn, chủ tịch chính trị hiệp thương, Chu Dung Cơ, phó thủ tướng đặc trách kinh tế và ngân hàng, Lưu Hoa Thanh, phó chủ tịch ban quân ủy, Hồ Cẩm Đào đặc trách nhân sự ở bộ chính trị kiêm chủ nhiệm ban bí thư. Ngoài Lưu Hoa Thanh đã 80 tuổi, các nhân vật Lý Bằng, Kiều Thạch, Chu Dung Cơ, trên dưới 70 chắc chắn chưa chịu về hưu. Chưa kể Lý Thụy Hoàn và Hồ Cẩm Đào mới ngoài 60 và 54 tuổi. Theo hiến pháp hiện nay, Lý Bằng và Kiều Thạch không thể tiếp tục kiêm nhiệm chức vụ hiện hành. Hai người này có chịu an phận ở chức vụ phó chủ tịch đảng như Giang Trạch Dân đề nghị không? Các quan sát viên cho biết Lý Bằng ngầm nghe một trong hai chức vụ chủ tịch nhà nước hoặc chủ tịch quốc hội. Còn Kiều Thạch, người đã từng nắm ngành an ninh tình báo và thân gần quân đội cũng ngầm nghe chức vụ chủ tịch nhà nước nếu không nói là chức vụ tổng bí thư đảng. Từ khi trở thành chủ tịch quốc hội, Kiều Thạch muốn nâng cao vai trò của quốc hội thay vì chỉ là một "thùng thư". Ông có lần tuyên bố: "Quốc hội là đại diện của dân chúng và chính phủ phải chấp nhận sự kiểm soát của quốc hội", trong khi Giang Trạch Dân cho rằng "Quốc hội phải vâng lời đảng".

Như vậy, đại hội sắp tới sẽ còn nhiều màn gay cấn và quân đội có dịp nói lên tiếng nói của mình. Nói tóm lại gia tài của ông Đặng để lại không nhỏ, nhưng đồng thời cũng là ngòi lửa có thể bật phát bất cứ lúc nào. Trung Quốc cần phải có một nhà lãnh đạo tài cán có sự hậu thuẫn của dân chúng. Giang Trạch Dân chưa phải là nhân vật này. Ông có thể tạm thời ở tại chức nhưng chắc chắn bắt buộc phải chia quyền nếu không muốn bị loại như Hoa Quốc Phong trước đây.

Nguyễn Phi Phụng

Thời sự đất nước:

Thúc nở không gian

Bùi Tín

Thúc nở hoa thủy tiên là cả một nghệ thuật. Gọt khéo, thúc khéo hoa sẽ nở bung vào đúng thời điểm mong muốn. Thế nhưng đây là nói về thúc nở không gian. Và không gian đây là là không gian dân sự trên đất nước ta.

Thời mở cửa. Mấy năm nay, đi với kinh tế thị trường, không gian dân sự trong xã hội không ngừng nở ra, nở ra dần. Người dân có quyền làm ăn, đi lại, buôn bán, kinh doanh, không còn bị cấm đoán như trước. Theo đó quyền ăn nói, quyền suy nghĩ, quyền trao đổi, đối thoại cũng rộng nở dần.

Những người lãnh đạo chỉ muốn xã hội là một chân kinh tế thôi. Còn chân chính trị, tư tưởng thì vẫn bị trói. Họ trọng "chân ghế" hơn "chân lý", nói theo kiểu cười cợt của sĩ phu Bắc Hà.

Họ lập luận rằng mở cửa chỉ để không khí trong lành vào thôi, mà trong lành nhất theo họ là: đô-la, các khoản đầu tư, số đô-la vay mượn, các khách du lịch túi căng phồng, bà con Việt kiều chi tiêu hào phóng... Cần chặn các ruồi muỗi mang vi trùng, mầm bệnh; theo họ nguy hiểm nhất là tư tưởng tự do: tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo! Đó là các thứ dịch, nguy hơn dịch tả. Họ tuyên án tử hình đối với không gian dân sự. Người công dân có thể buôn bán, kinh doanh, nhưng chỉ được đọc báo của đảng và nhà nước, đọc sách của đảng và nhà nước, nói theo đảng và nhà nước, nghe đài của đảng và nhà nước.

Nhưng cuộc sống có quy luật của nó, có cách đi của nó, ở ngoài ý muốn của những cái đầu cổ lỗ. Do đó, tuy khó khăn, vất vả, chậm rãi, không gian dân sự vẫn nở dần, không thể bị bóp chết! Gần đây, nó nở ra trông thấy.

Nếu như hồi 1975, sự kiện sâu sắc nhất là hai miền khám phá ra nhau, vượt qua những tuyên truyền giả dối, thì từ 6, 7 năm nay, sự kiện sâu sắc nhất là bà con ta ở trong nước bắt đầu khám phá ra thế giới bên ngoài đúng như nó có, từ đó nhìn lại mình thấy rằng một thời mình đã cô lập với thế giới, đã nghĩ khác hẳn, sống khác hẳn với đồng loại.

Quá trình hội nhập với thế giới có lẽ là nét đẹp nhất của Việt Nam ta gần đây sau hàng thế kỷ dài tự giam mình trong biên

giới đất nước. Các nhà lãnh đạo có quan niệm về hội nhập riêng, phù hợp với suy nghĩ, vị trí, quyền lợi của họ. Người dân có quan niệm về hòa nhập rộng rãi, cởi mở, toàn diện hơn. Nét khác nhau lớn nhất là người dân mong muốn hòa nhập với thế giới trong tiếp nhận các tập quán, nếp sống dân chủ và tôn trọng nhân quyền; dân chẳng mất gì, chỉ có lợi cho mình, có lợi cho toàn xã hội.

Chưa bao giờ xã hội ta đổi thay nhanh chóng, sâu sắc, toàn diện như mấy năm nay. Cách ăn và mặc, cách làm ăn, cách kinh doanh, cách giao dịch... đều thay đổi lớn. Nhà buôn am hiểu giá hàng này, hàng nọ ở Bangkok, Hongkong, Bắc Kinh, Moskova, Paris, New York... qua điện thoại cầm tay, máy fax... Thư từ, sách báo nhận được từ nước ngoài mấy năm trước là 4, 5 tấn/ngày, nay đã là hơn 30 tấn! Đã có hơn một ngàn du học sinh do học bổng và du học tự túc. Thường xuyên có vài chục đoàn cán bộ đi họp hành ở nước ngoài. Nếp sống dân chủ, cũng là nếp sống hiện đại, có sức hấp dẫn, sức truyền bá rất nhanh...

Điều nói trên giải thích vì sao mặc dù bộ máy đảng và nhà nước, nhất là bộ máy tuyên huấn và an ninh cố kiểm soát, ngăn chặn, sàng lọc, đe dọa, vu khống... để không cho nếp sống dân chủ tiến tiến thâm nhập xã hội ta, nhưng cuộc sống của xã hội Việt Nam vẫn cứ phát triển theo hướng dân chủ hóa, không ai cưỡng lại nổi! Trước bước phát triển rất đẹp ấy, chính đảng và nhà nước cùng buộc phải nhích lên - dù là rất miễn cưỡng - theo hướng dân chủ hóa.

Biết bao hiện tượng mới xuất hiện. Họ buộc phải đưa ra xử các ông Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiên Giang, Hà Sĩ Phu... Không thể bắt rồi không xử. Họ buộc phải để luật sư đến cãi, dù chỉ là hình thức. Họ chịu để cho bè bạn đến cửa trại giam đón những người tù được tự do. Và bè bạn dám đến khá đông; còn có thể đông hơn nhiều nữa, nhưng không muốn khiêu khích họ, để luyện cho họ quen dần với nếp sống dân chủ. Nhà thơ Tú Sốt, nhà văn Hoàng Tiến, linh mục Chân Tín, nhà báo Thanh Vân, nhà báo Nguyễn Ngọc Lan, nhà nghiên cứu Lữ Phương, nhà cách mạng

lão thành La Văn Lâm, nhà văn Xuân Đài, nhà thơ Xuân Sách, nhà thơ Thu Bồn, anh thương binh Trương Thành Tích, nguyên phó chủ tịch thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Lạt Mai Thái Linh, nguyên thành ủy viên Đà Lạt Huỳnh Nhật Hải, nguyên tỉnh ủy viên tỉnh Lâm Đồng Huỳnh Nhật Tấn, rồi nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, nhà thơ Bùi Minh Quốc... đều đón mừng ông Hà Sĩ Phu một cách công khai, đường hoàng, có hoa, rượu, câu đối và các buổi liên hoan, mặc cho màn lưới công an nổi và chìm cuống quit bao quanh theo lệnh trên... Trước kia, không thể có chuyện đón mừng như thế! Ai ra tù cũng yên lặng, cúi đầu về nhà. Chính là do không gian dân chủ đang nở rộ, nở ra từng ngày.

Một nét đẹp mới là rất nhiều vị có tên trong sổ đen của an ninh vẫn đang hoàng trả lời công khai phỏng vấn qua điện thoại với các đài phát thanh quốc tế: BBC, RFI, VOA, SBS Úc, RFA (Châu Á Tự Do)... Lập luận của anh chị em rất minh bạch. Các vị tổng bí thư, thủ tướng cũng từng trả lời phỏng vấn các đài ấy, làm sao cấm được chúng tôi? Chúng tôi nói sai, nhân dân sẽ phê phán; xin mời quý vị góp ý xem chúng tôi nói sai chỗ nào, chúng tôi sẵn sàng tranh luận.

Đã có ý kiến ở Ban tư tưởng và văn hóa của đảng cấm đảng viên và công dân gửi bài cho báo nước ngoài, thế nhưng họ bị chất vấn là Hiến pháp, luật pháp không cấm điều ấy; chế độ kiểm duyệt kiểu phát-xít trong thời bình là phi pháp; trao đổi tài liệu, sáng tác là bình thường trong thời hiện tại. Thế là các nhà văn, nhà báo gửi bài, sáng tác ra nước ngoài, còn ghi rõ tên thật, địa chỉ, số điện thoại riêng đảng hoàng.

Các vị cầm quyền cay cú trước trào lưu dân chủ, chỉ còn có cách ra lệnh cho cấp dưới quấy nhiễu một số đối tượng, triệu tập liên hồi tới làm việc, quần cho mỗi một, như họ đang làm với Tiêu Dao Bảo Cự suốt ba tháng này. Họ còn giật dây cho người viết trên Sài Gòn Giải Phóng là Bảo Cự muốn nổi tiếng, trở thành người hùng, nhẹ dạ, non nớt bị bọn phản động ở nước ngoài (!) móc nối, giật dây... Thế nhưng Bảo Cự hiểu rõ rằng thời thế đã khác, không gian dân sự đã nở rộng, thu hẹp dần đất của kẻ độc đoán; kẻ vu cáo sẽ có thể phải trả lời trước pháp luật và công luận. Anh giữ quyền trả lời trên chính báo Sài Gòn Giải Phóng.

Không gian dân sự chính cũng là không gian luật pháp. Khi Hiến pháp ghi rõ các quyền dân chủ vốn có của công dân thì

luật pháp phải bảo vệ các quyền dân chủ. Mấy năm nay, công dân Việt Nam bắt đầu hiểu rằng mỗi người có quyền làm mọi thứ, trừ những gì luật cấm; và những gì luật cấm cũng chỉ để bảo vệ tự do, lợi ích toàn xã hội. Trước kia người ta theo nếp nghĩ là đảng cho phép làm gì mới được làm! Tôi vừa gặp một sinh viên luật từ Việt Nam sang, đang học bổ túc về luật dân sự ở Pháp. Anh ta nói: "Cháu học suốt 9 tháng nay, đọc cả ngàn trang sách, thu hoạch sâu sắc nhất ở hai điểm: Một là người xử án phải có công tâm, xử theo luật, chỉ theo luật thôi; nếu bị ảnh hưởng bởi ai khác trong xét xử, quan chức nào, cơ quan nào, đảng phái nào, chưa nói đến bị mua chuộc, thì người đó trở nên phạm pháp, mất tư cách người xét xử, và còn có thể thể bị truy tố; ở nước ta nếp xử khác hoàn toàn. Hai là người bị truy tố, mặc nhiên phải được coi là không có tội, cho đến khi tòa án kết luận; đó là nguyên tắc trong quan niệm, trong xét xử, nhằm giữ cho luật được nghiêm minh, tránh xử oan cho công dân. Điều này khác với cách nghĩ, cách xử của nền tư pháp và xã hội ta. Mới nghĩ, đã tống giam. Năm ngoài hàng chục ngàn công dân đã bị bắt oan như thế!".

Không gian luật pháp cũng đang nở ra hàng ngày ở nước ta thời mở cửa. Những người cầm quyền không hề muốn điều đó, nhưng họ không cưỡng lại nổi qui luật của cuộc sống. Hàng ngàn hợp đồng được ký trong quan hệ kinh doanh, kinh tế trong ngoài nước. Hàng ngàn vụ kiện cáo nảy ra. Xử theo luật? hay theo chỉ thị của cấp ủy dưới nguyên tắc đảng lãnh đạo? Xưa nay, người ta cố tình hiểu đảng lãnh đạo có nghĩa là cấp ủy đảng định ra mức án, mà không muốn hiểu lãnh đạo là bảo đảm sự công minh của việc xử án. Cả một nền tư pháp phải làm lại từ đầu! Vụ Tamexco, vì đụng chạm quá xá, nên do sức ép dư luận phải đưa ra xử nhưng chỉ xử được cái đuôi, còn cái thân và cái đầu thì để đó. Vì sẽ đụng đến các vị thành ủy, các vị tai to mặt lớn trong Ban tài chính quản trị trung ương đảng. Họ còn nghe ngóng, nếu sức ép của dư luận đủ mạnh mới đưa khúc trên ra xử tiếp.

Chính không gian dân sự, không gian luật pháp mở rộng mà "vụ án xét lại chống đảng làm gián điệp cho nước ngoài" không bị im đi, ngày càng chấn động dư luận, trở nên điểm sạt hạch đảng cầm quyền về đổi mới thật hay đổi mới giả. Bốn năm nay, đã có nhiều người vào cuộc. Cuối năm 1993, ông Hoàng Minh Chính lên tiếng với cả một hồ sơ khá đầy đủ. Ông Nguyễn

Minh Càn từ Moscowa kể rõ. Ông Nguyễn Kiến Giang bổ xung. Bà Phạm Thị Tề (vợ ông Vũ Đình Huỳnh) lên tiếng. Nhà thơ Phùng Quán tỏ thái độ. Đến nay bản hòa tấu vẫn crescendo, đang đi tới cao trào. Nhà báo Trần Thu cho ra hồi ký kể lại những năm trong tù, trong sà-lim. Rồi bà Nguyễn Thị Ngọc Lan công bố đơn khiếu nại vì bà và chồng bà, anh Phạm Việt, đều bị tù trong vụ án này, anh Việt chết trong tù. Nhà báo kiêm nhà viết sử Phạm Quế Dương và nhà thơ Bùi Minh Quốc lên tiếng yêu cầu phải làm rõ, công khai, minh bạch về vụ án "xét lại". Cụ Nguyễn Hộ gắn thêm vụ án phi lý "Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ" với vụ án "xét lại". Cụ già Chợ Đệm Nguyễn Văn Trán nói rõ về bộ trưởng Ung Văn Khiêm và nhà khoa học xã hội Bùi Công Trùng bị đối xử tàn tệ. Thế rồi việc xem xét lại vụ án được đặt ra mạnh mẽ bởi hai vị cán bộ cao cấp trong ngành an ninh và bảo vệ đảng: Lê Hồng Hà và Nguyễn Trung Thành. Hai ông đều hiểu rõ hơn ai hết vụ án này từ đầu đến cuối, kết luận ngược lại với những người lãnh đạo đảng hiện nay: đảng sai, sai to, sai hoàn toàn; những người bị bắt giam, quản thúc, tống vào sà-lim... không có ai phạm pháp. Phải lập lại công lý! Để đáp lại lương tâm trong sáng của hai ông, những Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình... đuổi hai ông ra khỏi đảng, tìm cách bỏ tù ông Lê Hồng Hà và bịt mồm, quản thúc chặt ông Nguyễn Trung Thành. Vẫn là bản cũ kiểu cường hào quen hiếp dân đen; oan ức thì phải chịu, mở mồm kêu oan thì càng ăn đòn của cửa quan.

Thế nhưng không gian dân sự và luật pháp đã nở ra, nở ra rộng lớn thêm. Ta cần thúc cho nó nở nhanh hơn. Trong nước và ngoài nước cùng nhập cuộc, tạo nên cộng hưởng. Nét đẹp trong cộng hưởng là cụ Hộ, cụ Trán, cụ Lâm, ông Lữ Phương (vốn ở miền Nam) rất quý mến Phùng Quán, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà... (vốn ở miền Bắc); nét đẹp nữa là anh em vốn quê ở miền Bắc hiểu rõ sự dân thân của giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ông Nguyễn Đình Huy...; anh chị em vốn sống ở miền Nam đấu tranh không mệt mỏi bênh vực công lý trong vụ Nhân Văn - Giai Phẩm và vụ xét lại... Đó chính là tinh thần Bắc Nam một nhà, đất nước liền một dải, mới thật là hòa giải hòa hợp dân tộc trong tình cảm và hành động. Luận điệu cho rằng người miền Nam bị 15 năm, 20 năm tù, còn người miền Bắc chỉ bị 1 năm, 2 năm... là luận điệu non nớt, chỉ làm thích chí chính quyền độc đoán,

không thấy đó là do không gian dân sự ngày càng nở rộ đã có tác dụng kèm chế kè độc đoán...

Làm thế nào để thúc cho nở bung thật nhanh không gian dân sự?

Các chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước cần nhận rõ đây là hướng đấu tranh có ý nghĩa quyết định để kết thúc chính quyền độc đoán.

Chống dân chủ hóa, chà đạp có hệ thống nhân quyền là gót chân Achilles của cường quyền thời mở cửa và hòa nhập.

Cuộc đấu tranh đã có thể vững, có lực tham gia khá rộng. Tiềm lực về mặt này là cực lớn. Lòng dân, thời đại, công luận quốc tế, thời gian là ở phía ta.

Chính quyền độc đoán còn chống giữ được là vì ta còn dờ.

Ta hãy bình tĩnh, tỉnh táo, kiên trì, thúc tới cuộc đấu tranh.

Hãy mở rộng không gian đối thoại về dân chủ, nhân quyền, về các vụ án phi lý cần xem xét lại. Hãy chất vấn nhà cầm quyền, buộc họ phải mở mồm, kéo họ vào cuộc đối thoại mà họ rất sợ vì đuối lý, cạn lý.

Hãy kéo dư luận toàn thế giới vào cuộc, về vấn đề nóng bỏng: tù chính trị ở Việt nam.

Nhà báo nhà văn Vũ Thư Hiên đã sang được Pháp, sắp công bố một hồi ký đầy, nói về 9 năm lao tù của một trí thức cũng bị tù với bố, cụ Vũ Đình Huỳnh, cán bộ một hồi thân cận với chủ tịch Hồ Chí Minh. Lại thêm một chứng từ rất nặng ký.

Nhà văn Hoàng Tiến ở trong nước vừa gửi thư chất vấn bộ trưởng thông tin Nguyễn Khoa Điềm về quyền tự do báo chí được ghi trong Hiến pháp và Luật báo chí. Im không xong mà nói thì ngong.

Chiến dịch "Không quên tù nhân chính trị" do báo Thông Luận (Paris) khởi xướng là một mũi tiến công sắc nhọn cho dân chủ hóa đất nước.

Sự kiện báo ngầm Người Sài Gòn ở trong nước vẫn sống khỏe, sống dai trước ý đồ bóp chết nó của kẻ cầm quyền dị ứng với không gian dân sự là một sự kiện tuyệt vời trong lịch sử báo chí Việt Nam.

Thúc cho nở thật nhanh không gian dân sự, để mau hình thành một xã hội dân sự văn minh hiện đại, cần đến những tấm lòng, nghị lực, thông minh và sáng kiến.

Thế hệ này sẽ giao lại cho thế hệ trẻ tiếp nối một xã hội dân sự vào cuối thế kỷ này.

Đây là giấc mơ đẹp. Cũng là hiện thực ở trong tầm tay chúng ta.

Bùi Tín

Tài liệu mật

LTS: Nguyên văn dưới đây là một tài liệu mật, dùng trong các buổi học tập của các cơ sở đảng cộng sản tại Sài Gòn. Chúng tôi thấy cần đưa ra một số nhận định giúp độc giả hiểu rõ tâm lý tồi tệ đang ngự trị trong đảng cộng sản. Trước hết là việc "cơ quan an ninh phát hiện và ngăn chặn các tài liệu từ ngoại quốc gửi về". Hành động này vừa là một thủ nhận thua kém (phải dùng đến công an để bảo vệ lập trường của đảng). Sau đó là thái độ thù địch với các tôn giáo, thái độ này mọi người đều biết nhưng viết ra trên giấy trắng mực đen thì quả là một điều khó tưởng tượng. Lần này không phải một vài linh mục mà chính giáo hội Công Giáo bị vu khống. Để làm gì? Các thân hữu hiểu biết tình hình nội bộ của giáo hội Thiên Chúa Giáo khẳng định không hề có một chỉ thị nào của giáo hội cho các giáo xứ để xây dựng các trung tâm hòa giải cả. Vatican không có lý do gì để chủ trương "hòa hợp, hòa giải dân tộc" tại Việt Nam cả. Có chăng là như mọi tôn giáo khác, họ chủ trương hòa bình giữa các quốc gia. Tại sao có sự bịa đặt thô bỉ này? Cũng nên nhận định là từ hơn một năm nay đảng cộng sản đã lấy thái độ chống đối hẳn hoi đối với lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc, trước đây họ chỉ tránh nói tới. Thông Luận được đặc biệt chú ý, việc gán ghép chủ trương "hòa hợp, hòa giải dân tộc" của Thông Luận cho Vatican phải chăng nằm trong dụng ý lẫn lộn Thông Luận với Công Giáo để gây ngờ vực cho một số thân hữu thuộc các tôn giáo khác? Tại sao lại cần lưu ý trong số truyền nhân hồi hương có "3 đối tượng là chức sắc tôn giáo"? Tại sao cần ghi nhận là trong những người sinh hoạt Tin Lành có "một số là cảnh sát nguy cũ". Chiến tranh đã chấm dứt gần 21 năm rồi và nhiều lời kêu gọi "hòa hợp", "quên quá khứ", hướng về tương lai đã được thốt ra ngay từ miệng các ông Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt. Cần lưu ý là các mục sư Tin Lành xin phép hoạt động tôn giáo bình thường đã không những bị cấm mà còn bị đánh đập dã man (TL số 101).

Một số tình hình an ninh chính trị và hoạt động tôn giáo ở Thành phố

Tài liệu của các tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài tiếp tục tấn phát vào thành phố qua các đường du lịch, bưu điện và máy Fax của đơn vị và cá nhân trong nước. Tháng 7-1996, cơ quan an ninh đã phát hiện và ngăn chặn 731 tài liệu phản động các loại của các tổ chức "thông luận", "Liên minh Việt Nam tự do". Nội dung chủ yếu là xuyên tạc Đại hội VIII, nhân sự Ban chấp hành Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Nhóm "thông luận" tấn phát tài liệu "dự án chính trị dân chủ đa nguyên 1996 - thử thách và hy vọng" cho số có quan hệ với chúng ở thành phố nhằm đã kích chế độ, xuyên tạc về nhân quyền ở Việt Nam, kích động thương binh ta gây rối, tuyên truyền cho các hoạt động của chúng ở nước ngoài, kêu gọi thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời... Trong số 48.000 nước ngoài và 10.000 Việt kiều nhập cư vào thành phố, có 282 trường hợp vi phạm trật tự trị an, 661 trường hợp lưu trú quá hạn.

Thành phố đã tiếp nhận 8 chuyến (có 2 chuyến cường bức) hồi hương gồm 363 người từ các trại ở Thái Lan, Ấn Độ, Philippin, Singapo, Malaysia. Trong số này, đã phát hiện 47 đối tượng tham gia các tổ chức chính trị trong trại, 3 đối tượng là chức sắc tôn giáo. Một số phần tử bất mãn, cực đoan trong nước tiếp tục viết bài gây tâm lý chia rẽ nội bộ gửi ra nước ngoài in trên báo "Người Sài Gòn" rồi tấn phát vào trong nước.

Có tin, số cực đoan trong Thiên chúa giáo có kế hoạch sau Đại hội VIII sẽ nêu yêu cầu cải thiện thêm "tự do tín ngưỡng" và giải quyết nhân sự tại địa phận thành phố Hồ Chí Minh, nếu không được sẽ kích động công nhân là người Thiên chúa giáo làm việc trong các doanh nghiệp đình công đòi "công bằng xã hội và tự do tín ngưỡng", đòi lại các cơ sở của tôn giáo hiện nhà nước đang trưng dụng. Trong khi đó, giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam đang chỉ đạo các giáo phận xây dựng "trung tâm hòa giải" tại các giáo xứ để thực hiện chủ trương "hòa hợp, hòa giải dân tộc" của Vatican.

Các nhóm Tin lành bất hợp pháp tiếp tục hoạt động dưới nhiều hình thức để phát triển đạo. Chủ nhiệm địa hạt tây Nam bộ đề nghị thành lập một đoàn mục sư đại diện các địa hạt ra Hà Nội kiến nghị xin tư cách pháp nhân. Cầm đầu nhóm "liên hữu cơ đốc" thông báo các nhóm đưa thiếu niên từ 13 đến 17 tuổi đi Long Hải 3 ngày để tổ chức lớp thánh kinh hè: "Hội thánh Tô Hiến Thành" đã cử người đi truyền đạo ở các tỉnh Cần Thơ, Tây Ninh, trong đó có trường hợp sử dụng tài liệu giáo lý thiếu nhi từ Canada gửi về, nhóm "đức Châu trời" tiếp tục nhóm họp, sinh hoạt tại nhà riêng, nhóm "thăm viếng" thành lập được 8 nhóm có một số là cảnh sát nguy cũ, một số hồi hương từ Malaysia tham gia truyền đạo theo nhóm gia đình.

Theo VĂN PHÒNG THÀNH ỦY (trang 15-16)

Câu chuyện đầu năm

Đón giao thừa Tết Đinh Sửu 1997 anh em tiệm nước Sài Gòn vừa thưởng thức hương vị trà Xuân, vừa xem "gánh hát chèo" khai trống đầu năm trên vô tuyến truyền hình.

- Ủa, các anh chị có coi lộn không? Chương trình phát hình đặc biệt lúc 12 giờ đêm hai mươi chín Tết (29/12 âm lịch) anh em theo dõi rất kỹ chỉ thấy mở đầu cụ Đồ Mười và "toàn ban quý tế hội đình" tùm năm, tùm ba trước màn ảnh, rồi ngài Tổng Bí Thư hô lệnh nổi trống lên mừng Đảng, mừng Xuân. Đây cũng là một kiểu màu mè "đổi mới mô-đen 1997" của Đảng CSVN: Đánh Trống - Thổi Kèn...

Theo phong tục xưa, việc khai trống đầu năm rất hệ trọng vì dân chúng tin tưởng việc ấy có ảnh hưởng đến đời sống, mùa màng, sinh hoạt trong làng nước cả năm đó. Nên phải chọn người có đức, có tài và đồng thời cả tên gọi cũng phải biểu trưng cho sự tốt lành như: Thịnh, Phát, Phú, Lộc..., cầm dùi mới được. Hồng biết lúc chọn anh đánh trống này, Bộ Nội Vụ nước CHXHCN Việt Nam có sưu tra lý lịch ba đời của anh ta xem có dính líu gì đến địch nguy, quan lại phong kiến, thực dân đế quốc hay không? Và Ban Văn Hóa Tư Tưởng Trung Ương có nghiên cứu tử vi để tìm cho được nhân vật có "mạng" hợp với "tuổi" của Tổng Bí Thư nhà ta, đồng thời lại có một cái tên nghe "xôm tụ" không? Chứ nếu chưa trung cầu ý kiến quốc dân thật kỹ, rồi lại cứ theo cảm nhận của cá nhân mình trao dùi trống ấy cho đứa chẳng ra gì thì "Đảng ta" sẽ xúi quẩy cả năm, tiêu tan, lụn bại không góc đầu dậy nổi!

- Như thế, để tránh những chuyện không hên đầu năm cho "Đảng mình" tại sao cụ Đồ Mười không cầm dùi khai trống luôn cho tiện? Có thành bại gì thì bụng làm dạ chịu, khỏi phải đổ thừa "tại", "bị" thiên tai, địch họa, diễn biến hòa bình Reuter, VOA, BBC, RFI, RFA...

- "Người" không khai trống đầu năm được vì nhiều lý do. Về mặt đối ngoại, sợ ảnh hưởng không tốt đến quan hệ quốc tế. Đặc biệt là thu hút đầu tư vốn nước ngoài. Quý danh của ngài Tổng Bí Thư: Mười (10) theo tập quán quốc tế con số năm-bờ-then (number ten) có nghĩa đặc biệt xấu, đồng nghĩa với cụm từ xui xẻo, hư hỏng, tàn mạt... của người Việt mình. Còn lúc vui Xuân lỡ bốc nhầm ván bài "Mười Nút"

có tên gọi khác là "Bù" kẻ như thua trắng, cái chung cháy túi!!!

Về mặt ngoại hình, nội lực phải chọn người đúng tuổi, uy nghi đĩnh đạc, có thần lực, giọng nói phải hùng hồn, trong to ngân vang như tiếng đại thần chung. Sở dĩ phải quan tâm đến chất giọng để trong khi tế lễ, người được giao dùi trống có xuống to: "Hà An Xà Tắc", kể đến "Khôn Trung Nguyên Thối", rồi "Lê Thứ Thái Bình" khỏi phải mất công ngưng ngang, hỏi lại "đồng bào có nghe rõ tôi nói không?". Vì âm điệu quê "choa" ấy đâu dễ lọt tai mọi người mê!

Trống được quay về hướng đại lợi phù hợp với năm khai trống (năm Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, v.v...). Động tác đánh trống phải thật chuẩn xác, tròn tiếng, trước đánh thưa, sau đánh nhặt và to lớn. Đánh dứt ba hồi trống tổng cộng phải đủ 300 nhịp đập. So ra, cụ Đồ Mười không đạt yêu cầu vì vóc người cụ thấp, giọng nói khàn, thần lực kém, sức khỏe không đảm bảo đánh được trọn 50 nhịp trống thì làm sao chấp sự được.

- Phải chi biết trước ngài Tổng Bí Thư không đủ năng lực cầm dùi khai trống, Năm Đòn Gánh và bà con tiệm nước Sài Gòn chúng tôi sẽ giới thiệu với quốc dân đồng bào ông Ba Cải Cách, một trong những chiến sĩ tiên phong đấu tranh đòi dân chủ thời kỳ Mặt Trận Bình Dân (1936) và cũng là một nhân vật đối lập, đấu tranh rất kiên định cho phong trào dân chủ hiện nay tại Việt nam.

Với ý chí, thần lực, đạo đức của ông Ba Cải Cách, cộng thêm với giọng nói sang sảng rung rinh cả hội trường Ba Đình, Hà Nội, năm nào, đủ dư điểm chuẩn đảm bảo cầm chắc vị trí người cầm dùi khai trống. Coi nè, dùi trống nhịp mạnh vang dội, thúc giục và ông Ba sẽ xuống đồng dặc rằng: "Dân Chủ Phát Triển, Độc Tài Tiêu vong, Quốc Gia Hưng Thịnh, Nhân Dân Thuận Giàu" thiết là tròn đạo Trời, vuông đạo Đất, sáng đạo Người.

- Đây là ý dân mong muốn như vậy, nhưng đời nào bọn chúng chịu. Nhà Cầm quyền CSVN chẳng bao giờ dám tổ chức đối thoại trong nước chứ đừng nói chi mới những thành phần ấy dự chung tế lễ khai trống đầu năm.

- Ấy, lắm lúc bọn chúng cũng có những ngón nghề bịp đại tài và cũng xí gạt được khối người giống như bọn đánh bài

tráo bên hông chợ Bến Thành. Mới đây nhà nước CHXHCN Việt Nam đã bỏ ra 170 triệu đồng để sửa chữa lại tư thất của ông Dương Văn Minh tại Sài Gòn và ngài Tổng Bí Thư đã cử phái viên đặc biệt là bà Luật sư Nguyễn Phước Đại thực hiện nhiều chuyến đi đêm con thoi Hà Nội - Paris để mời vị Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa trở lại cố hương. Thời gian đã được hai bên thỏa thuận là đầu tháng 3 năm 1997.

- Thiện ý này phải chăng thể hiện đường lối cởi mở, hòa giải và hòa hợp dân tộc của "Đảng ta"?

- Đúng, kể từ khi "Đảng - Nhà nước mình" thi hành chính sách mở cửa thì trước tiên Năm Đòn Gánh và bà con khắp nơi đều công nhận "Mở Cởi" được phát triển mạnh, nhan nhản mắt thấy, tay sờ được không cần phải bàn cãi. Bướm ngày, bướm đêm xó xỉnh nào cũng có. Đây là một trong những thành tích lớn vượt trội về mặt chính trị - kinh tế - xã hội trong đời mới của "Đảng ta". Còn chính sách đại đoàn kết dân tộc thì ai cũng thấy Đảng CSVN chưa hòa giải được giữa các phe với nhau trong nội bộ Bộ Chính Trị của họ, còn chưa hòa hợp được với những tiếng nói khác có cùng nguồn gốc những người đảng viên cộng sản với nhau như: Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang, Đỗ Trung Hiếu, Tiêu Dao Bảo Cự..., các nhà tu hành bị bắt bớ cầm tù, quản thúc; và còn hàng chục ngàn tù nhân vì khác biệt chính kiến bị giam cầm trong các nhà tù không có ngày mãn hạn.

Di nhiên sự chọn lựa định cư ở đâu đó là quyền tự do cá nhân của ông Dương Văn Minh, nhưng đừng xuyên qua sự kiện đó bà con chúng ta lại mơ hồ, hí hửng là Đảng CSVN đã chịu đổi mới về chính trị thì quả là "Lạc Quan Tếu". Hơn thế nữa, bà con mình đâu để quên trường hợp của Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ trước đây cũng đã được một vị Luật sư Hà Nội nhân danh "Phái viên đặc biệt" của đồng chí Tổng Bí Thư Đồ Mười được ủy nhiệm mang theo chỉ thị tối mật của "Người" đến thủ đô Ba-Lê nhiều lần để gặp gỡ, thảo luận, thỉnh ý, soạn thảo cương lĩnh, hình thành tổ chức, triển khai hoạt động... rồi rốt cuộc nhà cầm quyền Hà Nội qui kết đây là tổ chức phản động, ra lệnh bắt bỏ tù những người lãnh đạo của phong trào này.

Quả lừa ấy thật cay đắng, nhức nhối biết đường nào, nó là một bài học nhớ đời cho những người trong cuộc, đồng thời là tấm gương nhắc nhở mỗi người chúng ta trước những mưu đồ đen tối mới của nhà

cầm quyền cộng sản Việt Nam. Người tiệm nước Sài Gòn càng thấm thía trước những kinh nghiệm lịch sử đau thương ấy và đi guốc vào trong "tim đen" đối với những trò đánh lận con đen của bọn chúng.

Tạp chí Cộng Sản, cơ quan lý luận về chính trị của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, số 16, phát hành vào tháng 8-1996 đã đăng rằng: "Sự phân tuyến những người Việt Nam rất rành mạch: Một bên là đại đa số nhân dân Việt Nam chiến đấu và chiến thắng; bên kia là một số ít người đi theo bọn đế quốc xâm lược, làm tay sai cho chúng, đối lập với dân tộc Việt Nam...". Qua đó, bà Luật sư Nguyễn Phước Đại, Phó Chủ Tịch Thượng Nghị Viện Việt Nam Cộng Hòa, và Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa trước kia, chắc chắn không còn mơ hồ, vọng tưởng mình là "cục cứng" của chế độ CSVN. Khi cần tung ra chiêu bài "mỹ dân mới" thì Đảng CSVN sẵn sàng bơm bà Nguyễn Phước Đại lên tận mây xanh, lúc đã đưa được tất cả lọt vào tròng thì họ sẽ cắt dây, sập bẫy không thương tiếc như vụ án Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái còn mới rành rành. Quý vị là người học rộng hiểu nhiều xin lượng thứ cho những lời thô thiển, chân thật vừa rồi của người tiệm nước chúng tôi. Chỉ tiếc rằng: "Hoa lài chịu cấm bãi cứt trâu"!

- Tết này, dân chúng thắc mắc không hiểu can cơ chi mà Đảng ta tổ chức sinh nhật cho ông Trường Chinh linh đình, lằng phí vậy? Sẵn có bác Chín, má Bảy là các bậc lão thành cách mạng công tác nhiều năm với cụ Đặng Xuân Khu đến thăm, người tiệm nước Sài Gòn xin được thỉnh ý nhị vị tiền bối.

- Theo thiên ý của tiện nhân, đất nước ta vừa trải qua những đợt thiên tai, bão lụt liên miên trong năm 1996 khắp ba miền đất nước. Hậu quả để lại cho đời sống nhân dân rất nặng nề chưa khắc phục được. Những vị đứng đầu Đảng - Nhà Nước - Quốc Hội nên cùng rủ nhau về thăm, ăn Tết, chia sẻ sự thiếu thốn với bà con các vùng thiên tai ấy, đồng thời cùng kiểm tra luôn thể các cấp chính quyền đã chăm lo đời sống nhân dân còn khó khăn được tới mức nào? Có người dân nào ngày Tết thiếu gạo ăn không? Các cháu nhỏ nhà nghèo áo quần rách rưới, lem luốc ngơ ngác nhìn Xuân đến thật xa lạ đối với thân phận hẩm hiu của mình, địa phương chiếu cố ra sao?

Được như thế mới phải đạo trị nước. Đảng này, các nhà lãnh đạo của "Đảng mình" cứ loanh quanh ở thủ đô Hà Nội, Sài Gòn, những đơn vị kinh tế giàu có; các tỉnh - thành phố lớn suốt thời gian trước và

trong Tết là chỉ nhằm kiểm chác, gọi ý... gom chất cho đầy quà biếu chõ xệ nhíp xe, nghiêng cả cánh máy bay, cố nhét phong bì tràn túi của các ngài - phu nhân - và tùy tùng mà thôi. Tổng kết những khoản chi phí biếu xén Tết của các cơ quan nhà nước có giá trị tương đương mức thiệt hại do lũ lụt gây nên trong cả nước!!! Đúng là một lũ chuột - Chuột Lành Đạo.

- Theo truyền thống dân tộc Việt Nam, để tưởng nhớ công đức tổ tiên, những bậc tiền liệt đã dày công mở mang bờ cõi, bảo vệ biên cương, giữ yên sơn hà xã tắc, cũng như đối với ơn sinh thành dưỡng dục của ông bà, cha mẹ trong gia đình, hàng năm dân ta đều tổ chức ngày giỗ để nhắc nhở lớp hậu sinh luôn hướng về cội nguồn, giữ gìn tôn tạo sự nghiệp của đời trước để lại cho tốt đẹp, vững bền hơn. Đó là đạo lý.

Còn kiểu cách phô diễn vừa rồi đối với kỷ niệm ngày sinh lần thứ 90 của cố Tổng Bí Thư Trường Chinh chỉ là một trò lố bịch. Cho nên khi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng và Thành ủy Hà Nội tổ chức mít-tinh kỷ niệm ngày sinh của cụ Trường Chinh, về phía gia đình có mặt con trai cả là đồng chí Đặng Xuân Kỳ nhưng ông không đáp từ cảm ơn Ban Tổ Chức, lại để người cháu trong gia tộc nói thay mình!?

Lố bịch vì đánh giá cố Tổng Bí Thư Trường Chinh bằng đủ loại mỹ từ rất kêu nhưng ngày giỗ lần thứ 10 năm rồi của Người ở Hà Nội, tại Sài Gòn không thấy gương mặt mồm nào của Bộ Chính Trị, hoặc Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đến gia đình đốt nén nhang cho "Người chiến sĩ cộng sản, người học trò trung thành xuất sắc của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, người Tổng Bí Thư, người thầy - một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng".

Đến khi thấy các vị Đại lão đồng chí trong quân đội tổ chức trọng thể kỷ niệm ngày giỗ lần thứ 10 của Đại tướng Hoàng Văn Thái và Đại tướng Lê Trọng Tấn, đồng chí bạn bè, quân đội trân trọng khẳng định lại công lao cống hiến cho dân, cho nước của hai vị cố Đại tướng này. Phái hậu duệ "họ Lê" của ngài phù thủy Lê Đức Thọ trong Thường Vụ Bộ Chính Trị rất sợ Toàn Đảng - Toàn Quân - Toàn Dân biến sự tiếc thương vô hạn này trở thành hành động... bất lợi cho mưu đồ của bọn chúng. Và đặc biệt là hệ thống Tham nhũng - Mafia - Quân phiệt đang có nguy cơ lung lay, bị phá vỡ trước yêu cầu bức bách của các tầng lớp nhân dân trong cả nước đòi tiêu diệt ngay "quốc nạn" này. Rồi Nguyễn Đức Bình mở hội nghị nói về cuộc đời và sự nghiệp của cố Tổng Bí Thư Trường Chinh tại Hà Nội ngày 30-1-1997, được tôn tặng là bậc "Su Phụ" vậy

mà vị đệ tử đang kế tục sự nghiệp của Người - Tổng Bí Thư Đỗ Mười lại ham tiếp khách "Tây" không đến dự và "nở" với hội nghị quan trọng này. Có thể mới nhận rõ được sức mạnh của đồng đô-la lấn át cả giá trị truyền thống tôn sư, trọng đạo cao quý của dân tộc Việt Nam ta. Để chữa thẹn, họ bèn tổ chức rình rang "Mít-tinh kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh đồng chí Trường Chinh" ở Sài Gòn, tại Nam Định và cả thủ đô Hà Nội.

- Tin đặc biệt, cố Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc vừa từ trần ngày 20-2-1997 tại Bắc Kinh!

- Tội nghiệp cho mấy đệ tử ruột của vị cha đẻ chính sách bốn hiện đại hóa của Trung Quốc chưa kịp được thấy ông thầy mình dạy cho "bài học thứ hai". Rất tiếc Đảng Cộng Sản Trung Quốc không tổ chức viếng tang cho các tổ chức và khách quốc tế để cho ngài Đỗ Mười - Lê Đức Anh - Lê Khả Phiêu có dịp sang để đó để thọ tang sự phự. Thời đành hướng về đất Tú Xuyên rồi ba ngài đập đầu xuống đất khóc kể rằng:

Ông Đặng Tiểu Bình ơi, ông Đặng Tiểu Bình ơi,

Thương cha thương một, thương ông thương mười!...

- Nay giờ nghe ý kiến của các anh chị trao đổi giúp cho Năm Đòn Gánh em càng sáng mắt sáng lòng. Duy có một điều thắc mắc này em vẫn chưa tự giải đáp được: Nhà nước ta giống trống, khua chiêng đều ơn đáp nghĩa đối với gia đình chính sách, có công với cách mạng. Nhưng lúc bỏ tiền ra cả trăm triệu tu bổ đình Hoa Lan của Big Minh thì chính quyền sở tại kỷ duyệt mau chóng dễ dàng, còn xem xét nguyện vọng xin trợ cấp chỉ có 2 triệu để sửa chữa lại nhà hư đột nát của một gia đình liệt sĩ có công lớn với Đảng CSVN thì Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh ke re cắt rứt từng đồng, ngâm cứu hàng mấy tháng trời chưa duyệt xong đơn thỉnh cầu của bà Võ Thúy Viên, con gái cụ Võ Công Tồn (1891-1942), liệt sĩ, một thân hào yêu nước, một vị tiền bối cách mạng. Cụ bị thực dân Pháp bắt giam ở khám lớn Sài Gòn, đày đi Hà Tiên, Tà Lài rồi đưa ra Côn Đảo. Cụ hy sinh ngày 16-6-1942.

"Từ năm 1915 ông Võ Công Tồn sớm là đại diện cho tổ chức cách mạng của cụ Phan Bội Châu, ủng hộ tiền bạc cho phong trào Đông Du, luôn sát cánh cùng ông Gilbert Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Ninh. Ông bí mật giúp đỡ tiền bạc cho Nguyễn An Ninh ra tờ báo "Tiếng Chuông Rè" (La Cloche Fêlée). Vào năm 1928 ông tham gia thành lập tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Nam Kỳ cùng với các

ông Trần Huy Liệu, Nguyễn Phương Thảo, trưởng ban tuyên truyền. Ủng hộ tài chánh cho hai ông Nguyễn An Ninh và Nguyễn Văn Tạo ra hai tờ báo "Trung Lập" và tờ "La Lutte", rồi đến tờ "L'Avant Garde"; tờ "Le Peuple" (Dân Chúng) là tờ báo công khai của Đảng CSVN từ năm 1937-1939...

Trong Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940, ông Võ Công Tôn có tên trong danh sách Chánh Phủ Lâm Thời gồm: Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Dương Bạch Mai, Võ Công Tôn, Phan Đăng Lưu... Ông là vị mệnh thường quân đã suốt đời hoạt động từ các phong trào yêu nước ở đầu thế kỷ 20 cho đến khi có Đảng CSVN. Ông còn là một đại ân nhân của Đảng, ủng hộ Đảng ta rất nhiều và bất cứ lúc nào khi Đảng cần đến về tài chánh..." (trích bài: "Võ Công Tôn, nhà cách mạng Mạnh Thường Quân" của Đại lão đồng chí Nguyễn Văn Trần, đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp năm 1927).

Điều đó cũng thật dễ hiểu, vì như xảo thuật thổi khói màu trên sân khấu là nhằm trước hết tạo ảo giác đối với người xem khiến họ cảm thấy bài hát, âm thanh nổi hơn, hay hơn dẫu gặp người ca si trình diễn... dở ẹt. Còn "Đảng - Nhà nước mình" đang ve vãn "lực lượng thứ ba", lợi dụng chiêu bài "Dương Văn Minh qui cố", Tổng Bí Thư Đỗ Mười thân hành đến thăm, chúc thọ gia đình ông Lý Chánh Trung, một trí thức công giáo... Các trò "dòm" ấy giống như những món "hàng mã" để cúng ma chay, rồi phứt chốc tất cả sẽ hóa thành tàn tro bay theo gió về cõi âm, là nhằm để bịp người sống trên chốn dương trần, bịp thế giới tự do cốt làm sao tranh thủ cho được hưởng khoản Tối Huệ Quốc của chánh phủ Hoa Kỳ mà thôi.

Khi Đảng CSVN đã được Mỹ cho hưởng qui chế này rồi thì tình cảnh nhân dân trong nước lúc bấy giờ cũng giống như một bên là tên vô si côn đồ (CS độc tài) lại được trọng tài bơm thêm nguồn thuốc kích thích để giúp nó càng mạnh hơn, dữ tợn hơn; uy hiếp và sớm đánh đo ván đối thủ chân phương (lực lượng dân chủ) chỉ dựa sự tôn trọng tinh thần thượng võ. Nếu như có lần Giáo sư Lý Chánh Trung đã từng đánh giá vui rằng: Trên thương trường ông Ngô Công Đức (chủ nhiệm báo Tin Sáng cũ) là "Điểm Bảy Da", thì hôm nay bà con tiệm nước mình cũng tự đúc kết và đánh giá được Đảng CSVN đúng là "Điểm Thúi"!

Người Sài Gòn

Vụ án Nguyễn Đình Huy và Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ

Sau ngày 30-4-1975, ông Nguyễn Đình Huy bị cải tạo tập trung cùng với các quân nhân và công chức của chánh quyền miền Nam vì ông là đảng viên Đảng Tân Đại Việt, Đồng Chủ tịch Liên Minh Dân Chủ Xã Hội. Đến đầu năm 1992, ông được trả tự do. Lập tức ông nối lại liên lạc với phần lớn anh em trong Phong trào quốc gia Cấp Tiến còn ở lại trong nước. Mặt khác, ông quan hệ với bộ phận ở hải ngoại. Chấp nhận mọi rủi ro, ông cùng với anh em tổ chức việc mở rộng đoàn thể, đổi danh xưng, định đường lối hoạt động mới. Tháng 7-1992, Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc Xây Dựng Dân Chủ bí mật thành hình trong nước và bắt đầu hoạt động xây dựng cơ sở từ trong Nam ra đến ngoài Bắc. Cùng vào thời điểm này, bộ phận hải ngoại ráo riết vận động dư luận quốc tế qua Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do để yểm trợ Phong Trào, dự tính sẽ công khai ra mắt trong một tương lai gần để hoạt động ngay tại Việt Nam.

Được dư luận quốc tế tích cực ủng hộ, ngày 11-12-1992 Văn phòng đại diện Phong Trào tổ chức lễ ra mắt tại trụ sở Quốc Hội Hoa Kỳ để giới thiệu Phong Trào với dư luận quốc tế và cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Tiếp theo, nhiều lễ ra mắt giới thiệu Phong Trào lần lượt được tổ chức, ngày 20-2-1993 ở Úc, tháng 7-1993 ở Canada và tháng 9-1993 ở Luân Đôn. Ở trong nước tới giai đoạn này, việc xây dựng cơ sở mở rộng tầm hoạt động cho Phong Trào đã tiến hành mạnh, có bảo quản khá vững chắc.

Nhận thấy phải chính thức và công khai lên tiếng cổ võ cho dân chủ ở Việt Nam, những bước đi đầu tiên của việc dân chủ hóa Việt Nam cũng phải được chính thức và công khai xác định, Phong Trào bộ phận ở trong nước kết hợp với Văn Phòng Đại Diện hải ngoại và Liên Minh Dân Chủ dự liệu tổ chức một buổi hội thảo quốc tế về "Phát Triển Việt Nam" vào ngày 27-11-1993 tại Khách sạn Métropole ở quận I Sài Gòn.

Đầu tháng 11-1993, Lê Đức Anh cầm đầu một phái đoàn đại diện chánh quyền Hà Nội sang Bắc Kinh. Sau đó kể từ ngày 1-11-1993, chánh quyền Hà Nội bắt giam hai ông Nguyễn Tấn Trí và Trần Quang Liêm, hai người Việt tị nạn, nhưng mang quốc tịch Hoa Kỳ, trở về nước giúp Phong Trào về mặt kỹ thuật để tổ chức cuộc Hội

thảo. Ngày 17-11-1993, chánh quyền Hà Nội lại bắt tiếp các ông Nguyễn Đình Huy, Chủ tịch Phong Trào, ông Phạm Tường, Phó chủ tịch và ông Bùi Kim Đình, Tổng thư ký.

Tháng 2-1995, Phong Trào lại tiếp tục bị khủng bố: Chánh quyền Hà Nội bắt thêm các ông Phạm Thái, Đồng Tuy, Phó chủ tịch, Nguyễn Văn Châu và Nguyễn Văn Biên, thành viên. Cũng cần nhấn mạnh rằng trước đó, ba nhân vật của Phong Trào là các ông Phạm Văn Quảng, Phó tổng thư ký, Đồng Tuy, Hoàng Văn Khải bị công an Sài Gòn gọi lên thẩm vấn. Trong lúc "làm việc", công an cộng sản mời mỗi người uống một ly nước trà để giải khát. Khi về tới nhà, cả ba người này đều bị trúng độc nặng, phải đưa vào bệnh viện cấp cứu. Vì ngộ độc, ông Phạm Văn Quảng đã chết ngày 25-5-1993 vào hồi 7 giờ sáng.

Trước áp lực của dư luận quốc tế, ngày 11-8-1995, chánh quyền cộng sản phải đưa cả 9 người đã bị bắt giam của Phong Trào ra xét xử, trong một phiên xử kín và vắn vắn có một ngày của Tòa án Nhân dân Sài Gòn dưới tội danh "nhằm lật đổ chính quyền nhân dân" bằng cách thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, kết hợp với "đế quốc" và phản động ở nước ngoài. Theo chánh quyền cộng sản, đây là một vụ án đặc biệt nghiêm trọng các can phạm có thủ đoạn vừa tinh vi, vừa trắng trợn đi đôi với thách thức do lợi dụng chánh sách đổi mới. Tòa án cộng sản đã tuyên phạt 9 người tổng cộng 86 năm tù chia nhau mỗi người từ 4 đến 15 năm!

Nhờ có Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ can thiệp, tháng 11-1995 hai ông Nguyễn Tấn Trí và Trần Quang Liêm được phóng thích. 7 người còn lại vẫn tiếp tục phải thi hành án tù.

Vụ án 9 người của Phong Trào, gọi chung vụ án Nguyễn Đình Huy là vụ đàn áp thô bạo, bằng "pháp quyền" cộng sản (các điều khoản Bộ Hình luật của CHXHCNVN) những người tranh đấu công khai, ôn hòa và hợp pháp cho dân chủ, được dư luận trong cũng như ngoài nước nhiệt thành hưởng ứng. Chánh quyền cộng sản đã không dám chấp nhận cuộc tranh đấu này vì thực thi dân chủ có ý nghĩa quyết định sự tồn vong của đảng cũng như của chế độ.

Trần Văn Nguyễn

Thông Luận 102 - Tháng 3.97

Thư ngỏ gửi chuyên viên trí thức

Hà Nội, 26 tháng 1 năm 1997

Kính gửi: Các đồng chí trong Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật của chúng ta có một chức năng rất lớn, một nhiệm vụ rất quan trọng mà nếu thực hiện được thì sẽ thực sự ích quốc lợi dân. Đó là chức năng tư vấn, thẩm định và giám sát việc hoạch định và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước. Đối với chức năng, nhiệm vụ này, cho đến nay, chúng ta thực hiện được rất ít so với yêu cầu bức thiết của thực tế đòi hỏi.

Trong lịch sử, chúng ta đã từng phạm nhiều sai lầm tai hại. Ngày nay, vẫn thế! Bao năm trời nén ép đất nước vào guồng máy chỉ huy tập quyền phi lý của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa để nhân dân bó tay chịu đói nghèo đặng đặng. Khi giết mình bưng bình, chúng ta lại dồn thân chủ yếu vào tất cả những khía cạnh xấu xa, mặt hạn của kinh tế thị trường. Chúng ta từ chỗ sùng kính người nghèo, đến chỗ kêu gọi thống thiết: Đảng viên phải biết làm giàu. Xã hội chúng ta mấy năm qua được hưởng tới đời sống hưởng thụ vật chất thấp hèn mà rẻ rúng những giá trị tinh thần cần thiết cho sự phát triển bền vững. Bệnh viện, trường học, khoa học, giáo dục, trí thức, đạo lý... đều là "những mối quan tâm thứ cấp" so với những áp phe tô nhượng, xây sân gôn, khách sạn, tổ chức thi mọi loại hoa hậu nhớ nhãng...

Chúng ta đổ của vào cho nhiều công trình xây dựng đồ sộ, tốn kém, vô bổ trong khi bỏ mặc nông thôn đói nghèo. Chúng ta háp tấp xây dựng đường dây 500 kilô vôn rất mạo hiểm, trong khi có thể bàn bạc nghiêm túc về các phương án khả thi khác hợp lý hơn. Giữa lúc xã hội còn bao nhiêu yêu cầu thiết thực, bức bách hơn... thì chúng ta đổ quá nhiều tiền của vào đề tài iốt-hóa muối ăn và nhiều đề tài bất hợp lý khác; đặc biệt là một số đề tài trong lĩnh vực chính trị - xã hội.

Nhiều chủ trương, đường lối liên quan đến đời sống quốc tế của ta vẫn theo hướng tự dẫn đến cô lập. Tiếp tục phản kích bạt mạng vào những xu thế đúng đắn, những giá trị cao cả của cộng đồng quốc tế như nhân quyền, diễn biến hòa bình... Vô chính trị đến mức chưa biết đài "Châu Á Tự Do" sẽ nói xấu, nói tốt, nói sai, nói đúng đến mức nào nhưng cứ ra rả phản đối. Chắc chắn là sự phản đối của ta không có tác dụng quyết định đến chủ trương của họ. Họ không "kiềng" Trung Quốc thì sao họ lại phải "chòn" ta? Sao không tìm cách "chung sống" với "tiếng nói Châu Á Tự Do" (như chung sống với lũ lụt Cửu Long), để rồi thuyết phục dần, tiến tới tranh thủ được. Sao không nghĩ phương kế biến thù thành bạn mà cứ quyết tâm khiêu khích cho người đi đường phải sẵn tay áo lên?!

Hình như chúng ta quá ỷ lại, quá tin tưởng vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vào Bộ Chính trị trong khi thực tế đã cho thấy là rất không nên như vậy. Nếu dám nhìn thẳng vào sự thật và tôn trọng sự thật thì phải xác định rằng Đảng chỉ là một bộ phận nhân dân mà thôi. Trong khi đó, Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật của chúng ta là tổ chức tập hợp số đông trí thức của đất nước, của dân tộc. Sao ta không thực sự "đau nỗi đau của đất nước", không dám lo toan cả những vấn đề "quốc gia đại sự", không dám thẩm định, giám sát và, khi cần, yêu cầu sửa đổi hay bác bỏ những chủ trương, nhiệm vụ quan trọng mà Đảng hay Chính phủ cứ cho là đúng.

Với tin thần đó, tôi xin gửi kèm đây bài viết "Nhân quyền - Khát vọng ngàn đời" để các đồng chí tham khảo và đệ trình lên những nơi mà bài viết cần phát uy tác dụng.

Trân trọng.

Nguyễn Thanh Giang

Ủy viên thường vụ Hội Địa Vật Lý Việt Nam

Nhân quyền: khát vọng ngàn đời

LTS: Bài viết của Nguyễn Thanh Giang dài 14 trang đánh máy, chữ nhỏ. Khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo buộc Thông Luận chỉ giữ lại một số đoạn.

[...] Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền do Liên hiệp quốc công bố ngày 10-12-1948 mở đầu rất thống thiết: "Sự xâm phạm và coi thường nhân quyền dẫn đến các hành động dã man xúc phạm tới lương tâm của nhân loại và việc xây dựng một thế giới trong đó con người không còn phải chịu sự khùng bố và sự khốn cùng, được tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng là khát vọng cao nhất của con người."

Nhân quyền phải được pháp luật bảo đảm, để mỗi người không còn bị buộc phải - khi không còn cách nào khác - nổi dậy đấu tranh chống lại sự tàn bạo và áp bức".

[...]

Từ 1948 đến nay, sau Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền, Liên hiệp quốc đã ban hành tới 53 công ước và văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến lĩnh vực quyền và tự do cơ bản của con người bao gồm các công ước về các quyền chính trị dân sự, công ước về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội...

Con người hằng khao khát, nhân loại đã dốc biết bao nhiêu trí lực nhằm tìm phương cách tốt nhất hiện thực hóa vấn đề quyền con người, nhưng chính Các Mác thì cho rằng nhân quyền tư sản là "quyền con người của chủ nghĩa ích kỷ", là "quyền

lợi của thành viên xã hội thị dân". Ông Lý Quang Diệu thì phỉ báng rằng: "Vấn đề nhân quyền là mặt trái của đồng bạc trắng Châu Á". Ông còn vô đoan: "Người Nga không hề tin một chữ nào trong bản tuyên ngôn mà họ đã ký (tức Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền, 1948). Còn người Trung Quốc thì bấy giờ đang trong tình trạng hỗn loạn cực độ. Họ phải giả vờ ủng hộ nhân quyền và tự do gắn liền với nhân loại để tranh thủ viện trợ của Mỹ và đối phó với sự chống đối của những người cộng sản".

Ở Việt Nam, nhân quyền được quy kết vào quyền công dân. Điều 50, Hiến pháp

Việt Nam 1992, ghi: "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và Luật*".

Một vấn đề rất thiết thân với con người lại bị chính con người đem ra chế tác, nguy tạo, phi báng! Chẳng trách gì ở một chuồng thú trong thảo cầm viên tại thủ đô Lusaka, nước Zambia, có treo tấm biển ghi: "Con vật nguy hiểm nhất thế giới". Nhìn vào chuồng chẳng thấy gì hết ngoài hình ảnh của chính người đứng xem trong chiếc gương treo ngang mặt người.

Liệu thế giới có những giá trị chung về nhân quyền không? Liệu Việt Nam có nhất quyết phải bảo đảm những giá trị chung đó không? [...]

1. Những ý niệm về Nhân quyền

Ngày 4-7-1776, Thomas Jefferson đã mở đầu bản "Tuyên ngôn Độc lập" của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ bằng sự khẳng định: "*Chúng tôi coi những chân lý sau đây là hiển nhiên, rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy Quyền được sống, Quyền tự do và Quyền mưu cầu hạnh phúc*". Có lẽ đây là lần đầu tiên quyền con người được chính thức công bố trên văn bản.

Bản tuyên ngôn khẳng định quyền con người là hiển nhiên, vốn có, là không thể xâm phạm. Nó xuất hiện và tồn tại cùng xã hội loài người; không phải vũ đoán hoặc do ý chí áp đặt mà do "tạo hóa" sinh ra. Các triết gia thời cổ đại từng cho rằng các quyền tự nhiên là tài sản của tất cả mọi người. [...]

Chủ nghĩa nhân bản xuất phát từ nhân tính, coi tự do bình đẳng, bác ái là thuộc tính con người. Lấy con người làm điểm xuất phát và cũng là đích cuối cùng, là giá trị cao nhất của mọi giá trị, nhân quyền được xếp cao hơn chủ quyền, nhân quyền không có biên giới quốc gia.

Tuy nhiên chủ nghĩa Mác không thừa nhận con người trừu tượng, con người khái quát nên cũng không thừa nhận khái niệm nhân quyền trên. Mác từng nói: "*Con người quyết không phải là cái trừu tượng bám đạu ngoài thế giới. Con người chính là thế giới của con người, chính là quốc gia, xã hội*".

Những người xuất phát từ chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ xem nhân quyền là quyền lợi của con người với tư cách là thành viên xã hội, do đó, nhân quyền mà

họ được hưởng dù nói về tính chất, nội dung, hình thức cùng những bảo đảm về tư pháp đều do chế độ xã hội quyết định. [...]

Những lý luận kiểu ấy dễ dàng trở thành nền tảng, thiết lập nên "cái nhân quyền" của giai cấp công nhân phải khác, và tất nhiên là hơn nhân quyền của giai cấp nông dân, của tầng lớp trí thức. "Cái nhân quyền" của những người cộng sản phải là một đặc quyền. "Cái nhân quyền" của Pol Pot cho phép ông ta tàn sát hàng triệu đồng bào mình! "Cái nhân quyền" của Stalin trao sứ mệnh cho người ấy đày đọa, giết hại hàng vạn đồng chí mình! Thật là kinh khủng!!! [...]

Tiếc rằng trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của mình, ở các nước XHCN đã tồn tại phổ biến tinh thần phủ nhận khái niệm quyền con người. Khi cực chẳng đã phải ngồi bàn thảo về một nhu cầu hết sức thiêng liêng và toàn diện này thì người ta lại thường nhấn mạnh sự ưu tiên của các quyền kinh tế - xã hội so với các quyền chính trị và tự do cá nhân. Họ xem các quyền chính trị và tự do cá nhân chỉ là những xa xỉ phẩm chưa cần thiết hoặc không cần thiết đối với quảng đại quần chúng. Ngay giữa Hội nghị nhân quyền Vienna 1993, thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Lưu Hoa Thu vẫn còn dõng dạc: "*Đối với bất kỳ một nước đang phát triển nào, vấn đề phát triển kinh tế là quyền con người quan trọng nhất*".

Phải chăng người ta muốn đìm đầu người vào cái máng ăn để quên hết mọi thứ khác? Thế rồi cứ vậy, nay họ cho thêm ít khô lạc, mai chút bột cá là phải tung hô Đảng muôn năm và đời đời nhớ ơn lãnh tụ!

Dẫu vậy việc đề cao quyền kinh tế xã hội chỉ càng làm cho họ càng thêm "hồ sừn" cả về lý luận lẫn trong thực tế. Xét về mặt đời sống kinh tế thì các nước XHCN nói chung và Trung Quốc nói riêng đều đã giải quyết rất kém so với các nước Phương Tây.

Còn Việt Nam. Vì sao cho đến bây giờ chúng ta vẫn còn là một trong hai mươi nước nghèo nhất thế giới? Cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay đã làm được gì? Vì sao chúng ta không tập trung sách lược, chiến lược vào để giải quyết "vấn đề phát triển kinh tế là quyền con người quan trọng nhất" như quý vị nêu trên? [...]

2. Thế giới cần thống nhất hành động vì nhân quyền

Vào cuối thiên niên kỷ thứ hai này, thế giới, tự giác và không tự giác, đang xích

lại gần nhau bằng tốc độ ánh sáng so với tốc độ máy hơi nước của những năm ra đời bản Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền 1789. Người ta không chỉ tự giác đập tan bức tường Berlin - một trong những vết nhơ chia rẽ trắng trợn nhất của nhân loại - mà, với sự xuất hiện của mạng Internet, ai đó đều rất khó ngăn chặn một thông điệp ngay tức khắc được truyền đi khắp địa cầu.

Thế giới đang trở nên đậm ấm biết bao khi những kẻ yêu nhau xa nhau vẫn có thể thường xuyên không chỉ nghe được tiếng nói của nhau qua điện thoại mà còn có thể trực tiếp nhìn thấy nhau trên màn hình của máy điện toán cá nhân. Nhưng, thế giới lại cũng đang cùng có những mối lo chung về lỗ thủng của tầng ozon, về sự lan truyền của căn bệnh thế kỷ AIDS, về tổ chức khủng bố xuyên quốc gia, v.v...

Trước thực tế của những yếu tố toàn cầu đó, loài người đang ngày càng ý thức rõ hơn về một chính thể thống nhất, trong đó mỗi cá nhân không thể chỉ suy nghĩ về mình, mỗi quốc gia không còn chỉ có thể tự bảo vệ mình mà tất cả cùng phải đặt mình vào cộng đồng chung toàn thế giới. Từ đây, những lợi ích và giá trị chung toàn nhân loại không những đang trở thành hiện thực không thể chối bỏ mà còn có ý nghĩa ưu tiên hàng đầu so với những cái khác.

Sự xuất hiện của những vấn đề toàn cầu động chạm đến lợi ích của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Sở dĩ như vậy là vì các quyền của con người bản thân nó toàn cầu. Mặt khác, mỗi vấn đề toàn cầu hoặc có hình thức là một quyền xác định của con người hoặc trở thành đối tượng tác động của chính nó. Các quyền của con người và của các dân tộc đan kết hữu cơ với những vấn đề toàn cầu và những vấn đề toàn cầu cũng làm nảy sinh sự ra đời và vận hành các thiết chế và quy phạm chung tạo điều kiện hình thành các lực lượng chung cùng tham gia giải quyết những vấn đề nhân quyền, hướng tới trào lưu tiến hóa của nền văn minh nhân loại. Nhân quyền cũng đa dạng, cũng phức tạp và bản thân cũng chứa đầy mâu thuẫn như thế giới nhưng lại cũng phải được quan niệm thống nhất như chính bản thân thế giới không thể chia cắt, không thể tách rời.

Phấn đấu thiết chế cho được những ý niệm chung về nhân quyền và nỗ lực xúc tiến những biện pháp hữu hiệu nhất để hiện thực hóa việc thực thi và bảo vệ các giá trị chung toàn nhân loại đó phải là nghĩa vụ thiêng liêng xây dựng một thế giới công bằng, nhân ái, bảo đảm sự phát

triển ổn định và bền vững cho mỗi quốc gia và cho cả cộng đồng quốc tế. [...]

Do phải bảo vệ quyền lợi riêng cho những tập đoàn nhất định, do cần chống đỡ để duy trì quyền cai trị của những chính phủ độc tài, chuyên chế, nhiều nhà chính trị đang ra sức xuyên tạc vấn đề nhân quyền. Lúc thì họ thổi phồng sự tách biệt giữa các quyền dân sự - chính trị với các quyền kinh tế - xã hội, lúc thì họ tô mạt tính đặc thù của nhân quyền Phương Đông đối lập với nhân quyền Phương Tây, lúc thì họ rêu rao về nguy cơ uy hiếp chủ quyền của nhân quyền.

Cần trích dẫn để lưu ý ở đây một số điều đã được ghi nhận trong các văn bản quốc tế về nhân quyền:

- "Nhắc lại tính độc lập và không thể chia cắt được của các quyền kinh tế - xã hội - văn hóa - dân sự và chính trị, và sự coi trọng ngang nhau tất cả các thể loại quyền con người". (Điều 10 của Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Nhân quyền Châu Á, tháng 4-1993).

- "Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ cập, không thể chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau. Cộng đồng quốc tế phải xử lý các quyền con người theo phạm vi toàn cầu một cách công bằng và bình đẳng và được coi trọng như nhau. Trong khi phải luôn ghi nhớ ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc và khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, các quốc gia không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa có nghĩa vụ đề cao và bảo vệ tất cả các quyền con người và các quyền tự do cơ bản". (Điều 5, Tuyên ngôn Vienna và Chương trình hành động, tháng 6-1993).

- "Bất cứ hành động chống lại luật quốc tế nào của quốc gia cũng dẫn tới trách nhiệm quốc tế của quốc gia đó" (trích Điều mục 1 của Dự án các điều mục về trách nhiệm của các quốc gia về những vi phạm luật quốc tế).

- "Dân chủ, phát triển và tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản phụ thuộc lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Dân chủ phải được xây dựng trên nền tảng ý chí bày tỏ tự do của nhân dân về sự lựa chọn hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của mình và sự tham gia đầy đủ của họ vào mọi lĩnh vực đời sống. Theo cách đề cập như trên, việc đề cao và bảo vệ các quyền con người và quyền tự do cơ bản trên bình diện quốc gia và quốc tế cần mang tính phổ cập và được thực hiện vô điều kiện. Cộng đồng quốc tế cần ủng hộ việc tăng cường và đề cao dân chủ, phát triển và tôn trọng các quyền con

người và các quyền tự do cơ bản, trên toàn thế giới". (Điều 8, Tuyên ngôn Vienna và Chương trình hành động của Hội nghị thế giới về nhân quyền ngày 25-6-1993). [...]

3. Quyền con người ở Việt Nam

Những điều khoản quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam không ngừng được tăng lên, về số lượng, qua các bản Hiến pháp. Hiến pháp 1946 có 18 điều. Hiến pháp 1959 có 21 điều. Hiến pháp 1980 có 29 điều. Hiến pháp 1992 có 34 điều, tăng gần gấp đôi số điều trong Hiến pháp 1946. Tuy nhiên, như đã nói ở phần mở đầu bài này, quyền con người ở Việt Nam, theo quy định tại Điều 50 Hiến pháp 1992, được "khoán gọn" vào quyền công dân.

Trước hết phải thấy rằng quyền con người và quyền công dân không hề đồng nhất cả ở phương diện chủ thể lẫn nội dung. Quyền con người có thể không loại trừ khái niệm quyền công dân nhưng khái niệm quyền công dân không thể chứa đựng hết khái niệm quyền con người. Và chẳng với sự phát triển của các giá trị nhân đạo mới, trong điều kiện toàn cầu hóa của thế giới hiện đại, con người không chỉ tồn tại với tính cách là một thành viên công dân của một quốc gia mà còn là thành viên "công dân" của cộng đồng thế giới.

Quyền con người, hay chỉ là quyền công dân thôi, cũng phải được bảo vệ bằng một chế độ pháp luật. Ngay từ thế kỷ thứ 6 trước công nguyên, nhà thông thái Solon đã quan niệm: Ta giải phóng tất cả mọi người bằng pháp luật. Heraclit cũng cổ võ: Nhân dân phải đấu tranh bảo vệ luật như bảo vệ chốn nương thân mình. Thế kỷ 17-18, cách mạng tư sản đã từng đề cao những nguyên tắc của luật pháp: Đối với công dân, được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, còn đối với viên chức nhà nước thì chỉ được làm những điều mà pháp luật cho phép. [...]

Suốt mấy thập kỷ cuồng bạo, khi cần kích thích mọi người cùng say máu chiến thắng người ta đã tung hô lên những khẩu lệnh cực kỳ phi nhân tính: "Yêu xe như con, quý xăng như máu!", "Súng là vợ, đạn là con!", "Cuộc đời đẹp nhất là ở nơi trận tuyến", v.v...

Trời ơi! Máu người sao có thể ví với xăng?! Vợ, con sao lại chỉ được coi như chiếc xe vận tải, như súng, như đạn?! Dù có giỏi biện lý đến đâu, nếu thực sự bình tâm lắng lại suy tư với con người chân chính, người ta không thể nào không bàng hoàng và lợm giọng.

Cứ cái đà ấy mà xóc tới thì ai đứng ra thuyết giảng về nhân quyền đều dút khoát bị tước bỏ quyền sống.

Có cái đà ấy người ta mới dễ dàng phát động quần chúng đốt sách đi, treo ngược thầy giáo lên cột đình để "đấu tranh chính trị". Và, vợ mới hùng hổ dậm chân giữa bà con thôn xã mà đầu tổ chòng; con mới đứng lên lảng nhục và đốt râu cha trong cái cách ruộng đất.

Có cái đà ấy thì khi cần hô hào "chống xét lại" người ta mới sẵn sàng hùn nhau triệt hạ, dọa dẫm hàng trăm, hàng nghìn người, kể cả những người cùng đứng tuyến thệ dưới ngọn cờ búa liềm. Kể cả những người đã từng cùng nằm gai nếm mật, vào sinh ra tử và đang được phân công giữ trọng trách trong ban chấp hành trung ương, trong cương vị Bộ, Thủ trưởng như: Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm, Vũ Đình Huỳnh...

Chợt nhớ tới ngày nào, khi cần lên án thực dân, đế quốc, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc từng đóng cọc tố cáo trước thế giới: "Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết mà không cần xét xử". Mĩa mai thay, chỉ sau đó không bao lâu người ta lại thực hiện đúng cái điều này: "Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng không xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết mà không cần xét xử"!

Những khẩu lệnh phi nhân tính ấy, những chủ trương không ngần ngại bỏ qua pháp luật để chà đạp lên nhân quyền như vậy còn di họa cho đến ngày nay khi chỉ vì những xung đột nhỏ, những mâu thuẫn quyền lợi rất không đáng kể, người ta vẫn đang tâm cầm dao róc xương bạn bè, xé thịt vợ; bầm nát mặt cha đẻ, v.v...

Không phải vô cớ mà Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp 1789 đã phải cảnh báo: "Sự không hiểu biết, sự lảng quên hay sự coi thường quyền con người là những nguyên nhân duy nhất của những nỗi bất hạnh công cộng của tệt hủ bại của các chính phủ. [...]

Mấy năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã chú tâm và có thành tích khá là đã xây dựng gấp gáp được một số bộ luật, trong đó có những bộ luật quan trọng liên quan đến nhân quyền. Tuy nhiên, soạn thảo các bộ luật là điều cần thiết nhưng giáo dục và phổ biến luật pháp cũng là yêu cầu không thể không thực hiện đối với toàn xã hội. Thực thi pháp luật càng có ý nghĩa quan trọng hơn.

Thật là tội tệt khi thực tế cho thấy rằng trước khi thi hành luật tố tụng hình sự, ở

nước ta, trong số những người bị bắt giam chỉ có chừng 30% được đưa ra xét xử. Bảy mươi phần trăm còn lại phần đông là bị bắt oan. Lúc đó, tỷ lệ số người bị bắt khẩn cấp một cách vô tội và chiếm tới 90%. Sau khi thi hành luật tố tụng hình sự, số người bị bắt khẩn cấp năm 1989 giảm xuống được khoảng 22% nhưng cho đến nay, riêng năm 1996 vẫn còn tới trên dưới 500 người bị bắt oan.

Nhà nước pháp quyền là "nhà nước phục tùng pháp luật", hay có thể nói, nhà nước pháp quyền là nhà nước ban hành pháp luật, tuân thủ pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật. Nhưng, biết đến bao giờ nhân dân Việt Nam mới được sống trong tinh thần công lý của nhà nước pháp quyền khi mà ngay cả các cơ quan công quyền cũng chưa hiểu hết hoặc cố tình không làm theo pháp luật; khi mà vẫn tồn tại những phiên tòa lập lờ, công khai trá hình, có xử mà không có xét như các phiên tòa xử Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang!

Không cần để tâm làm gì đến những quyền đã được ghi trong Điều 17 của Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền 1948: "Mỗi người sống riêng một mình, hay trong tập thể, có quyền sở hữu tài sản. Không ai phải bị tước đoạt sở hữu của mình một cách tùy tiện", những năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa chúng ta đã không những chỉ thẳng tay truy quét tư sản mà còn hăng hái quyết tâm tiêu diệt "công thương nghiệp tư bản tư doanh". Trong các hội nghị Trung ương đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 15-16, chúng ta đã từng chăm chú nghe báo cáo một cách hoan hỉ: "Nền kinh tế miền Bắc từ chỗ có nhiều thành phần, về cơ bản, đã trở thành một nền kinh tế thuần nhất với hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể"!

May sao, mãi đến gần đây chúng ta mới kịp sửa sai và đã chịu ghi vào Hiến pháp: "Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường... Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân..." (Điều 15). [...]

Dẫu sao cũng phải thấy rằng sau những năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta đã giải quyết khá thành công nhiều yêu cầu của các quyền kinh tế cho nhân dân trong khi các quyền thuộc lĩnh vực dân sự - chính trị vẫn còn rất nhiều bức bối. Cần gấp rút sửa đổi một cách nghiêm túc Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Tổ chức

quốc hội theo hướng hiện đại và dân chủ thật. Xóa bỏ tình trạng "Đảng cử, dân bầu" và những thủ đoạn sắp xếp nhân sự để gài bẫy hoặc dồn ép lá phiếu của nhân dân. Thực sự tôn trọng và bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội cho nhân dân. Dừng lảo xược quy kết trình độ dân trí thấp cho một dân tộc đã được những dân tộc có dân trí hàng đầu trên thế giới nể trọng khi cần nguy biến quanh co để hạn chế các quyền tự do chính trị.

Mục tiêu tối thượng của cách mạng phải là nhân quyền chứ không phải chỉ là cái mẫu chủ quyền quốc gia mỏng manh. Dừng huyền hoặc, dương dương tự đắc để nhắm nháp mãi với những chiến công năm xưa. Những nhu cầu muôn thuở và hiện đại của nhân quyền đòi hỏi mỗi đảng, mỗi chính phủ, mỗi cá nhân đều phải vươn tới, cải tạo, thậm chí lột xác nếu còn muốn xứng đáng ở vị trí lãnh đạo. [...] Việt Nam đã từng đồng đặc mở đầu "Tuyên ngôn Độc lập" của mình bằng những chân lý phổ quát của nhân quyền. Việt Nam là

thành viên của Liên hiệp quốc. Việt Nam đã ký kết tham gia hoặc phê chuẩn nhiều công ước liên quan đến nhân quyền như: Công ước về các Quyền Chính trị và Dân sự, Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, Công ước quốc tế về loại trừ và trừng phạt tội ác Apartheid. Việt Nam đã tuyên bố: "Các nguyên tắc cơ bản trong các văn kiện quốc tế đó là những giá trị chung của nhân loại mà chúng ta cần bảo vệ".

Việt Nam đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Việt Nam có thể sẽ Hòa Rộng nhưng, trước hết và quan trọng hơn, Việt Nam nhất định phải phấn đấu vì những giá trị chung thiêng liêng đó. Bởi vì, đấy chính là khát vọng ngàn đời của nhân loại, của nhân dân Việt Nam.

Nguyễn Thanh Giang (Hà Nội)

Đêm Văn Nghệ và Dạ Vũ Mùa Xuân

Thứ bảy 03-05-1997, từ 19 giờ 30 đến sáng

Salle des Fêtes de Massy

Espace Liberté: 1, avenue du Général de Gaulle, 91 300 Massy

Mỗi năm, đến đầu tháng 5, khi đất trời vào giữa mùa xuân và khi nắng ấm đã đẩy lùi hẳn giá lạnh, những người yêu văn nghệ và dạ vũ vùng Paris lại có dịp gặp nhau trong Đêm Văn Nghệ và Dạ Vũ Mùa Xuân.

Từ năm năm nay, giọng ca cao vút ngọt ngào của cặp Bạch Thảo-Kim Tuấn, giọng hát dễ thương, dĩ dỏm của Kim Chính, giọng hát truyền cảm của Phương Thủy cùng giọng ca nam hùng hồn của Quang Minh hay đậm ấm của Phan Huy... đã để lại nhiều kỷ niệm trong lòng khán giả. Cũng như những điệu múa duyên dáng, tươi đẹp của Huỳnh Mai, Nguyệt Ánh hay công phu và giá trị của Ban hợp xướng Ngân Thông qua những tác phẩm "đề đời" của các nhạc sĩ nổi tiếng Phạm Duy, Lê Thương, Phạm Đình Chương... Có thể nói, với Đêm Văn Nghệ và Dạ Vũ Mùa Xuân, văn nghệ và văn hóa không hện mà đã gặp nhau.

Có gì mới trong Đêm Văn Nghệ và Dạ Vũ Mùa Xuân năm nay? Nhiều lắm chứ.

Khán giả thích cải lương, đặc biệt năm

nay sẽ có dịp gặp đôi uyên ương Kiều Lệ Mai và Minh Đức, từng nổi tiếng trong đoàn cải lương Trần Hữu Trang.

Khán giả thích giọng cười châm biếm dân gian của nghệ thuật hát chèo sẽ gặp lại Kim Chính trong vở Thủ hải để cười đến...bể bụng. Hơn thế nữa, vở kịch này sẽ được dàn dựng công phu với các màn múa hát vui đẹp trong áo quần lộng lẫy.

Di nhiên là khán giả sẽ gặp lại Bạch Thảo, Kim Tuấn, Quang Minh, Huỳnh Mai, Nguyệt Ánh... những tài năng không thể thiếu được trong Đêm Văn Nghệ.

Sân khấu năm nay còn có thêm nét trẻ trung hơn nữa với những đội múa, tốp ca trẻ nhằm gây một ngạc nhiên đầy thú vị cho khán giả. Thế hệ trước chưa già đi nhưng thế hệ tiếp nối đã có mặt.

Phần khiếu vũ vẫn sẽ do ban nhạc The Times đảm nhận với tiếng hát quyến rũ của Lệ Thu và nhiều ca sĩ tài năng khác.

Đêm Văn Nghệ và Dạ Vũ Mùa Xuân còn là dịp để bạn bè gặp lại nhau, quen biết nhau bên quầy hàng với những món ăn quê hương đậm đà.

Vé mua trước: 100 FF (sinh viên: 80 FF)

Vé bán tại chỗ: 120 FF (sinh viên: 100 FF)

Liên lạc: 01 60 17 68 00

Lương tri - một sức mạnh vô địch

Bùi Minh Quốc

LTS: Bài Lương Tri - một sức mạnh vô địch dài trên 8.000 chữ. Khó khăn hạn hẹp của tờ báo không cho phép chúng tôi đăng hết bài viết sắc bén và có giá trị văn học cao này. Chúng tôi xin trích đăng sau đây những đoạn chính liên quan đến đòi hỏi dân chủ và tự do ngôn luận.

Tôi vừa nhận được tin, hôm 10-11-1996 mới rồi, ba anh đã vào thăm anh Hà Sĩ Phu đang ngồi tù, tiếp luôn lại nhận được bài "Về việc ông Hà Sĩ Phu bị bắt" của anh Hoàng Tiến. Tôi đọc ngay một mạch. Khó nói hết niềm xúc động của tôi. Giữa đêm đông Đà Lạt giá lạnh mà cảm thấy như được tiếp thêm lửa ấm, những muốn kêu to lên cùng các đồng nghiệp trong cả nước: Đây là cái mà người trí thức Việt Nam chúng ta bây giờ cần làm ngay! Đây là cái mà đồng bào chúng ta cần làm ngay! [...]

Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang, Lê Hồng Hà - ba nhà lý luận sắc sảo và khẳng khái đã dám đem chủ nghĩa Mác-Lê Nin ra xem xét đến tận gốc, bị đưa ra tòa xét xử với ý đồ hiển nhiên là nhắm đàn áp tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Sự vụng về đến hài hước của phía bắt người, buộc tội, xét xử đã phơi bày rõ rệt tính kịch hề của một thế lực đã cáo chung về mặt lịch sử mà vẫn cố kéo dài sự tồn tại. Sau phiên tòa xử các ông Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, phiên tòa xử (không có xét) các ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang lại cung cấp thêm một bằng chứng cho sự thất bại của bạo quyền trước sức mạnh của lương tri... Mặc dù bị bưng bít tối đa, cái sự thật hùng hồn này cứ lan tỏa và ngày càng ngấm sâu vào giới trí thức và nhân dân ta. [...]

Có một lúc nào đó tưởng như lương tri yên ngủ trước sự hoành hành ngấm ngấm, và vênh váo của bạo quyền cùng đối trá - cặp song sinh. Hồi trẻ, tôi rất thích mấy câu thơ này của nhà thơ Nguyễn Đình Thi (nay là ông quan to nhất trong giới văn nghệ):

*Em bảo anh bóng tối không đáng sợ
Nó có nhiều nanh vuốt và mặt nạ
Nhưng mắt nó mù không thể nhìn xa
Những kẻ ác trong lòng chúng sợ ta*

Ấy thế mà rồi vẫn cứ có vô khối người vẫn cam tâm cầm bút traunanh chuốt vuốt tô vẽ mặt nạ cho nó đấy, tuy họ biết thừa đâu là sáng đâu là tối, đâu là thật đâu là

giả. Y như cái anh nọ trong bài thơ "Bánh vẽ" của nhà thơ Chế Lan Viên viết lúc cuối cuộc đời:

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ

Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn

Cầm lên nhắm nháp

Chả là nếu anh từ chối

Chúng sẽ bảo anh phá rối

Đem vui

Bảo anh không còn có khả năng nhai

Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...

Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?

Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn

Như không có gì xảy ra hết

Thời ơi, bao nhiêu năm trường kỳ diễn ra cái cảnh thế thảm ấy, nếu bậc đàn anh không kịp tiết lộ trước lúc nhắm mắt xuôi tay thì kẻ hậu sinh này còn lâu mới nhận ra.

"Như không có gì xảy ra hết" !- như không hề có cái trò hề bánh vẽ, như không hề có việc đày đọa hàng trăm văn nghệ sĩ trí thức trong vụ "Nhân văn - Giai phẩm" hàng trăm cán bộ trung cao cấp của Đảng và Nhà nước trong vụ "Xét lại chống đảng" v.v... [...]

Ở đại hội lần thứ tư Hội Nhà Văn VN, tràng vỗ tay dài nhất là dành cho nhà văn Trần Độ, tuy ông vắng mặt. Ông lúc ấy là Trưởng ban Văn hóa Văn nghệ Trung Ương vừa bị mất chỗ vì một ngọn đòn rất ngọt về tổ chức: sáp nhập Ban Văn hóa Văn nghệ trung ương với ban Tuyên Huấn trung ương thành Ban Văn Hóa Tư tưởng trung ương. Ông có lẽ là một trong số rất hiếm cán bộ Đảng được đồng đảng anh chị em nhà văn nhìn nhận không phải như nhìn các cán bộ tuyên huấn và an ninh văn hóa, các vị "gác cổng tư tưởng" luôn soi mói công việc của họ. Là người được giao phải cầm cái đầu mối sợi dây cỏi trói văn nghệ sĩ, ông lại thực sự day dứt về sợi dây trói đó, và cố gắng trong quyền hạn của mình tìm cách gỡ mối. Nghị quyết 05 được Bộ Chính trị thông qua là do ông dày

công chuẩn bị làm bật ra lời tuyên bố "cởi trói" từ miệng tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, đã đem lại một không khí mới hò hời chưa từng có cho giới văn nghệ. Nội cái tên nghị quyết đã thấy đặt vấn đề rất trúng và rất ... hóm: "Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo..." Nhưng những vị cán bộ Đảng quen thói kiêu ngạo tự cho mình là cha thiên hạ, cái gì cũng muốn xía vào lãnh đạo, chỉ đạo dù hiểu biết rất lơ mơ, thì lại rất ăm ắp trong bụng mấy chữ "nâng cao trình độ" ấy. Ấy thế, tại đại hội 4, sau khi giáo sư Nguyễn Văn Hạnh, phó ban văn hóa tư tưởng trung ương đọc hết bài phát biểu của ông Trần Độ, cả hội trường vỗ tay ran hồi lâu, rất lâu. Trước tràng vỗ tay ấy, giáo sư Nguyễn Văn Hạnh đã nói một câu xúng đáng được ghi đậm nét vào lịch sử các đại hội của Hội ta. Ông nói: "tôi thấy đại hội chúng ta cho tới hôm nay đã biểu hiện sự thức tỉnh lương tri của một bộ phận dân tộc". Cả hội trường lại vỗ tay dài hơn nữa.

Tưởng cũng nên nhắc lại một câu khác cần phải ghi đậm nét trong lịch sử các đại hội của văn giới nước nhà, tác giả là nhà văn Nguyễn Đình Thi, ông đã sung sướng bật lên khi được tái nhậm chức tổng thư ký tại đại hội lần thứ ba, 1983: các nhà văn chúng ta là những hạt bụi, nhưng là những hạt bụi lấp lánh ánh sáng của Đảng.

Các anh ạ, tôi nghĩ, chúng mình đừng là nhỏ nhoi như những hạt bụi thật, nhưng của đáng tội, đó là những hạt bụi có lương tri. [...]

Hà Sĩ Phu trong "Chia tay ý thức hệ" gọi hệ thống cai trị hiện nay là "triều đại phong kiến" và là "triều đại phong kiến cuối cùng". Nhưng trước anh, từ 1988, một cụ cách mạng lão thành Nam Bộ đã gọi là "Phong kiến trá hình" (ý kiến của cụ đăng trên tờ "Truyền thống kháng chiến"- cơ quan ngôn luận của Câu Lạc Bộ Những Người Kháng chiến cũ TP HCM). Nhà sử học cộng sản Đào Phan nghiên cứu sâu vào kho văn kiện Đảng đã phát hiện một sự kiện mà bấy lâu hầu hết các đảng viên trong Đảng kể cả đảng viên trung cao cấp không hề hay biết: cụ Hồ bị Trần Phú "đảo chánh" năm 1930. Ngày 3-2-1930 lập đảng, thông qua "Chính cương và Điều lệ vắn tắt" do cụ Hồ soạn thảo, lập ra ban chấp hành trung ương đầu tiên. Tháng 10-1930, Trần Phú bỏ "chính cương và điều lệ vắn tắt" của cụ Hồ, thay thế bằng "Luận cương chính trị" do mình soạn, thay thế gần 2/3 thành viên Ban Chấp hành Trung Ương đầu tiên. Cụ Hồ mấy năm ấy chỉ làm công việc như một "hộp thư" (theo lời Cụ phàn nàn trong thư

gửi Trung Ương).

Thế là, sự tùy tiện về tổ chức đã xuất hiện ngay từ khi Đảng còn trong trứng nước.

Thế là, trong một cái đảng không ngày nào không nghe thét lác đứ đẩn và tụng niệm thành kính về nguyên tắc, thì sự tùy tiện về nguyên tắc, sự bất chấp luật pháp lại bắt đầu từ chính cái anh nắm tổ chức. Thì cứ xem Lê Đức Thọ đấy !

Vì đâu, vì đâu lại có chuyện ngược ngao đến vậy kéo dài suốt mấy chục năm ròng ? Còn những gì nữa đây trong lịch sử Đảng bị bưng bít !

Cuộc đổi mới tư duy hóa ra không dễ chịu, hoàn toàn không dễ chút nào để chịu. Một hành trình gian nan gấp bội thuở tìm đường. Phải tư duy lại từ gốc. Từ chủ nghĩa. Từ Đảng và lãnh tụ. Từ dân tộc. Toàn những thứ bấy lâu chỉ được phép đặt lên bàn thờ mà khấn vái, xưng tụng.

Liệu có thể từ bỏ những tín niệm sai lầm đã thấm căn cốt để tự trong máu trong xương? Liệu có dám can đảm dứt da dứt thịt mình ra mà nghĩ? Vặt vãi. Đón đau. Đắng cay. Chua xót. Ngó ý như đã lia mà tơ lòng còn biết bao vương vấn. Nhưng làm sao khác được, trước cái nhu cầu tự thân của một cuộc lột xác tinh thần không cưỡng nổi ?

Những đêm dài mất ngủ của tuổi bảy tám mươi, ngó trời cao, ngó đất dày, ngó cả cõi hư vô mình sắp phải bước vào mà cúi đầu suy ngẫm. Còn có gì phải kiêng kị trong suy ngẫm, ở cái tuổi này? Lật lên, lật xuống, lật qua lật lại, mặt phải, mặt trái. Chủ nghĩa mà mình nguyện tôn thờ suốt đời, trúng chỗ nào, trật chỗ nào, hay là trật ráo trội? Đảng mà ta hiến dâng cả đời để gây dựng vun đắp, nếu gọi sự vật cho đúng tên, nó là Đảng gì? Đảng của công nhân hay thực ra là của nông dân? Xưng danh là đảng theo chủ nghĩa Mác-Lê Nin nhưng trong đảng được mấy nông gọi là "nắm vững" chủ nghĩa Mác-Lênin? Cái thắng bí thư thành ủy bây giờ, vốn là chiến sĩ cảnh vệ kiêm cần vụ cho mình, khi kết nạp còn hô "xin thề trước Bác Hồ, trước ba ông Tây". Liệu nó biết gì về chủ nghĩa Mác-Lênin? Đảng có công lớn với dân tộc, nhưng có tội không? Công đến đâu, tội đến đâu? Và dân tộc. Dân tộc mình có nhiều đức tính ưu việt thật đấy, nhưng có chỗ nào khốn nạn không? Có gì đó bất ổn chẳng trong bản tính dân tộc đã là nguyên nhân dẫn đến đại bi kịch này? Chủ nghĩa Xtalin, chủ nghĩa Mao nó đã thâm nhiễm vào cái đảng này như thế nào và gây tai họa cho dân tộc này như thế nào? Mấy cha khoa học xã hội bấy lâu ăn

cơm của dân, nhận tiền làm đủ thứ đề tài khoa học cấp nhà nước XYZ gì đó mà sao vẫn làm lơ trước các chuyện hệ trọng này? Cuộc cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức làmm chết oan bao mạng người, tan nát bao gia đình với tính vô luân chưa từng có trong lịch sử dân tộc đã đưa một bọn tổ điều (tổ cả cha mẹ chúng) thành cán bộ nòng cốt leo lên mãi, lên mãi, sao vẫn chưa có một công trình khoa học nào động đến? Đường lối giai cấp trong công tác cán bộ là cái gì? Tại sao Đảng tự nhận là hiện thân của trí tuệ mà đối xử tệ mạt với trí thức có hệ thống như vậy? Tại sao trong Đảng không thiếu gì người tài đức mà những thằng dốt vừa bẽ bối lại cứ luôn leo lên đầu người ta mà lãnh đạo? v.v... [...]

Thư đã dài, nhưng còn nhiều điều muốn nói. Xin hiến các anh một phút thư giãn bằng bài thơ vui của Hà Sỹ Phu viết cách đây hơn 6 năm:

Vợ chồng võ sĩ ngong

*Võ sĩ ngong, một lần vô địch
Một lần thôi, mà thích cả đời!
Huy chương vàng chói treo chơi
Hễ ai thách đấu anh thời mắng ngay:
- "Đời đã có ta đây chúa tể
Còn bày trò đấu để nằm chi ?
Đấu tranh lao có hay gì
Để ta tự nguyện, ta thì khỏe ra!
Nàng vô nghệ tôn ta nằm chủ
Phải diệt ngay những nữ gian tham!
Thấy ghế vô địch thì ham
Bày trò thi đấu, cốt nằm hại ta"
Biết anh vậy chẳng ma nào đấu
Anh tự rên đến... nhào bấp cớ
Chân run, mắt cũng lờ mờ
Một ngày mấy lượt, tay sờ... huy chương!
Vợ thấy thế rất thương, bèn bảo:
- "Mình ơi mình, danh hào làm chi!
Xuống đây, đấu với em đi!
Vô không thượng... vô ngồi chi thượng tầng?"
Nghe nòi, nòng cũng nâng nòng...(!)*

(Hà Sỹ Phu, 5-1990)

Nhìn vào đâu cũng gặp những biểu hiện ngồn ngộn của tính kịch hề mà cụ Mác đã tổng kết, tưởng đâu chỉ đúng với các thế lực quá "đát" bên Châu Âu. Ai ngờ... Dân ta bây giờ hàng ngày vừa làm khán giả (bất đắc dĩ) của một đại hài kịch, vừa là nạn nhân của một bi đại kịch mà chính cụ Mác báo động từ trăm năm trước: "Sự ngu dốt, đó là sức mạnh của quỷ sứ, và chúng tôi sợ rằng nó sẽ là nguyên nhân của nhiều bi kịch". Thực ra bản thân sự ngu dốt nào có tội tình gì. Nó chỉ là cái hình cảnh thương tâm của cái bộ phận nhân loại bị áp bức, bị bóc lột. Bi kịch chỉ bắt đầu khi những kẻ ngu dốt được trao

quyền lực - cái quyền lực phải trả giá bằng máu của hàng triệu sinh linh lương thiện mới có. Và sau khi gây ra biết bao thảm họa bằng cái thứ quyền lực không ai kiểm soát, bản thân nó trở thành nhân vật "vi đại" của một tấn kịch hề bởi muốn giữ quyền đến "muôn muôn năm" và kéo dài bi kịch cho muôn dân không biết đến bao giờ.

Theo nhận xét của riêng tôi, vấn đề bao trùm của đất nước ta hiện nay là xã hội bị đặt dưới một guồng máy cai trị không có cơ chế hãm, cấu trúc của bản thân nó càng vận hành càng làm tê liệt mọi khả năng tự kiểm soát, tự điều chỉnh, và không hề có hệ thống kiểm soát từ phía người bị trị.

Có ý kiến nói đó là tình trạng đảng trị. Nói thế chỉ đúng một phần, đúng với cái vỏ bề ngoài, thật oan cho gần hai triệu đảng viên. Đảng có hai triệu đảng viên nhưng hầu hết họ nào có quyền gì ngoài cái quyền thỉnh thoảng đi họp nghe phở biễn chỉ thị cấp trên, có ý kiến, có thắc mắc thì may mắn lắm được ghi lại dứt ngắn kéo. Họ còn mất tự do hơn người dân thường vì bị trói buộc bằng đủ thứ nguyên tắc trong khi cấp trên của họ thì có thể nói trái làm trái nghị quyết mà vẫn ung dung ngồi ghế! Đúng như đánh giá của ông Trần Độ, nguyên trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương Đảng, phó chủ tịch Quốc hội: Đảng không những không còn sức chiến đấu mà không còn cả sức sống..

Quyền lực trong Đảng (từ đó là quyền lực của nhà nước) thâu tóm trong một thiểu số đặc quyền đặc lợi. Ai là đại biểu đi dự đại hội cấp trên, ai vào cấp ủy, vào thường vụ, ai ngồi ở hội đồng, ở Quốc hội, ai giữ bộ nọ, ban kia, đều có sự sắp xếp kín nhiệm của thiểu số ấy.

Thế là đảng chỉ còn cái danh. Thực chất, dưới cái danh xưng chung này đang tồn tại hai đảng: một đảng của thiểu số đặc quyền đặc lợi và những kẻ ăn theo nói leo, một đảng của đa số đảng viên thường không quyền, không tiền. Giữa đảng viên của 2 đảng này làm gì còn chút nào gọi là lý tưởng chung, là tình đồng chí, họ đã trở nên hoàn toàn xa lạ với nhau từ suy nghĩ, lẽ sống đến mức sống, cách sống. Sự giàu sang phê phồn của đảng viên ở phía này dựa trên sự cùng khốn về kinh tế, nhu nhược về chính trị của đảng viên ở phía kia. [...]

Làm thế nào người dân thực hiện được quyền giám sát khi trong tay họ chẳng có lấy được một tờ báo của mình?

Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh vừa hô "cởi trói" được mấy tháng thì sợi dây trói đã lại xiết chặt hơn. Tổng biên tập Nguyễn

Ngọc bị mất chức. Rồi lần lượt những Tô Hòa, Kim Hạnh, Thế Thanh ... Không biết còn tiếp diễn đến bao giờ cái cảnh các tổng biên tập hàng tuần phải ngồi giao ban để nghe đại diện cấp ủy uốn nắn tin này bài nọ.

Không có điều khoản cho ra báo, lập nhà xuất bản tư nhân thì luật báo chí, luật xuất bản vi phạm hiến pháp.

Nhà cách mạng cộng sản lão thành Nguyễn Văn Trấn (tức Bảy Trấn, dân thường gọi là ông già chợ Đệm), người được Đảng giao làm tờ báo tiếng pháp "Le Peuple" (Dân chúng) ra công khai không phải xin phép từ năm 1936 dưới chế độ thuộc địa, vì quá đau xót cho quyền tự do ngôn luận của người dân dưới chế độ "ưu việt" của ta bị tước đoạt (đúng hơn là bị vô nọ), đã không quản cái tuổi 83 già yếu, ngồi viết cả một quyển sách 500 trang với nhan đề tha thiết: "Viết cho mẹ và Quốc hội" chỉ để cuối cùng yêu cầu Quốc hội ra một sắc lệnh cho người dân được ra báo mà không phải xin phép.

Một số đồng đồng chí cũ của tôi trong giới đương quyền thường đưa ra với tôi một lý lẽ mở rộng dân chủ là loạn, là bọn tay sai để quốc chính trị xói thối ở nước ngoài sẽ về nắm quyền, sẽ làm thối chúng ta, mà nó làm thối ông trước đây. Bọn chính trị xói thối thì nơi nào nước nào chẳng có, đứa áo trắng, đứa thể đỏ, nhưng tôi chẳng sợ mình bị làm thối, tôi chỉ buồn cười cho mấy người vừa to miệng hô "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" mà lại coi dân như một lũ mù (thực ra là họ sợ dân được tự do). Bộ 70 triệu dân Việt Nam là một lũ mù hết cả hay sao mà lại cứ nhè bọn tay sai để quốc, bọn chính trị xói thối để bầu cho nó nắm quyền rồi làm thối lại mình?

Những người Cộng sản ở một số nước Đông Âu gần đây lại được nhân dân tín nhiệm, chúng tỏ đa nguyên đa đảng đâu có gì đáng sợ đối với đảng Cộng sản. Đa nguyên đa đảng chỉ đáng sợ với thứ cộng sản độc tài, xói thối, thể đỏ tim đen, còn những người cộng sản chân chính thực lòng vì dân vì nước, thực lòng muốn thực hiện và đủ bản lĩnh để thực hiện hòa giải hòa hợp đại đoàn kết dân tộc thì không những không sợ mà còn sẵn sàng chấp nhận một cuộc thi đua chính trị, sàng lọc chính trị minh bạch qua lá phiếu tự do của người dân. [...]

Sự thể đã rõ ràng là khó lòng trông chờ sự ban phát tự do dân chủ từ phía những người cầm quyền. Dân chủ tự do là món nợ mà những người cầm quyền mất chất cách mạng đã vô nọ nhân dân, là món nợ mà chúng ta, với tư cách là những người

cách mạng đã mắc nợ nhân dân. Từ thuở ném mật nếm gai được nhân dân đem xương máu ra đùm bọc che chở, chúng ta đã hứa hẹn với nhân dân các quyền ấy. Nay không cùng với nhân dân, tiền phong gương mẫu đi trước nhân dân đấu tranh đòi trả nợ ấy cho nhân dân, thì chúng ta mang tội lớn.

Chúng ta thường nói với nhau: trí thức nước mình hèn quá! Một ông nhà văn mà tôi và các anh đều biết, đi đâu gặp ai người ta chưa kịp nói gì đã vội tự nhận mình là thằng hèn. Nhà văn Nguyễn Đức Sơn (Sao Trên Rừng) bình luận về hiện tượng này: cái thằng ấy nó làm thế để tiếp tục được hèn thêm nữa.

Nhưng xem ra, chúng ta đã hèn đến mức không thể hèn hơn.

Một số anh em trong chúng ta mấy năm qua đã tỏ ra không biết sợ. Vì lương tri họ không chết. Tiêu biểu là những Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Dương Thu Hương, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Kiến Giang, Lê Hồng Hà, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Hồ Hiếu, v.v... Và vừa rồi, chính các anh, khi đi thăm Hà Sỹ Phu, các anh đã tỏ ra không biết sợ. Anh Hoàng Tiến đã nói thẳng sẵn sàng chấp nhận sự đàn áp, với lòng thanh thản. Ở Đà Lạt, anh Tiêu Dao Bảo Cự, bạn tôi, cũng một tinh thần ấy.

Có một câu hỏi cứ dày vò tôi mãi.

Vì sao, vì sao một dân tộc bất khuất đến vậy, kiên cường đến vậy trước thế lực ngoại xâm mà lại cứ cúi đầu nín nhịn, cam chịu dưới ách áp bức của một thế lực nội xâm? (Tôi coi guồng máy cai trị độc tài là thế lực nội xâm nguy hại nhất cho nền độc lập, bởi luôn luôn nhớ lời cụ Hồ dạy rằng nước được độc lập mà dân không được hưởng tự do hạnh phúc thì độc lập cũng không nghĩa lý gì).

Cái trở lực bí ẩn nào đã ngăn chặn nguồn sức mạnh của lương tri dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc chuyển hóa thành sức mạnh đấu tranh giành tự do dân chủ?

Tôi không tin dân tộc ta là một dân tộc cam chịu trước thế lực nội xâm.

Phải chăng, sứ mệnh hệ trọng nhất của ngòi bút chúng ta là bằng mọi thể loại, phải góp phần tạo dựng một đời sống tinh thần nhằm giải mã cho được cái ổ khóa bí ẩn kia, đập mở thông cánh cửa cho sự chuyển hóa nguồn sức mạnh của lương tri dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập thành sức mạnh trong cuộc đấu tranh giành tự do dân chủ. Ở đây, một lần nữa, lương tri dân tộc lại hội tụ với lương tri nhân loại.

Vừa viết tác phẩm dài hơi, chúng ta vừa cần lên tiếng về những vấn đề cấp bách, phải không các anh? Cấp bách nhất là vấn đề ra báo tư nhân, xuất bản tư nhân.

Mỗi người chúng ta cần tiếng nói của mình, đã đành. Nhưng thì sao chúng ta không cùng nhau đi tới một tiếng nói chung, cùng nhau ký tên và vận động những ai đồng ý cùng ký tên, dưới một văn bản yêu cầu Quốc hội sớm sửa luật báo chí, luật xuất bản hiện hành, bổ sung điều khoản đảm bảo quyền ra báo tư, lập nhà xuất bản tư không phải xin phép? Tôi cho đây là việc bình thường, có thể và rất cần làm, giống như trước đây chúng ta đã cùng nhau ký tên đòi đi chiến đấu giành độc lập.

Rất mong được trao đổi ý kiến với các anh và với tất cả đồng nghiệp cùng bạn đọc xa gần đã đọc bức thư ngỏ này.

Bùi Minh Quốc
Đà Lạt, 16-11-1996

Nghĩa Hội Đoàn Việt Hoạt (Vietnam Libertés - Fondation Doan Viet Hoat)

* Hội viên tích cực 200 F (hay 40 USD) mỗi năm.

* Hội viên ân nhân 500 F (hay 100 USD) mỗi năm.

Tại các nơi khác, số tiền đóng góp bằng tiền địa phương qui theo hối suất.

- Tại Pháp: Vietnam Libertés, 11 Mail Le Corbusier - 77185 Lognes. Ngân phiếu xin đề Vietnam Libertés.

- Tại Đức: Herr Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104 - 60385 Frankfurt am Main. Ngân phiếu xin đề Nguyen Thanh Luong.

- Tại Hoa Kỳ: Mr Phạm Ngọc Lân, 4777 Mowry Avenue - Fremont CA 94538. Ngân phiếu xin đề Phạm Ngọc Lân.

- Tại Úc: Mr T.S. Duong, P.O.Box 99 - First Floor, 16-20 Greenfield Pde - BANKSTOWN - NSW 2200. Ngân phiếu xin đề T.S. Duong.

THÔNG LUẬN

Địa chỉ liên lạc mới:
THÔNG LUẬN,
124 bis, rue de Flandre
75019 PARIS, FRANCE

Thực tại thời hậu cộng sản ở Đông Âu phủ định "chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại"

Tôn Thất Thiện

Nhóm lãnh tụ hiện tại và những lý thuyết gia của Đảng Cộng Sản Việt Nam không ngớt khẳng định rằng "chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại". Họ lấy lý thuyết này để biện hộ quyết định của họ về "kiên trì" đường lối Mác-Lenin và từ chối những cải tổ căn bản cần thiết cho sự tiến bộ của xứ sở.

Sau ngày sụp đổ và giải thể của các quốc gia cộng sản Liên Xô và Đông Âu, trong những năm đầu của thời hậu cộng sản, tình hình hỗn độn, khó phân biệt thực hư. Do đó những thành phần cộng sản Việt Nam phân động nuôi dưỡng hy vọng rằng "chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại" vẫn có thể bào biện được. Nhưng nay, sau những biến chuyển xảy ra ở các nước nói trên trong thời gian gần đây, đặc biệt là trong 4 tháng vừa qua, tình hình thời hậu cộng sản đã rõ ràng. Thuyết "chủ nghĩa xã hội là xu thế của thời đại" không còn cơ sở nữa: thực tại không choi cái được đã hoàn toàn bác bỏ nó.

Ta có thể xếp các quốc gia cựu cộng sản Đông Âu vào ba loại. Loại I gồm có Tiệp Khắc. Loại II gồm một số quốc gia như Ba Lan, Hungari. Loại III gồm những quốc gia như Roumani, Serbie (cựu Yougoslavie), Bungari.

Thực tại phủ định thuyết của ĐCSVN

Ở các nước loại I và II (Ba Lan, Hungari, Tiệp Khắc) hoặc chính quyền rơi ngay vào tay những lãnh tụ dân chủ, như Tiệp Khắc, hoặc sau một hay hai cuộc tuyển cử chính quyền rơi vào tay những người trước 1990 là đảng viên cộng sản, như ở Ba Lan và Hungari. Nhưng trong cả hai trường hợp, chế độ dân chủ vẫn được áp dụng nghiêm chỉnh, nhất là các cuộc tuyển cử đều nghiêm túc. Vấn đề trở lại chế độ hay nếp sống cộng sản không được ai đặt ra. Nền dân chủ đã bén rễ vững chắc, mở đường cho phát triển kinh tế mạnh và nhanh, và đem lại cho dân chúng một đời sống tự do sung túc rõ ràng.

Ở các nước loại III thì khác hẳn. Tại Roumani, tên chớp bu độc tài kiểu stalinist, tổng thống Ceaucescu, đã bị giết. Người giết Ceaucescu là Ilion Illescu, cũng là một chúa trùm cộng sản, nhưng y đã nhanh tay trở cờ giết chúa, và đã nắm luôn chính quyền. Nhưng, dần dần, lực lượng dân chủ đã chinh đốn được hàng ngũ. Đồng thời dân chúng ngày càng ngán bị

kềm kẹp. Trong cuộc bầu cử tháng 11-1996, họ đã dồn phiếu cho ứng cử viên đối lập chống cộng là E. Constantinescu. Chế độ cộng sản trả hình chấm dứt và thời đại "xã hội chủ nghĩa" dứt điểm.

Ở Serbie, một cộng sản chớp bu, Slobodan Milosevic, tiếp tục nắm chính quyền nhờ nhanh tay khai thác tinh thần quốc gia cực đoan của dân Yougoslavie, tạo tình trạng chiến tranh với lân bang. Thời chiến tranh là thời kỳ cần kỷ luật nên Milosevic không bị chống đối và nắm vững được quyền hành. Nhưng tình trạng này chỉ kéo dài với chiến tranh. Nay chiến tranh đã kết thúc nên dân chúng, được tự do hơn, đã bỏ phiếu cho đối lập. Trong cuộc tuyển cử tháng 11 vừa qua, đối lập đã chiếm được đa số ở 14 trong 17 thành thị của Yougoslavie, trong đó có hai thành thị lớn nhất là Nis và Belgrade, thủ đô.

Với bản chất độc tài bôn-sê-vích, Milosevic đã kiếm có này có nọ phủ nhận kết quả của cuộc bầu cử dân chủ đó. Và, dân chúng đã xuống đường phản đối. Những cuộc biểu tình càng ngày càng lớn. Dân chúng biểu tình được sự ủng hộ của quốc tế. Đồng thời hàng ngũ của phe Milosevic rạn nứt, và đáng để ý hơn cả, quân đội và cảnh sát không tán thành dùng vũ lực để đàn áp biểu tình.

Kết quả là ngày 4-2-1997, sau 77 ngày bị dân chúng chống đối và dư luận quốc tế lên án, Milosevic phải nhượng bộ và tuyên bố sẵn sàng công nhận kết quả của những cuộc tuyển cử tháng 11. Tuy vậy, đối lập không tin ông ta vì trong quá khứ ông ta nói láo đã quá nhiều. Họ đòi phải có biện pháp cụ thể. Đồng thời, để bảo đảm sự nghiêm túc trong cuộc bầu cử tổng thống sắp đến, họ đòi phải có tự do ngôn luận, báo chí. Rốt cục, dù có tìm đủ mọi cách để xuề xòa, thời của Milosevic, nghĩa là của cộng sản trả hình cầm quyền hay có thể lực, cũng coi như chấm dứt, vì từ nay dân đã thức tỉnh và cảnh giác.

Bungari: một mô hình điển hình hậu cộng sản

Trường hợp thứ ba là trường hợp Bungari. Vì nó là một ví dụ điển hình, có thể nói là một mô hình của diễn trình biến chuyển ở các nước cộng sản cũ trong thời hậu cộng sản, nên chúng ta cần cứu xét nó một cách chi tiết hơn.

Năm 1989, lúc khối cộng sản tan rã,

tổng thống (tổng bí thư đảng cộng sản Bungari) Todor Zhivkov bị một nhóm đàn em lạnh tay trở cờ hạ bệ. Đám này tuyên bố đứng về phía dân, ủng hộ dân chủ và... tiếp tục nắm chính quyền. Phe dân chủ đối lập, vì bị Zhivkov đàn áp quyết liệt kiểu Stalin trong 35 năm nên lúc đó quá yếu, không đủ sức giành chính quyền ngay. Tuy vậy, Đảng Xã Hội (cựu cộng sản) Bungari (BSP) cũng không đủ mạnh để làm chủ tình hình và phải có thái độ nhân nhượng.

Hậu quả là tháng 6-1990 họ chấp nhận ông Zhelyu Zhelev, một người thuộc phe đối lập, làm tổng thống. Chức vị của ông này được chính thức hóa vào tháng 2-1992, qua một cuộc tuyển cử, sau khi hiến pháp mới được ban hành. Đồng thời, Đảng Xã Hội lập một chính phủ liên hiệp với hai đảng nhỏ khác. Nhưng tháng 10-1991, một cuộc bãi công toàn quốc buộc họ phải nhường chỗ cho một chính phủ liên hiệp gồm hai đảng: Lực Lượng Dân Chủ (UDF) và Phong Trào Dân Chủ (MRF), trong đó Lực Lượng Dân Chủ cầm đầu. Nhưng những lúng túng nội bộ của liên minh này làm cho chính phủ yếu đi và không thi hành được những biện pháp cần thiết để giải quyết những vấn đề lớn - kinh tế xuống cấp, tham nhũng và phạm pháp gia tăng - khiến cho dân chúng bất mãn.

Những thành phần bất mãn đông nhất thuộc giới nông dân, bảo thủ hơn các giới khác, và những lớp dân thành thị bị thiệt thòi nhiều về kinh tế, đặc biệt là trong giới lớn tuổi hưu trí, nạn nhân hàng đầu của lạm phát. Đảng Xã Hội đặt trọng tâm tuyên truyền những thành phần này. Và họ đã thành công: trong cuộc tuyển cử tháng 9-1991, họ chiếm được đa số 125/240 ghế, và lập chính phủ.

Đảng Xã Hội Bungari là biến dạng của Đảng Cộng Sản Bungari, cội tiếng là Đảng Stalinist nhất, cứng rắn và thủ cựu nhất trong tất cả các đảng cộng sản Đông Âu. Cho nên không lạ gì khi nắm được chính quyền với đa số, tuy chỉ là đa số có 5 ghế, họ theo đuổi những đường lối chính sách thời tiền cộng sản. Kết quả là kinh tế suy sụp nặng: lạm phát năm 1996 là 331%, đồng lev từ 23 tụt xuống 645 lev một Mỹ kim; nhà thương phải đóng cửa vì hết thuốc; trường học phải giảm giờ học vì không có tiền mua dầu sưởi, dân chúng phải khóa máy sưởi cùng vì lý do đó; 42 ngân hàng bị phá sản; tỷ số thất nghiệp là 14% dân số; lương trung bình chỉ 27 Mỹ kim một tháng (324 Mỹ kim một năm), và giá trị lưu bông của những người già chỉ còn không đầy 10 Mỹ kim mỗi tháng;

món nợ quốc tế 10 tỷ Mỹ kim không trả được và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế phải ngưng không cho Bungari vay 582 triệu Mỹ kim vì chính phủ Bungari không chịu áp dụng những biện pháp mở rộng kinh tế thị trường. Lần đầu tiên trong lịch sử Bungari người ta phải lập ra những trung tâm ăn cơm bố thí (soup kitchen). Nhưng đồng thời một số doanh thương đã trở nên giàu có lớn nhờ làm ăn phi pháp - toa rập với đáng viên tham nhũng để rút tiền của các công ty "quốc doanh" và ngân hàng - nhưng lại được chính quyền bao bọc.

Đảng Xã Hội bị dân chúng chống đối

Vì tình hình mô tả trên đây, ta không lấy làm lạ thấy dân chúng nổi lên chống chính phủ xã hội chủ nghĩa (cộng sản trá hình). Trước hết là trong sự đầu phiếu. Trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 11 năm vừa qua, ứng cử viên đối lập, thuộc phe Lực Lượng Dân Chủ, Peta Stoyanov đã đắc với tỷ lệ 60%. Đồng thời chức vụ chủ tịch Quốc Hội lọt khỏi tay Đảng Xã Hội. Trong thế yếu này, thủ tướng Jan Videnov thuộc Đảng Xã Hội (cựu cộng sản) phải chức vào tháng chạp. Nhưng đảng này vẫn muốn tiếp tục nắm chính quyền và muốn cử một đảng viên xã hội khác, Nikolai Dobrev, tổng trưởng nội vụ, làm thủ tướng cho đến khi có tuyển cử mới, vào tháng 12-1998. Cũng như Videnov, Dobrev là một cựu đảng viên Đảng Cộng Sản Bungari được huấn luyện ở Liên Xô cũ.

Nhưng phe đối lập thấy mình thắng thế, viện lý do rằng Đảng Xã Hội đã rõ ràng mất tín nhiệm của dân chủ, nên phải tổ chức tuyển cử ngay và chính quyền phải trao cho một chính phủ chuyển tiếp trung lập. Tổng thống ra đi Zhelev cũng đồng ý với đối lập và không chịu bổ nhiệm Debrev làm thủ tướng. Tổng thống mới Stoyanov, nhậm chức ngày 22-1 vừa qua, tuy sẵn sàng bổ nhiệm thủ tướng thuộc Đảng Xã Hội, nhưng buộc đảng này phải thỏa thuận với đối lập để định ngày tuyển cử. Chủ tịch quốc hội cũng ủng hộ đòi hỏi của đối lập. Tất nhiên Đảng Xã Hội muốn tiếp tục cầm quyền để có thì giờ dùng quyền lực trong tay mình sắp xếp cuộc tuyển cử tới có lợi cho mình.

Để làm áp lực chính phủ, từ ngày 6-1, đối lập tổ chức xuống đường liên miên. Phong trào chống đối này được dân chúng hưởng ứng rộng rãi. Ngay cả các công đoàn thợ thuyền (1,5 triệu đoàn viên trên tổng dân số 8,5 triệu) cũng xuống đường. Đảng Xã Hội đã phải khóa chặn cửa Quốc Hội để tránh bị hành hung. Sau 30 ngày biểu tình liên tiếp, ngày 4-2-1997 Đảng

Xã Hội đã chấp nhận tổ chức tuyển cử vào ngày 20-4 sắp tới.

Dân chúng đã mãnh liệt chống đối chính phủ cộng sản Bungari vì nó là "chính phủ thiếu khả năng nhất trong toàn cõi Đông Âu" (New York Times, 13-1-1997). Một người biểu tình giải thích rằng: "Tôi xuống đường vì tôi tức giận, tôi tức giận vì tôi đói!" (New York Times, 27-1-1997). Một biểu ngữ được viết như sau: "Tổng thống Zhelev! Đừng phản bội chúng tôi! Đừng cho cộng sản trở lại chính quyền!".

Hai câu trên đây và những biến chuyển ở ba quốc gia trong mấy tháng nay đã làm nổi bật thực tại thời hậu cộng sản: cộng sản có nắm được chính quyền, rốt cục rồi cũng phải ngã, không tiếp tục chế độ hay chính sách cộng sản được. Nó thâu tóm tình hình thời hậu cộng sản, xác nhận sự đắc thắng của trào lưu dân chủ, và hùng hồn phủ nhận phủ định thuyết "chủ nghĩa xã hội là xu thế của thời đại".

Ba giai đoạn thời hậu cộng sản

Sự phân tách trên đây cho ta thấy rằng từ ngày bức tường Berlin bị đập đổ (mùa đông 1989), kéo theo sự sụp đổ của Liên Xô và các nước đàn em Đông Âu, chế độ cộng sản dần dần tàn lụi. Sự tàn lụi này theo một diễn trình hậu cộng sản gồm ba giai đoạn.

- Giai đoạn I: Chính quyền độc tài cộng sản kiểu Stalin bị lật đổ. Tiếp theo, một trong hai trường hợp xảy ra: 1. Một số đàn em của tên chớp bu này (hạ bệ hay giết chết) tuyên bố đứng về phía dân, tự xưng là cứu tinh dân chủ, đổi tên đảng và tiếp tục nắm chính quyền; hoặc 2. Các thành phần dân chủ đối lập giành được chính quyền và lập chính phủ.

- Giai đoạn II: Trong giai đoạn này cũng hai trường hợp có thể xảy ra: 1. Chính phủ cộng sản trá hình tiếp tục cầm quyền nhờ khai thác tinh thần quốc gia cực đoan của dân, tạo ra tình trạng chiến tranh với láng giềng, viện cớ chiến tranh tiếp tục áp dụng chế độ độc tài. Tình trạng này kéo dài với tình trạng chiến tranh; hoặc 2. Chính phủ dân chủ, vì thiếu kinh nghiệm, vì hàng ngũ chia rẽ và vì di sản của mấy chục năm cai trị của cộng sản quá nặng nề, không mang lại được một sự cải thiện đời sống tức khắc như dân chúng đòi hỏi. Vì vậy, dân chúng sinh ra thất vọng rồi bất mãn chống chính phủ này, tiếc thời xưa ổn định hơn. Trong giai đoạn này, cộng sản ở địa vị đối lập tha hồ khai thác những yếu điểm của phe dân chủ nắm quyền và hứa hẹn đủ thứ với dân. Trong cuộc đầu phiếu gần nhất, dân chúng bỏ

phiếu cho họ.

- Giai đoạn III: Đảng cộng sản trá hình chiếm được đa số, hay số phiếu nhiều nhất, lập chính phủ, hoặc thuần túy cộng sản (hay "xã hội", hay "dân chủ xã hội", "lao động", v.v...), hoặc chính phủ liên minh với một hai nhóm khác, tiếp tục áp dụng chính sách "xã hội chủ nghĩa", từ chối những cải tổ kinh tế và chính trị cần thiết, dung túng tham nhũng, còau kết với đảng viên sa đọa, làm suy sụp kinh tế, gây thêm khó khăn gấp bội cho đời sống nhân dân. Tình trạng này giúp cho dân thấy chính phủ cộng sản không những cũng bất lực và tham nhũng, mà còn tệ hơn, và đồng thời lại thêm nạn độc tài cộng sản thời xưa. Do đó, họ nổi lên chống đối. Sự chống đối này bị đàn áp mạnh. Sự kiện này lại làm cho dân thấy rõ khác biệt giữa một chế độ độc tài cộng sản và một chế độ dân chủ. Và họ dứt khoát chọn dân chủ. Mấy hậu thuẫn nhân dân, mất thế đứng trong chính quyền, mất sự bảo trợ của một siêu cường quốc (Liên Xô), chủ nghĩa xã hội không còn cơ sở để được coi là một xu thế tất yếu của thời đại nữa.

Việt Nam: cùng một diễn trình ?

Suy luận từ kinh nghiệm của những quốc gia cộng sản Đông Âu, ta có thể suy đoán rằng Việt Nam, trong một tương lai hoặc gần, hoặc xa, rồi cũng theo một diễn trình tương tự. Nhưng vì nó là một diễn trình khá phức tạp và có thể kéo dài, ta đứng trước nguy cơ dưới đây.

Trong giai đoạn I và II, chính quyền cộng sản vẫn có khả năng tồn tại nếu khéo xoay chiều, đổi lót và nhờ đối lập thiếu khả năng hay chia rẽ không khai thác được tình hình để lấy hoặc giữ chính quyền. Sự kiện này làm cho họ lạc quan và tin rằng họ vẫn "trụ" được, dù có duy trì chế độ Mác-Lê trong sáng, từ chối những cải tổ căn bản cần thiết và tiếp tục áp dụng những chính sách "xã hội chủ nghĩa" quen thuộc với họ. Phía chống cộng thì ngược lại. Vì thấy cộng sản vẫn "trụ" và có vẻ mạnh, họ đâm ra bị quan và buông tay, không tranh đấu nữa.

Hậu quả của hai dòng tư tưởng trên đây là tình hình bi đát và bế tắc của xứ sở sẽ kéo dài và trong khi đó tình hình ngày càng trầm trọng và khó cải thiện hơn. Đây là một nguy cơ mà tất cả những người có lương tri, lương tâm và ưu tư về tương lai xứ sở, ngoài đảng cộng như trong đảng cộng sản, nên suy nghiệm nghiêm túc, để tìm phương thức thích nghi cho xứ sở tránh được nguy cơ đó và sớm thoát khỏi tình trạng bế tắc tai hại hiện tại.

Tôn Thất Thiện

Bàn thêm về bài học đa nguyên dân chủ của Khổng Tử

Trần Thanh Hiệp

Bài viết của tôi đăng trên Thông Luận số tháng 12-1996 không phải là một bài nghiên cứu mà chỉ là một dịp để tôi mạn đàm nên có nhiều điểm không thể đào sâu hay cũng có thể đã mang màu sắc chủ quan. Người đọc nếu chỉ lướt qua, có thể nghĩ là tôi muốn - "thấy sang bắt quàng làm họ" - giới thiệu Khổng Tử như một người chủ trương dân chủ đa nguyên. Sự thực tôi chỉ muốn nêu lên câu hỏi "Có nên tiếp thu bài học đa nguyên dân chủ của Khổng Tử để xây dựng dân chủ đa nguyên hay không?". Mặt khác tôi không quên nhấn mạnh rằng "cách tiếp thu quan trọng hơn việc tiếp thu".

Nay xin bổ túc thêm một vài ý, một cách phụ chú bài viết lần trước.

Phần nửa sau thế kỷ XX đã chứng kiến sự lựa chọn của người Việt Nam đối với thể chế dân chủ. Nhưng công bình mà nói, người Việt Nam vì nhiều nguyên nhân, chủ quan cũng như khách quan, chưa thiết lập được vùng vàng thể chế này và vẫn còn phải đắm chìm trong khổ nạn chuyên chế.

Con đường lịch sử đã được mở ra. Vấn đề là làm sao vượt qua mọi trở ngại để đi tới.

Người phương Tây cũng như người phương Đông hiện nay đều có nhu cầu tìm hiểu tư tưởng Khổng Tử. Người Việt Nam, vì có một quá khứ lâu dài chung sống với tư tưởng này, thiết tưởng không thể thờ ơ. Bài bỏ hẵn, duy trì nguyên vẹn hay bổ sung tư tưởng Khổng Tử, sự lựa chọn nào cũng là đề tài để bàn luận. Nhưng cần bàn luận với tinh thần cầu tiến, hướng về tương lai hơn là ôm công tình cảm hoài cựu tiêu cực. Dưới độ góc nhìn vấn đề như vậy, có thể thấy tư tưởng Khổng Tử đóng góp cho việc xây dựng dân chủ đa nguyên tại Việt Nam. Hai luận cứ để chứng minh điều này: Thứ nhất, tư tưởng Khổng Tử là tư tưởng đa nguyên. Thứ hai, tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử có tính dân chủ. Nhưng trước khi bàn về hai điểm này, cần xác định cách tiếp thu tư tưởng Khổng Tử.

1. Cách tiếp thu tư tưởng Khổng Tử

Để tiếp thu tư tưởng của Khổng Tử cần tránh hai thái độ cực đoan. Một mặt

không nên chuyển dịch máy móc chuyện ngày xưa đến hiện tại để coi như chuyện ngày nay. Đàng khác cũng không nên chiếu rọi ánh sáng của chuyện ngày nay vào chuyện ngày xưa để đánh giá chuyện ngày xưa như chuyện ngày nay. Khổng Tử, nếu có tư tưởng đa nguyên, dân chủ thì đương nhiên tư tưởng này phải mang những hạn chế của thời đại. Tiếp thu là tiếp nhận có so sánh, cân nhắc và chọn lọc, như chính Khổng Tử đã nói: "ôn cũ mà biết mới". Tiếp thu tư tưởng Khổng Tử không phải là chấp nhận cả những gì mà người đời sau đã nhân danh Khổng Tử để làm sau khi đã pha chế tư tưởng Khổng Tử. Nhưng hãy hỏi có gì là đa nguyên, là dân chủ để tiếp thu hay không? Theo tôi, người ta có thể tìm thấy trong tư tưởng của Khổng Tử chất liệu tốt cho việc hình thành tư tưởng dân chủ đa nguyên cho người Việt Nam bây giờ. Với một số đề đặt. Tư tưởng Khổng Tử là loại tư tưởng tổng hợp của phương Đông thời cổ, nặng phần quy chuẩn, không phải là loại tư tưởng phân tích của phương Tây ngày nay loại tư tưởng có nhiều hào quang khoa học. Bởi vậy, không nên dựa vào sự kiện những ý kiến của Khổng Tử đã được nhắc lại rải rác trong các sách Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học v.v... thiếu tính hệ thống, tính khái quát mà đương nhiên bác bỏ chúng. Một nhà Trung quốc học nào đó đã nhận định rằng với tư tưởng tổng hợp, người phương Đông có thể cảm thấy những gì mà với tư tưởng phân tích người phương Tây đã biết và làm được.

2. Khổng Tử và đa nguyên

Tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử không phải là những suy tư về đời sống trừu tượng mà về đời sống thực tế trong xã hội. Cốt lõi của tư tưởng đa nguyên này, có hai điều: Khổng Tử không có óc giáo điều, không có tác phong độc tôn. Khổng Tử có vẻ vừa duy tâm vừa duy vật. Nên tư tưởng Khổng Tử không nhất nguyên mà đa nguyên. Mặt khác, ông coi kẻ hạ ngu hay bậc thượng trí, dân, quan hay vua ai cũng đều là người cả. Tuy ông công nhận sự khác biệt vì phải chính danh định phận để tôn ti trật tự trong xã hội được tôn trọng nhưng từ xuất phát điểm, dưới mắt ông

con người nào cũng phải có phẩm giá của nó để nó có thể khác biệt với súc vật. Định đề căn bản của tư tưởng Khổng Tử là con người không phải là súc vật nên không thể sống như súc vật và đối xử với nhau như súc vật. Do đó cố gắng hiểu đạo của Khổng Tử cho nhân loại là quan hệ giữa con người với con người phải thể hiện qua những hình thái sống mà ông gọi là "lòng nhân", đạo lớn của nhân sinh. Trong sách Luận ngữ, Khổng Tử đã nhắc tới chữ "nhân" (gần 60 lần) và đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về chữ "nhân" tùy nhân cách, trình độ hiểu biết, chí hướng của người đối thoại. Khổng Tử chưa có một công trình giảng giải có hệ thống về chữ "nhân" nhưng với sự đóng góp của người học trò hậu sinh kiệt xuất là Mạnh Tử, Khổng Tử đã để lại cho hậu thế một truyền thống nhân bản trải qua hai mươi lăm thế kỷ vẫn còn giá trị.

Tuy nhiên đa nguyên của Khổng Tử là đa nguyên của những xã hội ngày xưa. Nếu chỉ có bấy nhiêu sợ rằng không khỏi khiên cưỡng khi khẳng định với người ngày nay là Khổng Tử có tư tưởng đa nguyên. Phải so sánh với khái niệm đa nguyên hiện nay xem tư tưởng ấy còn có chỗ khả dụng hay không. Làm công việc này sẽ thấy có nhiều ngạc nhiên rất thích thú.

Theo những từ điển triết học hiện nay và qua học thuyết của những người như Lotze, Herbat, Renouvier, William James v.v... mà các từ điển ấy coi như những nguồn gốc của tư tưởng đa nguyên thì "đa nguyên" là trạng thái trong đó các sinh vật (êtres) chung sống trong vũ trụ đều "nhiều" (multiples), "cá biệt" (individuels), "độc lập" (indépendants) và không thể bị coi như chỉ là những "hiện tượng" (phénomènes) của một thể "nhất nguyên" (moniste) độc nhất và tuyệt đối hay ngay cả "nhị nguyên" (dualiste) nữa. Nói một cách nôm na, tư tưởng đa nguyên không gộp các sinh vật thành một mối độc nhất hay hai mối chặt hẹp mà phải để chúng ở tình trạng nhiều mối độc lập với nhau tuy liên lập. Đó chính là cái nhìn của Khổng Tử về nhân xã.

Trên bình diện chính trị, đa nguyên là một khái niệm mới về trật tự chính trị và pháp lý theo đó các phần tử của nhân xã được quyền có ý kiến không bắt buộc phải giống nhau, theo đuổi những quyền lợi khác nhau và sống với nhau theo cách tập hợp họ mong muốn. Sự khác biệt này phải được bảo đảm bằng luật pháp và là điều kiện của sự tự do. Nhiều tên tuổi đã đóng

góp vào sự hình thành của tư tưởng đa nguyên này mà những dấu mốc chính, kể từ giữa thế kỷ 17 đến nay, là John Locke, Montesquieu, James Madison, John Stuart Mill, John Rawls. Xã hội Mỹ có thể coi là một kiểu mẫu điển hình hiện đại về đa nguyên và đặc tính của nó là chấp nhận và duy trì tình trạng tranh chấp thường xuyên, dĩ nhiên với sự điều tiết để những cuộc tranh chấp ấy không đưa tới tiêu diệt tự do cá nhân hay tan rã của xã hội. Theo Robert A. Dahl, giáo sư chính trị học tại trường Đại học Yale những cuộc chia rẽ, tranh chấp để đòi quyền tự trị nếu thành công thường dẫn tới những xu hướng đa nguyên theo hai chiều hướng, "đa nguyên tranh chấp" (pluralisme conflictuel) và "đa nguyên tổ chức" (pluralisme organisationnel).

Như vậy là tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử giống tư tưởng đa nguyên ngày nay ở một điểm và khác ở một điểm. Giống ở sự nhìn nhận một thực trạng của xã hội loài người trong đó con người tuy ở đầu sông có thể ngang nhau (tính bản thiện, tính tương cận) nhưng ở cuối sông thì không còn ngang nhau nữa và Khổng Tử không chủ trương xóa bỏ sự khác biệt này mà chỉ hạn chế sao cho cuộc sống ai ở phạm nấy trong khác biệt không đưa tới tiêu diệt lẫn nhau. Khác ở chỗ Khổng Tử muốn dùng nhân nghĩa (lễ, nhạc, chính, giáo) để đưa một cách thực tiễn các khác biệt vào một trạng thái sống hòa hài (căng [kính, trang trọng] nhi bất tranh, quân nhi bất đảng, hòa nhi bất đồng).

Ngày nay nói tiếp thu tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử không có nghĩa là tái lập lại những định chế xã hội thời Khổng Tử hay nói chung tất cả những định chế phong kiến mà là tiếp nhận hai điều. Một điều tích cực: nhìn nhận sự đa nguyên như một nguyên tắc sống trong xã hội để đặc biệt chối bỏ nguyên tắc nhất nguyên về cuộc sống ấy. Một điều tiêu cực: không duy trì nguyên vẹn những định chế xã hội nào trên lý thuyết có tính đa nguyên nhưng trên thực tế đã biến chất thành nhất nguyên mà phải thay đổi các định chế này theo mục đích bảo đảm đa nguyên. Cũng nên lưu ý là mức độ phát triển kinh tế, khoa học của xã hội Việt Nam chưa ngang bằng mức độ của nhiều xã hội phương Tây. Hệ quả của điều này là sống quá lâu đời trong môi trường "đa nguyên tổ chức" nhân nghĩa "tu, tề, trị, bình", thể hiện qua một mô thức xã hội dân sự đặc thù (gia đình, làng xã, phép vua thua lệ làng), đa số người Việt Nam không

thể một sớm một chiều đổi sang "đa nguyên tổ chức" phương Tây mà nội dung đa dạng hơn, phức tạp hơn. Và lại "đa nguyên tổ chức" phương Tây đi đôi với "đa nguyên tranh chấp" phương Tây. Xã hội Việt Nam có "đa nguyên tranh chấp" giống phương Tây không? Mặt khác, chính phương Tây đầy rẫy những vấn đề gai góc do đa nguyên tạo ra. Người Việt Nam có sẵn sàng trả giá mà phương Tây đã trả để có được những mẫu xã hội đa nguyên ngày nay như phương Tây hay không? Về điểm này có một điều lo ngại đáng lưu ý là con người phương Tây vì gắn liền với khoa học hiện đại nên đang bị đe dọa phi nhân hóa. Sự lo ngại này xác đáng tới mức nào và Việt Nam liệu khi đặt hẳn mình vào quỹ đạo phương Tây có cần phải nhờ đến truyền thống nhân bản Khổng Tử để tránh đe dọa phi nhân hóa hay không?

Nếu lên nghi vấn có nên tiếp thu bài học đa nguyên Khổng Tử hay không là một cách để tìm giải đáp cho loạt câu hỏi vừa được hỏi ra ở trên.

3. Khổng Tử và dân chủ

Nói tiếp thu tư tưởng dân chủ của Khổng Tử không có nghĩa là tào bạo đến mức lập luận bừa bãi rằng Khổng Tử là một lý thuyết gia dân chủ, vô đoán rằng tư tưởng của ông là một hệ thống tư tưởng dân chủ hiện đại. Ai không biết sự kiện ông tôn quân, điều không cần phải chứng minh nữa. Vậy hãy mở một cuộc đối thoại với người xưa để xem người Việt Nam bây giờ có nên tiếp nhận tư tưởng dân chủ của Khổng Tử hay không. Dĩ nhiên, có một câu hỏi tiên quyết phải được đặt ra: Có gì là "dân chủ" trong tư tưởng của Khổng Tử?

Về điểm này theo tôi câu trả lời khó có thể là "không" và kiểm kê gia tài tinh thần Khổng Tử chẳng những là việc làm thích thời mà còn rất bổ ích. Người Việt Nam không có lý thuyết về dân chủ lại thiếu kinh nghiệm dân chủ, cần bỏ công sức tích lũy càng nhiều càng tốt kiến thức về dân chủ để từ đó tìm ra cho mình những lý thuyết về dân chủ, tạo một quan điểm Việt Nam về dân chủ.

Trước thềm những năm 2000, tư tưởng của Khổng Tử đóng góp được gì cho dân chủ, hiểu theo nghĩa hiện đại của danh từ?

Tôi nhớ có đọc trong cuốn sách "Triết lý chính trị" của Eriq/Weil một đoạn như sau: "Danh từ dân chủ rất khó dùng, tốt hơn hết là tránh dùng dùng nó". Chắc Eric Weil không có ý muốn loại bỏ danh từ này, cách nói cực đoan của ông có lẽ nhằm

nhấn mạnh rằng việc quán triệt được nội dung của danh từ ấy là một điều cực kỳ khó khăn, khi sử dụng nó phải hết sức thận trọng.

Trong thực tế, không thể lẫn tránh không dùng danh từ dân chủ. Có thể định rõ được thế nào là dân chủ hay không? Những câu trả lời câu hỏi này đã nhiều đến nỗi người ta có cảm tưởng (có thể là không được chính xác) rằng danh từ dân chủ muốn định nghĩa thế nào cũng được vì nó bao gồm cả những điều thường được coi là dân chủ lẫn những điều trái ngược với dân chủ! Hãy tạm gác sang bên vấn đề kiểm điểm đầy đủ các loại định nghĩa về dân chủ, chỉ tạm giữ lại một định nghĩa nổi tiếng và hiện vẫn còn được coi như khuôn vàng thước ngọc. Đó là định nghĩa mà Tổng thống thứ 16 của Mỹ, Abraham Lincoln, năm 1863 đã đưa ra khi ông đọc diễn văn nhân dịp thăm chiến trường Gettysburg theo đó chế độ dân chủ là "chính quyền của dân, do dân, vì dân". Nhiều bản hiến pháp (trong đó có Hiến pháp 1958 của nước Pháp, điều 2) đã dùng công thức này để biểu thị tính chất dân chủ của chế độ mà hiến pháp ấy chi phối.

Tuy vậy nội dung của định nghĩa A. Lincoln đã không xóa hết được mọi bất đồng ý kiến về khái niệm dân chủ, không giải đáp hết các nghi vấn cũ lại còn đặt thêm ra nhiều nghi vấn mới.

Hãy dùng định nghĩa này làm bảng tìm dò (grille de lecture) tư tưởng Khổng Tử. Nếu theo xét theo ngữ nghĩa thuần túy của danh từ, dân chủ là chính quyền hoàn toàn của dân, hoàn toàn do dân lập ra, dân hoàn toàn làm chủ, dân tự nắm lấy mọi quyền hành để hoàn toàn phục vụ quyền lợi của dân thì Khổng Tử không hề chủ trương rõ ràng như vậy. Nhưng trong thực tế - trừ ở những nước dân chủ giả hiệu là những nước độc tài toàn trị cộng sản - có tìm đâu ra được một chính quyền hội đủ bấy nhiêu đặc tính không? Điều này nhắc nhở chúng ta rằng dân chủ thường được định nghĩa vừa như một thực trạng lại vừa như một lý tưởng. Quảng diễn thêm, câu này có thể nhấn mạnh rằng định nghĩa về dân chủ có hai mặt vừa miêu tả (descriptif) lại vừa quy chuẩn (normatif) khiến cho dân chủ chỉ có thể là đối tượng nghiên cứu của khoa học tinh thần (triết lý chính trị) chứ không thể của khoa học chính xác. Chính vì vậy mà cộng sản dám tào bạo gọi nền chuyên chính của họ là dân chủ vì họ lý luận rằng phải dùng chuyên chính để trong tương lai đi tới dân chủ (nhưng sau hơn 70 năm không tới được dân chủ nên

đã sụp đổ). Các nước tự do, không vì chưa đạt tới được lý tưởng dân chủ mà từ bỏ mộng này, cứ tiếp tục đi tới và mỗi ngày hoàn thiện thêm các cơ cấu dân chủ chưa toàn mỹ (kết quả là tuổi thọ của loại dân chủ bất toàn này đã lâu hơn hai thế kỷ và ngày càng có triển vọng rất lâu dài). Nói cách khác, lịch sử dân chủ chưa dở tới trang chót (phỏng theo tựa đề một cuốn sách) khi cách đây hơn hai ngàn năm dân thành quốc Nhà Diễn (Athènes) đã sáng tạo ra mô thức dân chủ trực trị hay khi thị dân Ba Lê cuối thế kỷ XVIII lập nên Công Xã Ba Lê hay khi Tổng thống A. Lincoln đọc lên công thức màu nhiệm "của dân, do dân, vì dân", hay khi Liên Bang Đức khai sinh ra nhà nước pháp trị Đức... Karl Marx chỉ trích dân chủ phương Tây là dân chủ hình thức, nghĩa là chỉ dân chủ trên từ ngữ; ngày nay các môn đệ xa của Karl Marx là cộng sản Việt Nam đang tôn sùng loại dân chủ hình thức này. Nhiều nhà luật học, chính trị học phương Tây gọi loại dân chủ được cảm nhận một cách đơn giản qua hình ảnh đông lạnh của từ ngữ là "dân chủ từ nguyên" (démocratie étymologique) và phân biệt nó với nền dân chủ sống động trong quá trình diễn biến ngày càng cao rộng từ thực tại vươn tới lý tưởng. Dưới một lăng kính động như vậy thì trong tư tưởng của Khổng Tử chẳng những có ít nhiều yếu tố dân chủ mà tính dân chủ của một vài yếu tố còn lấn lướt yếu tố phương Tây.

Thật vậy, nếu thoát ra khỏi gông cùm từ ngữ, không coi câu nói của A. Lincoln là định nghĩa sau cùng và độc nhất mà chỉ là định nghĩa khởi đầu cho việc tìm hiểu dân chủ và sửa câu nói ấy thành "*chính quyền vì dân, do dân, của dân*", thì có thể coi tư tưởng của Khổng Tử là tư tưởng dân chủ.

Trước hết, ở khâu "*vì dân*". Tư tưởng chính trị của Khổng Tử về cơ bản là quý trọng dân. Sách Luận Ngữ chép khi Khổng Tử cùng với học trò là Nhiễm Hữu tới nước Vệ, thấy dân đông, Khổng Tử khen "dân đông thật". Nhiễm Hữu hỏi Khổng Tử: "đã đông rồi nên thêm gì nữa?" Khổng Tử đáp: "làm cho dân giàu (phú chi). Nhiễm Hữu lại hỏi: "đã giàu rồi lại thêm gì nữa? Khổng Tử nói: "phải dạy dân (giáo chi). Đây không phải là một loại khẩu hiệu tuyên truyền suông để mị dân mà là bài học căn bản Khổng Tử dạy học trò về chính trị. Với Khổng Tử, cách sống của con người, chính trị là điều quan trọng nhất "*nhân đạo, chính vì đại*", chính trị không phải chỉ là những *thế, thuật* mà

là những chức năng xã hội được đưa lên hàng đạo lý. Đúng về mặt pháp lý mà nói, coi những việc làm cho dân giàu, dạy cho dân học là hai nhiệm vụ cơ bản, ưu tiên của chính trị là gián tiếp công nhận cho người dân có những nhân quyền xã hội, văn hóa mà mãi gần cuối thế kỷ XX nhân loại văn minh mới chính thức công nhận.

Được Quý Khang Tử hỏi về đạo làm chính trị, Khổng Tử nói "chính trị là cốt làm cho [xã hội] ngay thẳng" (chính giả chính dã). Thế nào là ngay thẳng? "Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con" (quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử). Cần mở một dấu ngoặc để minh oan cho Khổng Tử thường bị chê là người chủ quyền hành về cho vua. Để tránh sai lầm, phải đưa hai chữ quân, thần qui chiếu vào mấy đoạn trong sách Trung Dung mới hiểu rõ được đối với Khổng Tử thế nào là vua, tôi (quân, thần): "*Đạt đạo*" (đạo thông thường) ở đời này ai cũng phải theo gồm có năm điều: *vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, giao tình bầu bạn*...Phàm muốn trị nước, phải theo chín 'kinh' (luật thường) là *sửa mình, tôn trọng người hiền, thân người thân, kính các vị đại thần, thể tất công lao các quan, thương dân như con, giúp đỡ những người làm công nghệ, đối đãi hòa nhã với người phương xa, tưởng nhớ đến các Chu hầu*" (*). Vua như vậy theo Khổng Tử có đạo của vua như đã được qui định trong cái khung "*năm đạt đạo và chín kinh*". Hơn ai hết, vua phải tự ràng buộc mình vào với lễ để thực hành chữ "*nhân*" (khắc kỷ phục lễ vi nhân). Vậy với Khổng Tử vua không phải là cứu cánh, dân mới là cứu cánh của chính trị. Vua, quan chỉ là những chức năng để thực hiện cái đạo chính trị ấy thể hiện bằng lòng thương dân như cha mẹ (dân chi phụ mẫu) thương "con đỏ" (xích tử). Nhưng "*nhân*" là gì, theo Khổng Tử? Ở đây, xin giới hạn vào việc chính trị. Thiên Ung Dã của sách Luận Ngữ có chép rằng Tử Cống hỏi Khổng Tử: "Tỉ như có người thi ân bố đức cho khắp dân gian mà có thể giúp được cho dân chúng, thì phải coi người ấy như thế nào? Gọi là người nhân được không? Khổng Tử đáp: sao lại chỉ gọi là người nhân thôi? Phải gọi là bậc thánh mới xứng; ngay cả Nghiêu Thuấn cũng còn không làm nổi...". Khổng Tử rất nghiêm khắc đối với các hành động trái đạo nhân trong chính trị: "*Nếu không dạy dân mà đem dân ra giết thì điều ác đó gọi là ngược. Nếu không săn sóc, nhắc nhở mà đòi dân phải thành người thì điều ác đó*

gọi là bạo". Khi san định Kinh Thi, Khổng Tử đã chọn những bài trong đó có những câu ca dao như: "*Lạc chi quân tử, dân chi phụ mẫu - Dân chi sở hiếu, hiếu chi - Dân chi sở ố, ố chi - Thủ chi vị dân chi phụ mẫu*" (Vui thay người quân tử, Dân thích điều gì mình thích điều đó, Dân ghét điều gì, mình ghét điều đó, Như thế thật đáng là cha mẹ dân). Sách Đại Học cũng nhắc lại câu trong Kinh Thi: "*Đạo: đắc chúng tắc đắc quốc, Thất chúng tắc thất quốc*" (Đạo là: Hề được lòng dân thì được nước, Mất lòng dân thì mất nước). Ngày nay, chúng ta thường nghe những vị nguyên thủ quốc gia như Tổng thống Mỹ, Tổng thống Pháp, không thấy có biểu văn đầy tình người và đầy lòng thương dân như biểu văn của Khổng Tử. Khổng Tử không có sự nghiệp chính trị lớn lao vì các vua chúa thời ông chẳng ai muốn dùng ông hay ngược lại ông chẳng tìm thấy ai là minh chúa. Nhưng tư tưởng vì dân của ông thì đã quá rõ.

Khâu thứ hai "*do dân*". Về điểm này, điều hiển nhiên là Khổng Tử không chủ trương dân chọn vua, chọn quan, dân có quyền kiểm soát vua, quan. Trái với dân chủ, dân bầu ra các đại diện dân để lo chính sự. Và bầu cử tự do với phổ thông đầu phiếu đã được coi như tiêu chuẩn dân chủ. Mặc dầu quyền bầu cử này đã được công nhận và hành sử ở phương Tây từ hàng trăm năm nay, nghi vấn vẫn được đặt ra ở phương Tây là có thật dân được quyền tự mình cai trị mình hay không hay dân vẫn bị cai trị? Giáo sư chính trị học nổi tiếng của nước Pháp, Georges Burdeau, đã không ngần ngại dùng hai thành ngữ "*démocratie gouvernante*" (tạm dịch là dân chủ cai trị) và "*démocratie gouvernée*" (dân chủ bị trị) để phản ánh tâm trạng ngổ vục này và tiên đoán từ mấy thập niên trước đây rằng trong tương lai, dân chủ bị trị sẽ biến thành dân chủ cai trị. Một giáo sư chính trị học khác, Maurice Duverger của Đại học Paris I cũng nói tới loại "dân chủ không dân" (démocratie sans le peuple). Mặt khác, cố Tổng thống François Mitterrand thường được coi là quốc vương dân chủ! Những điều này cho thấy dù có bầu cử thật rộng rãi, tuổi tối thiểu của cử tri hạ xuống 18, phụ nữ cũng được bầu (khác với thời dân chủ Nhà Diễn, phụ nữ không có quyền bầu) bầu cử cũng chỉ mới là một giải pháp dân chủ theo chiều ngang (horizontal) và chủ lượng (quantitatif), chưa phải là một giải pháp chiều thẳng đứng (vertical) và chủ phẩm (qualitatif) nghĩa là tuyển chọn được những phần tử

ưu tú cho dân để ngăn giữ cho dân chủ không bị biến chất thành "tồi đở" (médiocratie). Đó là vấn đề lãnh đạo (leadership) trong các chế độ dân chủ, một vấn đề đã và đang là đề tài nghiên cứu của chính trị học dưới ánh sáng nhìn dân chủ như một cuộc cạnh tranh giữa những cơ cấu thiếu số ưu tú, năng động trước sự trọng tài của một đa số không có gì là xuất sắc. Nói khác đi, dân chủ cũng cần tuyển chọn "hiền tài" như quân chủ. Khổng Tử đề xuất "nhân" (luân lý) và "đức" (bản lĩnh, virtus) làm tiêu chuẩn chọn hiền tài và còn dùng "Lễ", "Nghĩa" để bảo đảm cho hiền tài không bị biến chất. Chúng ta có thể nói tư tưởng Khổng Tử đã gặp tư tưởng dân chủ hiện đại trong khái niệm chính trị dựa trên tài năng (méritocratie). Cũng cần nói thêm là Khổng Tử chẳng những đòi hỏi người làm chính trị, chủ quan, phải thực sự có tài đức mà khách quan được dân chúng nhìn nhận "Làm chính trị bằng đạo đức, ví như ngôi sao Bắc đẩu ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về đó". Một cách cai trị bằng dư luận.

Đến khâu cuối cùng là khâu "của dân" thì chế độ quân chủ coi đất nước (thiên hạ) là của vua, của một dòng họ. Chính quyền tại các nước dân chủ nói chung không hẳn là của dân mà trước hết là của các đảng, lưỡng đảng hay đa đảng (partitocratie). Không thấy Khổng Tử nói về thể thức thay đổi chính quyền, trao quyền, nhận quyền nào khác hơn là theo truyền thống quân chủ, tông pháp cổ đại của Trung Quốc (con trưởng kế thừa). Nhưng trong Kinh Dịch mà ông được coi là người san định, có nói đến "cách mạng" như vua Thang, vua Vũ thay đổi "mệnh trời" nghĩa là thay đổi người cầm vương quyền không cần phải theo tông pháp. Nhưng việc thay đổi này phải thuận lòng trời, hợp lòng dân. Vai trò của dân thời quân chủ cổ đại là chính thống hóa người cầm quyền một cách hậu thiên (a posteriori) khác thời nay là chính thống hóa ngay khi bầu cử để tuyển chọn.

Tóm lại không ai chối cãi rằng tư tưởng dân chủ của Khổng Tử, như đã trình bày ở trên, không có qui mô lớn, không đa năng, đa dạng bằng tư tưởng dân chủ thời nay. Điều này cũng là điều thuận lý, đời sống của những xã hội nông nghiệp không phức tạp như đời sống các xã hội kỹ nghệ. Chính quyền ngày xưa không phải lo những vụ Sida, ngừa thai, bảo vệ môi trường, thậm chí đến cả việc đổ rác v.v... Cơ chế dân chủ ngày nay hoàn bị

hơn. Nhưng không vì thế mà coi hai loại tư tưởng dân chủ xưa và nay khác nhau về phẩm. Chiếc máy bay của Linbergh so với chiếc máy bay Concorde tuy kém hiện đại nhưng vẫn là một chiếc máy bay.

Trên quá trình hình thành và tiến hóa mấy ngàn năm nay, dân chủ rút lại là một thử thách của con người đối với chính mình, sau khi nó đã thoát ra khỏi thần quyền và tiếp tục chế ngự thiên nhiên để tăng trưởng quyền lực cho mình. Một nhà canh tân nhân bản Tây Ban Nha phần đầu thế kỷ này đã viết đại ý rằng Con người không có một bản chất tự nhiên, "nó là thứ mà chính tự nó muốn trở thành". Phải chăng Ortega Y Gasset muốn nói rằng con người muốn tìm cho đời sống của mình một ý nghĩa, vì ngoài cơ thể ra con người còn có tinh thần? Cũng còn có luồng tư tưởng khác coi con người là một thể sống liên kết với lịch sử. Khổng Tử cho rằng con người bẩm sinh đã mang trong nó cái ánh sáng trời cho (minh đức) phải tu thân làm sáng cái ánh sáng đó để ổn định đời sống cá nhân, giữ vững gia đình mà tổ chức xã hội trên thuận dưới hòa, lấy lòng nhân ái, lễ nghĩa thay luật pháp mà sống chung trong hòa bình, nhà đêm tối không cần đóng cửa, của rơi rớt ngoài đường không ai lượm v.v... Con đường đi có thể khác nhưng dân chủ ngày nay cũng chỉ muốn bấy nhiêu thôi. Một giấc mơ mà gần trọn cả cuộc đời mình, Khổng Tử không tìm được cơ hội thực hiện. Sự thảm bại của ông về mặt làm chính trị đã không xóa đi sự thành công của ông trong địa hạt tư tưởng chính trị.

Dưới cái nhìn nghiêm ngặt của những kinh nghiệm, kiến thức về dân chủ thời nay, người ta chỉ muốn coi tư tưởng Khổng Tử như một nguyên mẫu dân chủ (protodémocratie). Đánh giá như vậy cũng là đúng ở thời điểm trước mắt. Tuy nhiên trên chiều dài của dòng lịch sử có thể tương đối hóa cách nhìn vì có thể là đời sau cũng sẽ coi dân chủ đời nay như một nguyên mẫu dân chủ.

Trở về thực tại, dân chủ trong hiện tình lãnh hai sử mệnh. Trước nhất là phải đánh đổ chuyên chế với khẩu hiệu "Tất cả mọi quyền hành cho dân". Sau nữa là đối với chính bản thân nó, dân chủ phải tiếp tục tự hoàn thiện với khẩu hiệu "Không trao tất cả quyền hành cho bất cứ ai".

Tư tưởng phân tích của phương Tây đã đưa dân chủ từ trạng thái sơ đẳng thích hợp cho một cộng đồng sống trong những thành- quốc nhỏ thửa xưa ở Hy Lạp tiến lên hàng một chế độ chính trị phổ biến cho

nhân loại sống trên khắp hoàn vũ. Sự sụp đổ của chuyên chế toàn trị cộng sản đã khiến cho dân chủ trực diện với chính nó để nó khám phá ra rằng nó có bị đe dọa suy thoái (dégression démocratique) dưới sức ép đảo của kinh tế. Chính trị hiện nay phải là chính-trị-kinh-tế và đương nhiên dân chủ cũng phải kinh-tế-hóa. Dân chủ đa nguyên đã giúp cho sự ra đời của xã hội tiêu thụ, bông hoa rực rỡ của văn minh kỹ nghệ. Mối liên hệ nhân quả giữa dân chủ và xã hội tiêu thụ không phải một chiều mà hai chiều. Vấn đề lớn của thời đại là tìm hiểu xem số phận của dân chủ đa nguyên có bị gắn liền với số phận của xã hội tiêu thụ hay không? Nhân loại ngày ngật với những tiến bộ thần kỳ của mình nhưng đồng thời cũng ý thức được rằng mình đã đánh mất đi cái vũ trụ tuân nguyên (univers déterministe) của những thế kỷ trước để chỉ chờ đón một vũ trụ của những bất định (incertitudes) - dù là những bất định khoa học - và còn cực kỳ phức tạp. Tất nhiên viễn tượng bất định đã tạo ra phản ứng không đều hàng bất định. Phê bình công bằng tư tưởng tổng hợp Khổng Tử với những xác tín vào con người biết triển khai ý chí và tự do của mình để xác lập nhân luân (điều mà Kant hơn hai mươi thế kỷ sau Khổng Tử cũng vẫn còn làm) là một phản ứng không có gì là bất bình thường trước viễn tượng bất định ấy. Nhất là hiện nay dường như phương Tây đang muốn tìm cho được một thể tổng hợp của tư tưởng phân tích. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử có thể bổ trợ cho tư tưởng phân tích phương Tây để cho dân chủ phương Tây có thêm tính nhân chủ.

Trần Thanh Hiệp

(*) Rất tiếc không đủ chỗ để trích dẫn phần phiên âm tiếng Việt-hán. Phần dịch ra tiếng Việt những ý kiến được trích dẫn, người viết đã dựa vào các sách tiếng Pháp, tiếng Việt có phần đối chiếu chữ Hán để dịch thoát.

Đính chính

Trong bài "Trần Dần: Tôi thích đối thoại như tra tấn" (Thông Luận 101, 02/97), trang 31 cột 3, Trần Dần trả lời Hoàng Phủ Ngọc Tường, xin đọc: "Trần Dần: Nhân cách là văn cách" (thay vì: nhân cách là nhân cách).

Ở phần cuối, người ghi lại xin đọc Nguyễn Trọng Tạo (thay vì Nguyễn Tạo). Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

Có đường giầy Bắc Kinh cho ứng cử viên Bill Clinton?

Quan hệ Trung - Mỹ trong những ngày gần đây được cải thiện rõ rệt. Tân ngoại trưởng Mỹ, bà Madeleine Albright, vừa tuyên bố ở Paris là quan hệ Trung - Mỹ rất quan trọng không nên để vấn đề nhân quyền làm bế tắc. Nói một cách khác, vấn đề nhân quyền là vấn đề "phụ". Sự kiện này làm các nhà bình luận Mỹ đặt câu hỏi: Bắc Kinh có ủng hộ tài chính cho ứng cử viên Bill Clinton hay không? Dưới ngòi bút của ký giả tờ Washington Post, ngày 13-2, ông Bob Woodward, người đã từng làm cựu tổng thống Nixon run sợ, đưa ra giả thuyết là Bắc Kinh đã ủng hộ tài chính cho đảng Dân Chủ của tổng thống Clinton. Theo Bob Woodward, cơ quan tình báo FBI đã cho nhân viên "nghe trộm" các cuộc đàm thoại của sứ quán Trung Quốc ở Washington và đi đến kết luận là Bắc Kinh đã dùng đường dây Hoa kiều hải ngoại để ủng hộ tài chính với số tiền là 640.000 USD cho đảng Dân Chủ. Đường dây này là tập đoàn Lợi Bảo (Lippo) của Nam Dương do gia đình Riady, người gốc Hoa chủ động.

Tập đoàn Lợi Bảo đứng vào hàng thứ năm trong các tập đoàn giàu nhất của Nam Dương và có nhiều quyền lợi ở Trung Quốc. Hai người đứng trung gian của đường dây là ông Hoàng Kiến Nam (John Huang), một cựu công chức cao cấp ở bộ thương mại Hoa Kỳ, và ông Webster Hubbell, một cựu bộ trưởng tư pháp đã bị 15 tháng tù vì tội gian lận thuế má và vừa được trả tự do. Ông Hubbell, bạn thân của tổng thống Clinton và đã dính líu tới vụ Whitewater, cũng được tập đoàn Lợi Bảo cho nhiều thù lao... Nhờ đường dây này mà Vương Quân, một trong những giám đốc hãng Citic của Bắc Kinh chuyên bán vũ khí, đã viếng thăm tòa Bạch Ốc. Cũng nên nhắc lại Vương Quân là con của tướng Vương Chấn, cựu phó chủ tịch nhà nước của Bắc Kinh nay đã từ trần.

Tòa đại sứ Trung Quốc ở Washington dĩ nhiên chối leo lẻo là không có can thiệp vào nội tình của nước Mỹ, trong khi đảng Dân Chủ của ông Clinton bắt buộc phải hoàn tiền cho những người đóng góp một cách "bất hợp pháp".

Qua sự kiện "linh tinh" này, người ta thấy Bắc Kinh đã không ngần ngại dùng đường dây Hoa Kiều hải ngoại để làm lung lay đoàn tình hình chính trị khắp nơi trên thế giới.

Hai người Hoa tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ viếng thăm Pháp

Ông Ngô Hoàng Đạt (Harry Wu) là người rất am tường về chế độ lao động cải tạo (Lao-gai) của Bắc Kinh. Ông không những bị 19 năm tù, từ 1960 đến 1979, mà còn nhiều lần dấn trở lại quê mình với tên giả để điều tra về chế độ lao tù. Lần chót, cách đây một năm, ông bị bắt và bị xử án 15 năm tù nhưng sau đó bị trục xuất vì ông có quốc tịch Mỹ. Thế giới được thấy tận mắt những hình ảnh do ông lên lút quay ở các trại cải tạo. Ngoài ra ông còn viết ba quyển sách về chế độ lao động cải tạo của Bắc Kinh.

Trong chuyến thăm viếng Pháp vào đầu tháng 2, ông có dịp tranh cãi với nhà Hàn Lâm viện Alain Peyrefitte trên đài truyền hình và báo Figaro (ngày 6, 7 và 9 tháng 2-1997). Ông Peyrefitte là "đầu tàu" của mối bang giao Paris-Bắc Kinh, với lập trường bênh vực mù quáng chế độ này. Ông cũng là người trong đảng đương cầm quyền tại Pháp.

Ông Đạt bác bỏ lý thuyết theo đó phát triển kinh tế sẽ đưa tới tự do dân chủ. Ông dẫn chứng là chế độ Bắc Kinh cơ bản không thay đổi. Ngụy Kinh Sinh chỉ viết một bài báo lại bị thêm 14 năm tù (sau khi đã mãn hạn 15 năm tù trước đó). Vương Đan chỉ muốn xin học ở một đại học Mỹ: 11 năm tù. Còn ông, Ngô Hoàng Đạt, phạm tội vì phạm cơ mật quốc gia: 15 năm tù. Ông Đạt cũng bác bỏ sự so sánh chế độ quân phiệt Nam Hàn và chế độ Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan trước đây với chế độ Bắc Kinh hiện nay. Đài Loan và Nam Hàn đi theo thể chế kinh tế thị trường tự do, nghĩa là có sở hữu tư nhân. Trong khi ở Trung Quốc tư hữu do nhà nước "quản lý".

Được hỏi về tương lai của Hương Cảng, ông vừa bi quan vừa hy vọng. Hương Cảng sẽ không còn là nơi cư trú của những người Trung Hoa tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ. Trái lại, Hương Cảng có thể trở thành một mầm độc "tốt" cho tự do dân chủ ở lục địa.

Nhân vật thứ hai là luật sư Lý Trụ Minh (Martin Lee), chủ tịch Đảng Dân Chủ Hương Cảng. Đảng của ông đã chiếm gần phân nửa ghế ở Hội Đồng Lập Pháp (Legco) sau cuộc tổng tuyển cử tháng 9-1995, nhưng Bắc Kinh tuyên bố không thừa nhận hội đồng lập pháp này và đã bổ nhiệm một hội đồng lập pháp "tạm thời"

vào cuối năm 1996. Mục đích chuyến viếng thăm Âu châu của ông Minh là để cảnh giác các chính quyền Âu Châu không nên vì tham lợi thương mại với Bắc Kinh mà bỏ rơi người Hương Cảng. Ông Minh cho rằng Bắc Kinh đã vi phạm một hiệp định quốc tế mà họ đã ký (thông cáo chung giữa Anh và Trung Quốc). Nếu không lên án, họ sẽ tiếp tục vi phạm các hiệp định quốc tế khác. Ông cho rằng việc Bắc Kinh không có ý định "giết con gà đẻ trứng vàng" Hương Cảng để lấy cảm tình người Đài Loan chỉ là một việc phụ. Việc chính là họ muốn bám víu chính quyền, ông dẫn chứng bằng sự kiện đâm máu Thiên An Môn vì chính quyền của họ lúc đó bị đe dọa.

Được hỏi về ông Đồng Kiến Hoa thống đốc mới của đảo sau ngày 1-7-1997, ông Minh đã tỏ ra rất thất vọng. Ông cho ông Hoa thay vì gương cao ngạo cơ tự do dân chủ của đảo lại hành động như một phát ngôn viên chính thức của Bắc Kinh.

Ở Pháp, ông Minh chỉ được bộ trưởng tư pháp Pháp Jacques Toubon tiếp đón cũng như Quốc Hội và Thượng Viện. Điện tổng thống và bộ ngoại giao Pháp cho biết không thể tiếp đón ông.

Khủng hoảng chính trị tại Nam Hàn

Thủ tướng Nam Hàn Lý Thọ Thành (Lee Soo Sung) cùng chính phủ đã đệ đơn từ chức ngày 25-2 sau vụ tai tiếng của tập đoàn gang thép Hàn Bảo (Hanbo), trong đó có một bộ trưởng, ban đại biểu quốc hội chính đảng và ông Kim Hiền Triết, con của tổng thống Kim Vịnh Tam nhúng tay vào.

Tập đoàn Hàn Bảo là một trong 14 tập đoàn lớn nhất của Nam Hàn, tuy đã được Ngân hàng quốc gia can thiệp với 7 tỷ USD, nhờ áp lực của giới cầm quyền, đã tuyên bố phá sản. Người ta để ý sự liên hệ của con tổng thống Kim Vịnh Tam với gia đình tổng giám đốc Hàn Bảo là ông Trịnh Thái Thủ (Chung Tae Soo). Con ông Thủ là bạn cùng học đại học trước đây với con ông Kim Vịnh Tam.

Tổng thống Kim Vịnh Tam phải lên đài truyền hình xin lỗi quốc dân vì vụ tai tiếng này. Ông tuyên bố: "Con cái không được dạy dỗ tốt là do trách nhiệm của cha mẹ". Ông còn công nhận sự tham nhũng trong giới kinh tài đã trầm trọng ăn sâu vào đời sống chính trị trong xứ.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Chế độ Bắc Hàn sắp sụp đổ?

Chỉ trong vòng mười ngày chế độ Bắc Hàn đã mất đi ba lãnh đạo cột trụ. Người đầu tiên là ông Hoàng Trường Diệp (Hwang Jang Yop), người sáng lập ra thuyết "chủ thể", đã trốn và xin tị nạn chính trị ở tòa lãnh sự Nam Hàn ở Bắc Kinh. Người thứ hai là thủ tướng Khương Thành San (Kang Sung San), bị Kim Chính Nhật cách chức và được đệ nhất phó thủ tướng Hồng Thành Nam (Hung Sung Nam) lên thay. Người thứ ba là nguyên soái Thôi Quang (Choe Kwang), bộ trưởng quốc phòng, bất thần theo Đặng Tiểu Bình.

Ngày 12-2, ông Hoàng Trường Diệp và người đồng sự Kim Đức Hoảng (Kim Duk Hong), giám đốc viện nghiên cứu Trung ương đảng Lao động (cộng sản) Bắc Hàn xin tị nạn chính trị ở lãnh sự Nam Hàn tại Bắc Kinh khi trên đường từ Đông Kinh về Bình Nhưỡng. Bắc Hàn lúc đầu cho rằng hai vị này bị cơ quan tình báo Nam Hàn "bắt cóc" và đòi bộ ngoại giao Bắc Kinh phải trao trả lại cho họ. Nhưng một tuần sau đó, Bình Nhưỡng phải công nhận sự bỏ trốn của của ông Diệp với lời bình luận thù hằn: "Người hèn có thể bỏ trốn vì nó là thẳng hèn".

Đây là lần đầu tiên một nhân vật cao cấp Bắc Hàn từ bỏ chế độ. Cách đây đúng một năm, người vợ trước của Kim Chính Nhật, bà Thành Huệ Lâm (Sung Hye Lim) cùng người chị cũng bỏ chạy nhưng họ không phải là đảng viên cao cấp. Ông Diệp năm nay 73 tuổi, là ủy viên Ban bí thư, đặc trách đối ngoại của Trung ương đảng kiêm chủ nhiệm ban đối ngoại ở quốc hội. Trước đây ông còn là viện trưởng đại học Kim Nhật Thành và chủ tịch quốc hội. Lúc Kim Nhật Thành còn sống, ông được sắp xếp vào hàng thứ 13 của chế độ. Nhưng trong những năm gần đây, cương vị của ông bị hạ xuống hàng thứ 24. Lý do là thuyết "chủ thể", một loại thuyết "tự lực cánh sinh" của Mao ở thập niên 50, do ông sáng lập không còn hợp thời nữa. Trong khi nhân loại sắp vào thế kỷ 21, thuyết "chủ thể" cơ bản dựa vào hai nhân tố lỗi thời: tôn sùng cá nhân và tự lực cánh sinh. Tôn sùng cá nhân Kim Nhật Thành, người sáng lập chế độ còn có lý do trong thời chiến tranh lạnh, nay lại tôn sùng người con vô trách nhiệm trở thành quá lỗ bịch. Còn thuyết tự lực cánh sinh lại bị phá sản sau khi Bắc Hàn phải ngửa tay xin viện trợ Nam Hàn và Hoa Kỳ. Lại nữa

Kim Chính Nhật lại có ý định sáng lập thuyết "Hồng kỳ" trong thuyết chủ thể. Cũng vì lý do nói trên mà ông Diệp bị hạ tầng công tác và lối thoát của ông là xin tị nạn chính trị tại nước ngoài.

Còn thủ tướng Khương Thành San, năm nay 66 tuổi, là nhân vật thứ 6 của chế độ. Ông có lúc làm thủ tướng từ 1984 - 1987 trước khi đảm nhiệm trở lại từ tháng 12-1992 cho đến nay. Ông San bị cách chức vào ngày 21-2 vì bất đồng ý kiến với Kim Chính Nhật vì đường lối mở rộng kinh tế do ông chủ trương và nhất là ông có người con rể đã trốn sang Nam Hàn trong năm 1994. Ông Thôi Quang, năm nay 79 tuổi, là một trong ba nguyên soái của chế độ trong đó có Kim Chính Nhật! Ông là nhân vật số hai của quân đội và số 10 của chế độ, ông đương là tổng tham mưu trưởng quân đội kiêm bộ trưởng bộ quốc phòng. Ông thay bộ trưởng bộ quốc phòng Ngô Chấn Vũ (O-Jin Yu) khi ông này từ trần vào tháng 9-1995.

Năm Đinh Sửu có lẽ là năm không may mắn cho Bắc Hàn. Điều bất lành đầu năm báo hiệu ngày cáo chung của chế độ?



Tin ngắn trong nước

Ca tụng Trường Chinh

Nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh Trường Chinh (9-2-1907), các báo Sài Gòn Giải Phóng, Người Lao Động, Thanh Niên đăng những bài dài ca ngợi Trường Chinh như một nhà lãnh đạo tài ba và anh minh, một "nhân cách văn hóa (?) lớn". Giáo sư tiến sĩ Huỳnh Khải Vinh, tác giả của mấy bài ca ngợi, viết rằng cải cách ruộng đất có những mặt sai, thiếu sót, nhưng nhìn chung không phải do đường lối, chủ trương sai mà do sai lầm phát sinh trong quá trình thực hiện (Thanh Niên, 15-2-1997). Nhân dịp này một đêm thơ Sóng Hồng đã được tổ chức ngày 22-2-1997 tại Nhà Văn Hóa Quận Phú Nhuận.

Niềm an ủi cho những nạn nhân của cuộc cải cách ruộng đất bốn mươi năm về trước: ít nhất thì họ cũng được chết bởi một tay có "nhân cách văn hóa lớn"!!

Báo Quê Hương lên Internet

Quê Hương là tên một tờ báo của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, được đưa lên Internet đúng đêm giao thừa Tết Đinh Sửu với địa chỉ WEB là: [HTTP://HOME.VND.NET](http://HOME.VND.NET), để phổ biến kịp thời những chủ trương chính sách lớn của

Đảng và Nhà nước ta đến cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài (Tuổi Trẻ, 13-2-1997). Chẳng hạn như chính sách đối với người Việt muốn trở về sinh sống ở quê hương thì cần có ai bảo lãnh, hay dự luật đang soạn thảo theo đó những người Việt Nam ở nước ngoài sẽ mất quốc tịch Việt Nam.

Công nhân tranh đấu

Buộc hai công nhân thôi việc vì không chịu làm tăng ca, chủ hãng may Chu Hsing (vốn ngoại quốc) tại Sài Gòn đã phải chịu cuộc đình công 6 giờ liền của trên 300 công nhân. Công nhân đòi chủ bảo đảm ngày lao động 8 tiếng, phải trả tiền tăng ca, không được tùy tiện tăng định mức, được nghỉ phép, nghỉ lễ theo luật định... Chủ hãng lui bước. Hai công nhân đã được nhận lại làm việc. Một bài học cho những chủ ngoại quốc cậy tiền bạc ức hiếp dân Việt nghèo.

Cần Giờ

Cần Giờ, một địa danh đã đi vào lịch sử chống xâm lược, nơi quân đội Nguyễn Huệ nhận chìm tàu Pháp do đô đốc Manuel chỉ huy, sau năm 1975 bị đổi thành Duyên Hải, nay đã được nhận lại tên cũ. Cùng sau năm 1975, Cà Mau bị nhập với Bạc Liêu thành tỉnh Minh Hải. Bao giờ Cà Mau được nhận lại tên mình? Và Sài Gòn?

Đàn đá tại Lộc Ninh

Tìm được hai đàn đàn đá còn nguyên vẹn ở Lộc Ninh với 12-14 thanh mỗi đàn. Cách sắp xếp các đàn đá giống như kiểu đàn tre T'rưng và Kloong Put, như cách giáo sư Trần Văn Khê tìm thấy trong bộ đàn Ndut Lieng Krak tại Bảo tàng Con Người (Musée de l'Homme) tại Paris. Để chơi đàn này cần có một đội nhạc công có nhạc cảm tinh tế.

Tamexco: mọi người kháng án

Trong vụ án Tamexco nổi tiếng toàn quốc, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Sài Gòn kháng nghị: tòa án để lọt tội bị cáo Trần Quang Vinh đưa hối lộ 151 triệu đồng cho bị cáo Lê Đức Cảnh. Án sơ thẩm tuyên Vinh không phạm tội hối lộ. Vietcombank trung ương, Vietcombank Sài Gòn, First Vina Bank kháng cáo đề nghị làm rõ trách nhiệm của Ban Tài chính Quản trị Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Bốn bị cáo bị tuyên báo tử hình là Phạm Huy Phước,

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Trần Quang Vinh, Lê Minh Hải, Lê Đức Cảnh đã kháng cáo toàn bộ bản án. Các quan chức ngân hàng Nguyễn Duy Lộ, Nguyễn Văn Dê, Nguyễn Mạnh Thúy, Trần Linh cũng kháng án kêu oan.

Thuế thu nhập

Pháp lệnh thuế thu nhập được sửa đổi như sau: mức thu nhập đến 2 triệu đồng không phải nộp thuế, thuế tăng dần tới mức thu nhập 8 đến 10 triệu đồng sẽ chịu thuế suất 50% và trên 10 triệu đồng 60%. Theo pháp lệnh này, người làm việc có mức lương 10 triệu đồng sau khi nộp thuế sẽ lãnh lương thực tế bằng người làm việc có mức lương 6 triệu đồng. Các báo không đăng tin, không bình luận gì về chuyện người giỏi sẽ không đem hết khả năng ra làm việc để được lãnh lương bằng người kém mình. Khuynh hướng chung của thế giới là bỏ dần lối đánh thuế gọi là lũy tiến này để kích thích tinh thần cầu tiến. Và lại bất công xã hội chủ yếu do tham nhũng và móc ngoặc chứ không phải do lương bổng.

Dân làm chủ

Ông chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh nói về quyền làm chủ của dân, rằng trong những việc liên quan tới những chính sách lớn có thể dùng những hình thức mà "lâu nay chúng ta đã làm như: trong Đảng lấy ý kiến của dân để xây dựng nghị quyết, Quốc hội dự thảo một số luật lấy ý kiến dân". Trả lời câu hỏi của phóng viên báo Tuổi Trẻ về chuyện luật bầu cử hiện "cho" quyền tự ứng cử, nhưng lại "chưa có đủ cơ chế bảo đảm quyền này", ông Chủ tịch nói rằng: "Luật mình quy định ai cũng có quyền ứng cử nhưng để đảm bảo xứng đáng, theo tôi, cần có cơ chế lựa chọn". Nghị quyết của đảng là cái để nhân dân học tập mà làm theo, đảng lại đề ra luôn cái cơ chế lựa chọn thì những Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Hộ... đừng có xó rớ ở của Quốc Hội làm gì mà công an tóm cổ!

Du lịch Việt Nam đang gặp khủng hoảng

Trong năm 1996, có 1,6 triệu khách du lịch quốc tế đã đến Việt Nam, tăng 18% so với 1995; khách du lịch nội địa là 6,5 triệu người, tăng 30%, trong đó có hơn 10.000 Việt Nam đi du lịch nước ngoài. Thực ra ngành du lịch tại Việt Nam đang gặp khủng hoảng. Con số 1,6 triệu không phản ánh đúng

thực tế vì số du khách đến bằng đường hàng không năm 1996 chỉ bằng 80% của năm 1995 (khoảng một triệu người), số còn lại (rất ít) đến bằng đường biển và đường bộ. Việc quy ghép hàng ngàn người có giấy thông hành qua lại biên giới bằng đường bộ mỗi ngày, để mua bán hoặc thăm thân nhân rồi quay về trong ngày, thành khách du lịch là không đúng.

Tại Sài Gòn tỷ lệ phòng có khách tại khách sạn giảm từ 68% năm 1993, xuống còn 63% năm 1994, 54% năm 1995 và 45% năm 1996. Tại những nơi khác, công suất sử dụng phòng còn thấp hơn, nhất là tại Đà Lạt, Vũng Tàu và Huế (đối với một khách sạn, công suất sử dụng phòng dưới 40% đồng nghĩa với sự phá sản). Nhiều khách sạn đã hạ giá thuê phòng xuống nhiều lần cũng không cứu vãn tình thế.

Những quy định về kiểm tra, quản lý du khách quốc tế chông chéo, những thủ tục khám xét hải quan gây phiền hà không ít cho ngành du lịch. Ông Hoàng Hội, giám đốc Cap Tour Hanoi, nói việc quy định hình phạt cho những công ty du lịch nội địa có khách (Việt Nam) bỏ trốn tại nước ngoài là bất hợp lý vì các công ty xử hành "không thể làm thay Bộ Nội Vụ các nước này".

Trình độ chuyên môn các công ty du lịch nội địa còn quá yếu kém so với các công ty du lịch quốc tế. Bà Nguyễn Thị Thảo, giám đốc Sở Du Lịch Sài Gòn, cho biết ngành du lịch Việt Nam chưa có nỗ lực nào đáng kể để hội nhập vào khu vực ASEAN và thế giới; bà Thảo đề nghị thành một lập lực lượng cảnh sát du lịch riêng. (Chú thích của Thông Luận: bà Nguyễn Thị Thảo, tức Sáu Thảo thực ra là đại tá công an, cục phó Cục Tình Báo).

Bà Võ Thị Thắng, tổng cục trưởng TCDLVN, nhận xét: "Sau ba năm, cùng chùng đó tuyển điểm du lịch, chỉ có hư hỏng, xuống cấp trầm trọng hơn".

Việt Nam là quốc gia có lệ phí visa cao bậc nhất thế giới, hơn nửa khi làm visa du khách còn bị nhân viên tòa đại sứ phiền nhiễu đủ điều. Phần lớn du khách đến thăm Việt Nam không ai muốn trở lại lần thứ hai vì không còn gì để xem.

Báo xấu

Báo Công An thành phố Hồ Chí Minh, cuối tháng 2-1997, đã đăng cả một bài nghiên cứu tỉ mỉ về tình hình báo chí Việt Nam tại hải ngoại. Tác giả Thái Hồng kể tên tất cả những tờ báo và cho biết có gần 500 tờ báo Việt ngữ xuất bản tại hải ngoại. Bài báo cũng không quên tố khổ các đài

phát thanh, truyền hình và các bài trên mạng lưới Internet. Tác giả đánh giá tất cả những bài báo, trừ một vài trường hợp lẻ loi mà tác giả không nêu tên, đều là các thể lực thù địch.

Ngộ nghĩnh nhất là tác giả nhận xét: "Trong làng báo tiếng Việt hải ngoại đang diễn ra tình hình mất dần chủ rất nghiêm trọng. Các thể lực thù địch ở nước ngoài đã triệt để khai thác cả cái hay, cái dở của hệ thống báo chí ấy vào mục đích chống phá Việt Nam". So sánh báo chí hải ngoại và trong nước, tác giả viết: "Đặt những tờ báo sáng giá nhất của người Việt ở hải ngoại bên cạnh các tờ báo cỡ trung bình trong nước thì ai cũng thấy rõ sự nổi bật, hơn hẳn của báo chí trong nước". Tại sao báo chí trong nước hơn hẳn, tác giả cho biết: "Báo chí cách mạng của ta ngày càng trưởng thành và đổi mới, đang thực sự là vũ khí tư tưởng sắc bén của Đảng...". Rồi là báo với chí!

Duyên Anh không còn nữa

Nhà văn Duyên Anh đã từ trần ngày 30 Tết, tức ngày 6-2-1997, tại bệnh viện Antoine Beclère (Clamart, ngoại ô Paris) vì bệnh ung thư gan, hưởng thọ 62 tuổi.

Duyên Anh tên thật là Vũ Mộng Long, sinh ngày 16-8-1935 tại Thái Bình, di cư vào năm năm 1954, viết truyện từ năm 1960. Là tác giả khoảng 60 tiểu thuyết xã hội, Duyên Anh nổi tiếng từ những năm 1960 qua loại truyện viết cho nhi đồng. Truyện ngắn thương tâm "Con sáo của em tôi" được coi như một trong những truyện ngắn xuất sắc. Duyên Anh viết nhiều tiểu thuyết xã hội, mô tả đời sống của lớp thanh niên đương đại, như "Luật hè phố" (1965), "Vết hằn trên lưng ngựa hoang" (1967), v.v...

Duyên Anh còn có bút hiệu khác là Thương Sinh, ký dưới những bài báo có tính dụng chạm đến đời tư của nhiều người. Với loạt bài này, ông đã gây nhiều ân oán giang hồ. Sau 1975, ông bị đi học tập cải tạo, từ tháng 8-1976 đến tháng 11-1981. Ông vượt biển tị nạn tại vào tháng 3-1983. Vài năm sau, tại Hoa Kỳ, ông bị hành hung khiến bị bán thân bất toại; ông trở về Pháp chữa trị và ở luôn tại đây cho đến khi mất.

Duyên Anh là một tác giả bình dân và được giới thanh niên miền Nam ưa chuộng trong thời kỳ trước 1975. Ra ngoại quốc, ông vẫn tiếp tục sáng tác, nhưng những tác phẩm sau này của ông không đem lại sự chú ý của độc giả như trước nữa.

Nói chuyện với Vũ Thư Hiên

LTS: Nhà văn Vũ Thư Hiên là một trong những nạn nhân của tấn bi kịch xảy ra ba chục năm về trước mà tác giả là Đảng Cộng Sản Việt Nam vào giữa thập niên 60. Hàng chục cán bộ cao cấp và trí thức bị bắt, bị cầm tù nhiều năm, nhiều người đã chết trong ngục, hàng trăm người bị trấn áp bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả con cái họ. Nhân dịp cuốn hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày của ông sắp được công bố, nhóm Thông Luận đã tổ chức một cuộc gặp gỡ thân mật với Vũ Thư Hiên.

Nguyễn Gia Kiểng: Ở bên ngoài Việt Nam, chúng tôi rất mù mờ về vụ "xét lại chống đảng"...

Vũ Thư Hiên: Vụ "nhóm xét lại chống Đảng".

- Và anh được coi là một trong những "tên" trong nhóm đó?

- (Cười) Có lẽ là như thế, bởi vì tôi cũng bị bắt giam, cũng ở tù như họ. Ngoài cái tên gọi ra tôi chỉ quen một số ít người trong cái gọi là "nhóm" này.

- Nghĩa là hoàn toàn không có một "nhóm", như các đảng cộng sản Việt Nam gọi?

- Không có. ĐCSVN có hệ khái niệm khác với chúng tôi, với các anh, mà cũng có thể khác với cả bộ phận nhân loại sống trong phần thế giới còn lại. Cho nên với đảng có nhóm đó cũng nên. Nói chung, vụ "Nhóm xét lại chống Đảng" là một câu chuyện dài, không thể nào gói gọn trong một câu trả lời. Chính tôi cũng biết về vụ án mù mờ không kém gì những người ngoài cuộc, nếu như tôi không bỏ một thời gian nghiên cứu chuyện này trong khi viết về giai đoạn đó. Tên gọi chính thức của vụ án tôi cũng chỉ được biết cách đây vài năm, khi một người trong cuộc, nhưng ở phía bên kia, phía những người bắt chúng tôi, bỗng phản tỉnh đòi giải oan cho những người bị bắt.

- Ông Nguyễn Trung Thành, vụ trưởng Vụ Bảo Vệ Đảng?

- Vâng, ông ấy. Vì đòi giải oan cho những người bị trấn áp ông Thành bị đảng cộng sản khai trừ. Theo tôi biết, ông Nguyễn Trung Thành không lấy làm buồn về chuyện này. Chúng tôi kính trọng nhân cách của ông ấy. Người ủng hộ ông Thành, ông Lê Hồng Hà, cũng bị khai trừ cùng một ngày, và hôm nay còn đang ngồi trong tù.

- Chúng tôi được đọc bức thư Ban chấp hành Trung ương đảng của cụ bà Phạm Thị Tề. Bức thư làm chúng tôi rất xúc động. Qua bức thư này chúng tôi mới biết được một phần sự thật về vụ án được giữ

kín đến nỗi dư luận Phương Tây mù tịt. Cũng qua bức thư của thân mẫu anh, người đọc mới biết anh đã phải ở tù chín năm.

- Gần chín năm.

- Vì tội gì vậy?

- Tôi cũng không biết hơn anh tôi bị tội gì. Chắc trong hệ khái niệm của ĐCSVN tôi là kẻ có tội, trong khi tôi lại nghĩ rằng không.

- Nhưng ít nhất cũng phải có một bản án chứ?

- Án ở Việt Nam cũng là một khái niệm không dễ hiểu. Thí dụ, nếu tôi nói tôi bị án "xử lý nội bộ" chắc anh không hiểu nó là cái gì. Đầu tiên người ta nói với tôi như thế. Sau lại nói rằng chúng tôi bị "tập trung cải tạo". Nó là một thứ vừa án vừa không án, nghĩa là công dân này bị án này cứ việc ở tù, nhưng chỉ bị tính là "tiền sự". Hình như những từ ngữ này khó dịch sang tiếng Pháp, phải không anh?

- Quá khó.

- Thì cứ để nguyên tiếng Việt, như từ điển Larousse có le nuoc mam vậy. Nước mắm là thức đặc thù Việt Nam. Ngay cả anh em làm công việc dịch ở Việt Nam cũng gặp khó khăn trong khi dịch những từ ngữ độc đáo như thế.

- Tôi còn điều này không hiểu. Tại sao nói một người như ông Hoàng Minh Chính, coi như tội nặng nhất lại ở tù có sáu năm, còn anh thì lại chín?

- Anh càng thấy mình oan, càng cãi lại anh càng ở tù lâu hơn. Trong nhà tù cộng sản, không nhận tội là tội lớn nhất. Đảng đã bắt anh nếu anh không có tội hóa ra Đảng sai sai hay sao? Không nhận tội là phỉ báng Đảng. Ở Việt Nam không phải nhà nước làm án, mà đảng cộng sản làm. Trong tù tôi chưa một lần nghe thấy các vị hỏi chúng tôi nói tới Nhà nước. Các vị nói với tôi: "Số phận các anh do Đảng quyết định. Nếu các anh thành tâm hối cải thì Đảng sẽ xét mà tha cho các anh về với vợ con". Tôi kém hối cải nên Đảng không thương. Nói cho đúng, sau khi được tha

anh Chính còn phải chịu lưu đầy ba năm, cũng như cha tôi và tướng Đặng Kim Giang, và nhiều anh em khác.

- Ở hải ngoại, nhiều người có cảm tình với những nạn nhân của vụ "xét lại chống đảng" vì nghĩ rằng họ đã dám chống lại ban lãnh đạo đảng. Nói rằng không làm gì có nhóm đó, anh đã tiêu hủy lý do khiến nhiều người ủng hộ không?

- Dầu sao cũng phải nói đúng sự thật. Chúng tôi đã là nạn nhân của một sự dối trá, chúng tôi không thể dối trá.

- Trong Đêm Giữa Ban Ngày, anh nêu ra sự kiện các nạn nhân chính của vụ này là những người đã cùng ở trại tù Sơn La với Lê Đức Thọ.

- Lê Đức Thọ lúc đó được cất đặt làm bồi phòng cho viên quản lý trại giam. Thái độ của ông ta không lấy gì làm hiền ngang. Ông ta không ưa những người đã biết ông trong thời gian đó. Đó chỉ là một giả thuyết. Có thể chỉ là một sự trùng hợp.

- Ngoài những người tù cũ ở Sơn La, nhiều nạn nhân của vụ này là những anh hùng Điện Biên Phủ như thiếu tướng Lê Liêm làm chính ủy mặt trận Điện Biên Phủ, thiếu tướng Đặng Kim Giang, đại tá Lê Trọng Nghĩa. Đây cũng là một sự trùng hợp?

- Ở một khía cạnh nào đó, vụ này có thể xem như một trận Điện Biên Phủ thứ hai, trong đó những người chiến thắng trở thành chiến bại. Kể cả Võ Nguyên Giáp, ông Giáp cũng bị thương tổn rất nhiều trong vụ này.

- Tại sao ông Giáp không được làm tổng bí thư thay ông Trường Chinh sau Đại Hội III năm 1960 mà lại Lê Duẩn và Lê Đức Thọ?

- Chính ông Hồ Chí Minh muốn như vậy. Ông ấy ghen với hào quang của Võ Nguyên Giáp. Ông ấy không muốn một ai cạnh tranh với mình. Ông Hồ Chí Minh đã ủng hộ cặp Lê Duẩn - Lê Đức Thọ. Cuối cùng chính ông cũng bị họ đàn áp.

- Thủ phạm chính trong vụ này là ai?

- Tôi không hiểu câu hỏi. Đúng về phía Đảng mà nhìn thì thủ phạm chính là Hoàng Minh Chính, mặc dầu cũng có lúc người ta nói tới bộ ba: Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang. Nhìn từ phía chúng tôi thì thủ phạm chính là Lê Đức Thọ.

- Còn Lê Duẩn?

- Lê Duẩn không phải "đầu vụ". Vào thời gian ấy Lê Duẩn còn bận bịu với những mưu đồ lớn lao, kể cả mưu đồ trở thành nhà kinh điển mác-xít, nếu không được cơ quốc tế thì cũng cơ châu lục. Mấy cái thứ "làm chủ tập thể", "ba dòng thác

cách mạng", "tinh thần cách mạng tiến công" ra đời trong giai đoạn này. Đối với tôi mấy cụm từ đó giống như thần chú của phù thủy.

- Anh có thù Lê Đức Thọ không?

- Không nên thù một tên lưu manh.

Cho dù nó có ăn cướp một phần cuộc đời mình.

- Anh nhìn Lê Đức Thọ như một tên lưu manh?

- Nhiều người coi Thọ là đệ nhất gian thần trong lịch sử nước nhà. Danh hiệu đó hơi sang đối với Thọ, theo tôi.

- Cái nhìn của anh đối với chính quyền hiện tại?

- Tôi cho rằng chính quyền nào cũng hình thành một cách lịch sử. Nó không phải trên trời rơi xuống, không phải dưới đất mọc lên. Một khi nó đã là sản phẩm của lịch sử thì nó có cái hạt nhân duy lý của nó, nói theo Trần Đức Thảo. Phải đối đầu với nó như một thực thể khách quan, hiện tồn, bất kể anh thích hay không thích. Thái độ tốt nhất là không nên mặc nhiên coi nó là một cái để mà chống. Nhân nói về chính quyền hiện tại, tôi có tờ báo mới nhận, tôi đọc nhé?

- Anh cứ đọc. Có gì mới không?

- (Đọc) Báo Người Lao Động ra ngày 17-2 vừa đưa tin: "Trong quý I-1997 Bộ Tài Chính chưa tiến hành xem xét, giải quyết đối với tất cả các trường hợp mua xe ô-tô của các cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan Đảng và tổ chức đoàn thể sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước...". Tôi nhắc lại: "...cơ quan Đảng và tổ chức đoàn thể sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước...". Như thế là rõ ràng: Đảng sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, chứ không phải quỹ Đảng. Trong khi đó Đảng vẫn có quỹ riêng, có cơ quan hành chính quản trị riêng, có các công ty riêng để hoạt động kinh tế.

- Xin anh nói một chút về cuối hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày.

- Tác giả không nên nói về cuốn sách của mình.

- Không phải sự đánh giá, mà đôi lời tâm sự.

- Trong khi viết cuốn sách này, tôi mới tìm hiểu vụ án mà mình bị dính vào đó như một cái cúc thừa. Tôi phải đi tìm những văn bản có liên quan, hỏi chuyện nhiều người. Ngoài ra để hiểu được vì sao cuộc cách mạng không nhằm giết người lại gây ra những cái chết thảm khốc, tôi phải tìm từ cội nguồn của nó, theo dấu những bước đi của nó để hiểu tại sao lại có hậu quả này. Nói tóm lại, trong công việc tôi cảm thấy

mình lớn lên trong nhận thức về cuộc cách mạng, những lãnh tụ của nó, về chủ nghĩa Mác. Những dự báo của Mác không chính xác, nhưng mục tiêu của ông mãi đi cùng chúng ta: "Đưa con người từ vương quốc tất yếu qua vương quốc tự do".

- Chúng ta còn có nhiều đề tài để tranh luận.

- Tôi cho rằng tranh luận là hữu ích. Chỉ những cuộc tranh luận có sự tham gia của công tay và dùi cui mới khó chịu.

- Anh viết văn từ bao giờ?

- Từ năm lên sáu hoặc lên bảy. Tôi viết thư giúp những người hàng xóm mù chữ và bịa thêm vào những bức thư ấy những dòng của mình.

- Còn khi anh đã là nhà văn, được giải thưởng văn học loại A của Hội Nhà Văn Việt Nam cho cuốn Miền Thơ Ấu, anh có coi là viết văn không?

- Cuốn Miền Thơ Ấu là một tự truyện. Nhưng trong đó tôi không có ý định làm văn. Tôi viết cho các con tôi biết thời thơ ấu của tôi, và để thực thà trong câu chuyện tôi tả cuộc sống như tôi nhìn thấy. Cuốn sách được xuất bản sau khi nằm trong đồng giấy bị bỏ quên 18 năm, nhờ một người bạn thích lục bối các bản thảo mốc meo là nhà báo Lê Phát.

- Đêm Giữa Ban Ngày là hồi ký, cùng là dạng tự truyện, anh viết có khác viết Miền Thơ Ấu không?

- Có khác. Đêm Giữa Ban Ngày đòi tôi phải chính xác trong các sự kiện, và cái đó rất khó nhọc đối với tôi.

Mục lục

1. Đảng cộng sản và tham nhũng
Thông Luận
2. Hai lợi khí của Trung Quốc...
Huỳnh Hùng
3. Trung Hoa sau vị hoàng đế cuối cùng
Nguyễn Gia Kiểng
4. Đặng Tiểu Bình: hoàng đế cuối cùng
Nguyễn Phi Phụng
9. Thúc nỡ không gian
Bùi Tín
11. Tài liệu mật
12. Câu chuyện đầu năm
Người Sài Gòn
14. Vụ án Nguyễn Đình Huy
Trần Văn Nguyễn
15. Nhân quyền: khát vọng ngàn đời
Nguyễn Thanh Giang
19. Lương tri-một sức mạnh vô địch
Bùi Minh Quốc
22. Thực tại thời hậu cộng sản ở Đông Âu
Tôn Thất Thiện
24. Bàn thêm bài học đa nguyên dân chủ của Khổng Tử
Trần Thanh Hiệp
28. Thời sự tin tức
31. Nói chuyện với **Vũ Thư Hiên**

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 và 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Ông Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913
hay thanh toán tiền mua báo (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G; THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94; Bankleitzahl: 50 19 00 00